

BÁCH KHOA

SỐ 42 — NGÀY 1.10.1958

Trong số này :

HUỖNH-VĂN-LANG	Chánh sách nâng đỡ Người Việt.
HOÀNG-MINH-TUỖNH	Chế độ dân chủ Mác- xít.
NGUYỄN-HIỄN-LÊ	Quản-Trọng một chính trị gia lỗi lạc.
PHAN-KHOANG	Mùa Thu với người Á-đông.
TIỄU-DÂN	Đã đến lúc ngưng thí nghiệm vũ khí nguyên tử.
TRẦN-HÀ	Ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng Tân-hợi.
ĐOÀN-THÊM	Hai cái hồ.
NGUYỄN-HIỄN-LÊ	Hát hội.
NGUYỄN-THIỄU-LẬU	Trung quân Đoàn-Thợ.
MỘNG-TUYẾT	Thu phương Nam
BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í	Tiếng Địa phương.
HOÀNG-KHANH	Mùa Thu (thơ).
YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN	Tinh thu.
YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN (dịch)	Một tháng lợi không cần bạo lực.
HUY-LỰC	Đôi mắt (thơ).
HUY-SƠN	Hôm nay, ngày mai (truyện ngắn).
THÁI-BẠCH (dịch)	Thu phong oán (thơ Chiêu-quân).
KIỄU-YIỄU (dịch)	Sen lòng bóng nguyệt (liều-trai).
B. S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	Danh từ y ngữ.
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	Khói lửa kinh thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cu*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lao-Manh-Tu*"
— Rượu Tàu "*Tch-Tho-Tu*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

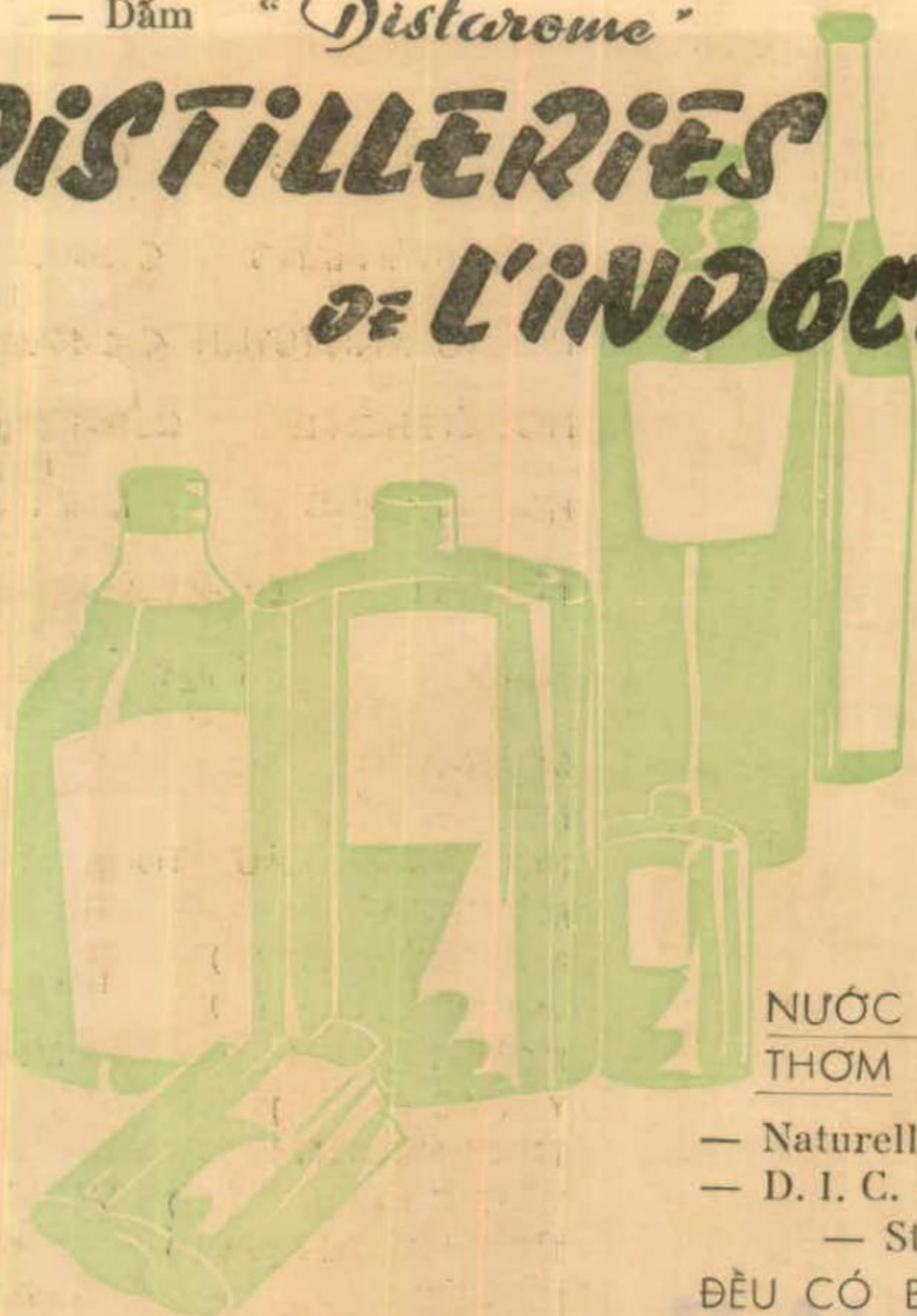
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU NHIỀU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "THÀNH-LONG"
bằng phi-cơ « SUPER G »)

cất cánh 16 giờ 30 mỗi thứ Hai

SAIGON — VIENTIANE

mỗi thứ Hai, bằng DC 3

—	Tư	} bằng DC 4
—	Bảy	

SAIGON — HONGKONG

mỗi Chúa-Nhật và thứ Năm
bằng Super G (chung với Air France)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25-26

Société Indochinoise de Documentations et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Agents des Fabriques:

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités:

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

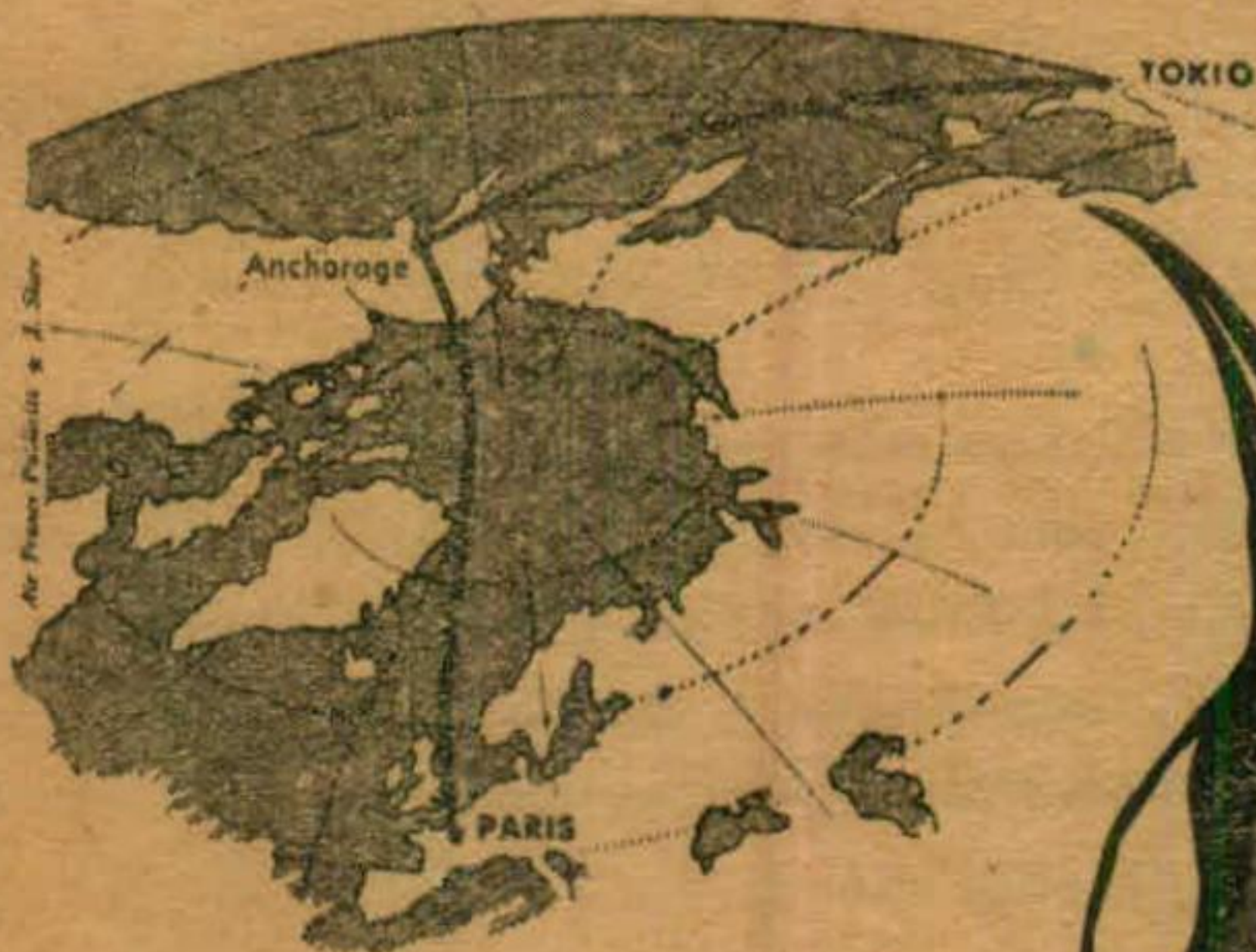
Tél: 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON





TOKIO-Paris par le pôle...

Air France inaugure au mois d'Avril la ligne la plus rapide au départ d'Europe à destination du Japon.

TOKIO-PARIS EN MOINS DE 30 H. DE VOL.

C'est grâce au fameux Superstarliner, l'appareil commercial au plus long rayon d'action du monde qu'Air France va pouvoir relier Tokio à Paris avec une seule escale à Anchorage (Alaska).

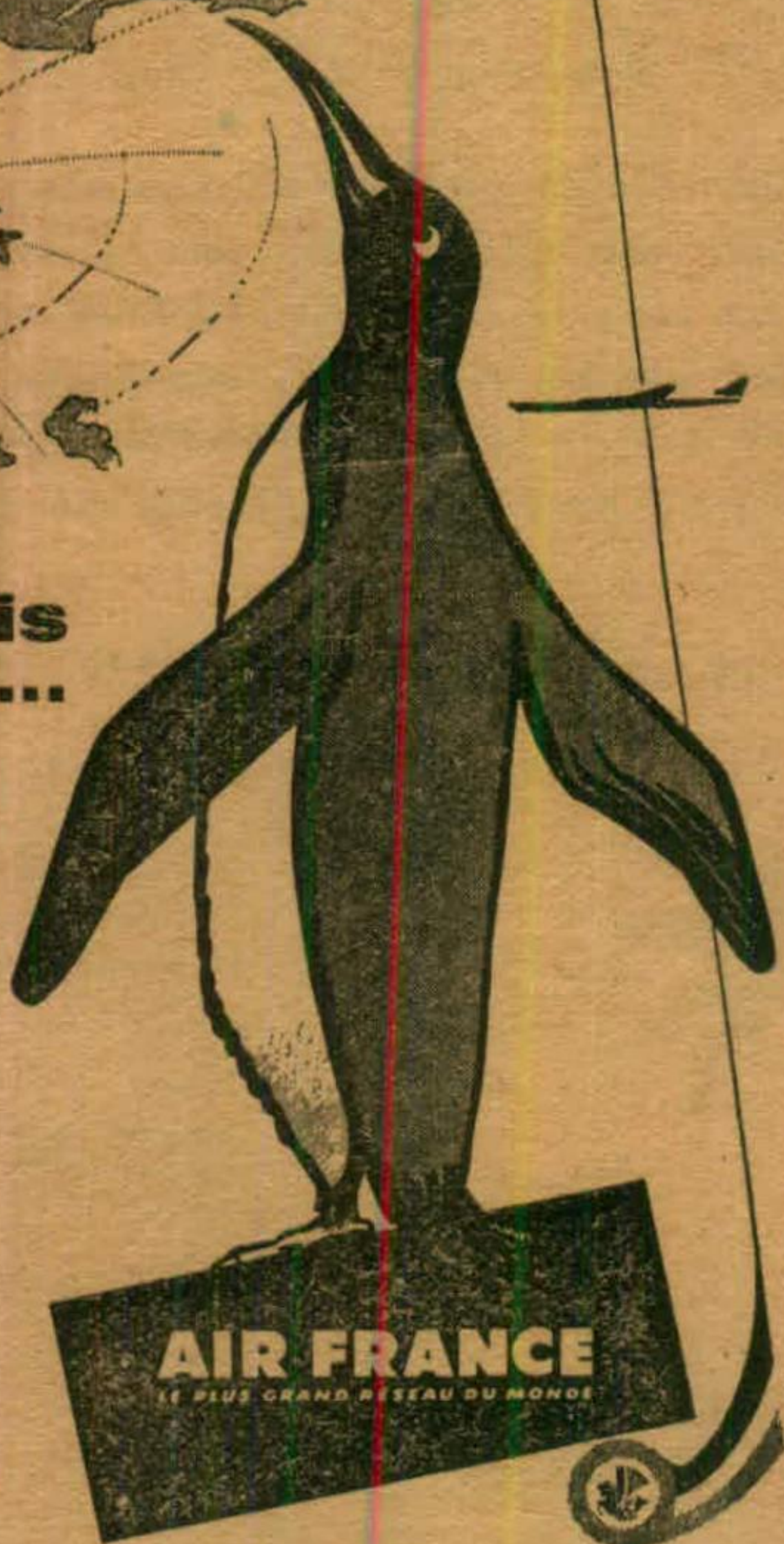
PAR LA ROUTE DES AURORES BORÉALES.

La route polaire Air France traverse la zone calme où s'éploient les aurores boréales. Sereine, elle survole les territoires du grand nord jalonnés de nombreux aérodromes.

AU DEPART DE SAIGON. Air France offre désormais à ses passagers à destination de Paris le choix entre la route polaire et celle des Indes et de la Birmanie.

Trois vols par semaine mettent TOKIO à 12 heures de SAIGON.

Lundi via Hongkong
Mercredi via Manille
Vendredi via Manille,



SAIGON, 12 Bd THONG-NHUT — Tel : 20.981 à 20.984
ET TOUTES AGENCES DE VOYAGES AGRÉÉES

Banmethuot

Đối với những người ham săn bắn, thì không đâu bằng rừng rậm vùng Ban-Mê-Thuot, nơi có đủ những loại thú rừng quen thuộc, từ hổ, báo, voi, gấu, đến những con trâu rừng hung hăng, và những chú nai vàng ngơ ngác.

Du-khách có thể đi săn bằng xe jeep dọc theo các ven rừng, hoặc cưỡi voi mà băng ngàn vượt suối, tiến sâu vào nơi huyền-bí hoang-vu. Trong trường hợp nào, du-khách cũng có thể lên Ban-Mê-Thuot bằng xe hơi mà không phải lo ngại điều gì, nếu trước khi đi chiếc xe của du-khách đã được đem xem lại, lấy dầu xăng và cho dầu mỡ tại hãng **STANVAC** hiệu Con Ngựa Bay đỏ, nơi luôn luôn làm vừa lòng mọi người với một giá phải chăng.

STANDARD - VACUUM OIL COMPANY



BÁCH-KHOA

Số 42 — Ngày 1-10-1958

HUỖNH-VĂN-LANG	Chánh sách nâng đỡ Người Việt.
HOÀNG-MINH-TUYNH	Chế độ dân chủ Mác-xít.
NGUYỄN-HIỂN-LÊ	Quản-Trọng một chính trị gia lỗi lạc.
PHAN-KHOANG	Mùa Thu với người Á-đông.
TIÊU-DÂN	Đã đến lúc ngưng thí nghiệm vũ khí nguyên tử.
TRẦN-HÀ	Ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng Tân-hội.
ĐOÀN-THÊM	Hài cái Hồ.
TRẦN-VĂN-KHÊ	Hát hội.
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	Trung quân Đoàn-Thọ.
MỘNG-TUYẾT	Thu phương Nam.
BÌNH-NGUYỄN-LỘC } và NGUYỄN-NGUÍ }	Tiếng Địa phương.
HOÀNG-KHANH	Mùa Thu (thơ).
TRINH-NGUYỄN	Tình thu.
YÃ-HẠC } NGUYỄN-V.-TRUNG (dịch) }	Một thắng lợi không cần bạo lực.
HUY-LỰC	Đôi mắt (thơ)
HUY-SƠN	Hôm nay, ngày mai (truyện ngắn).
THÁI-BẠCH (dịch)	Thu phong oán (thơ Chiêu-Quân).
KIỀU-YIÊU (dịch)	Sên lông bóng nguyệt (Liêu-trai).
B.S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN . .	Danh từ y ngữ.
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	Khói lửa kinh thành.

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HUỖNH-VĂN-LANG

: Những kẻ phá hoại chế độ . . .

HOÀNG-MINH-TUYNH

: Chế độ dân chủ Mác-xít.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

: Sự chế tạo tàu máy hơi vào cuối triều vua Minh-Mạng.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

: Báo trước một tin mừng.

ĐOÀN-THÊM

: Vài nhận xét về Hiến pháp mới của nước Pháp.

NGUYỄN-VĂN-TUYÊN

: Sử quan trong tư tưởng hiện đại

NGUYỄN-VĂN-XUNG

: Mục quản gia trong « Đoàn trường tân thanh. »

NGUYỄN-HỮU-NGƯ

: Chung quanh một cây đàn của Nguyễn-Du.

ĐÔNG-HỒ

: Chung quanh bài thơ « Tôn phu nhơn quy Thục »

SÀO-PHỦ-VIỆT

} Vào Đại-àn-am thăm thi-sĩ Đông-Hồ.

và N.T.M.T.D.

SONG-AN CƯ SĨ

: Nước Li-ban.

VÕ-PHIỄN

: Băn-khoăn (truyện ngắn).

NGUYỄN-PHÚC

: Đêm không hết (truyện ngắn).

KIỀU-YIÊU

: Cầm sắt (dịch Liêu-trai).

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON

Nhà in : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA

hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-văn-Lang

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

CHÁNH SÁCH

NÂNG ĐỖ NGƯỜI VIỆT

HUỲNH-VĂN-LANG

Gần đây có hai việc mới lạ liên quan đến chánh sách tiền tệ tín dụng của Chánh phủ mà các báo chí đã lưu ý đề cập tới ít nhiều. Chúng tôi muốn nói đến Sắc-Lệnh số 407-TC ngày 30-7-1958 và Nghị Định số 287 - KT ngày 8-8-1958.

Theo Sắc-lệnh trên thì từ nay Việt-Nam Thương-tín ngoài những nghiệp vụ ngân hàng thương mại, tín dụng ngắn hạn trước kia, có quyền tín dụng dài hạn, chung đụng kinh doanh nhất là trong lãnh vực kỹ nghệ.

Theo Nghị-định số 287 - KT sau thì một quỹ cho vay đặc biệt được thành lập để khuếch trương kỹ nghệ trồng cao su, mà một hai tờ báo ở đây đã cho rằng sự thành lập quỹ đó không giúp ích bao nhiêu cho người Việt mà lại quá lợi cho tư bản ngoại quốc. Và phản ứng của giới trồng tỉa cao su Việt-Nam dường như đã được chánh quyền lưu ý.

Nhân hai biện pháp trên đây chúng tôi xin đặt lại vấn đề nâng đỡ tư bản Việt-Nam.

Xét về mặt nguyên tắc, chắc chắn là số tiền của Việt - Nam Thương-Tín hay Quỹ đặc biệt là tiền của người Việt-Nam, của Quốc-Gia Việt-Nam, cho nên phải giúp người Việt trước đã, kỳ dư mới giúp tư bản ngoại quốc. Như thế mới hợp lý và công bằng. Đó là chưa nói đến chuyện thương nước thương nòi.

Hơn nữa, nếu dừng về phương diện kinh tế lâu dài thì giúp tư bản Việt-Nam bao giờ cũng lợi hơn, vì những lẽ sau đây :

1) Kinh tế Việt-Nam bớt lệ thuộc tư bản ngoại quốc ; nợ nần ngoại quốc dưới hình thức chuyển tiền lời, tiền tiết kiệm, vốn liếng v.v... về sau sẽ được bớt đi hơn là phải gia tăng mãi mãi ; huê lợi tư bản

Việt-Nam vẫn ở lại Việt-Nam là có cơ mở mang kinh tế về sau thêm mãi.

2) Sự phát triển kinh tế do tư bản Việt-Nam lâu dài bao giờ cũng bền bỉ hơn, tránh cho kinh tế Việt-Nam về sau những vấn đề tài chánh tiền tệ có khi rất khó khăn.

Trái lại, có người bảo nếu giúp tư bản ngoại quốc thì có thể lôi kéo được tư bản ngoại quốc mang vốn vào để khuếch trương kinh tế ở các lãnh vực khác. Điều này không chắc chắn, vì sự tin tưởng của tư bản ngoại quốc, không tùy ở sự giúp đỡ tài chánh mà tùy ở thị trường nội địa, tùy ở chế độ thuế khóa, hối đoái, luật lệ... và ở tình hình chánh trị trong nước. Hơn nữa, nếu khôn khéo không thuận lợi cho việc đầu tư, thì nếu có giúp đỡ tài chánh có khi cũng chỉ là khuyến khích mang vốn đi thôi.

Xét về mặt thực tế, thì sự giúp đỡ người Việt trong giai đoạn này — người ta bảo thế — không mấy đảm bảo vì người Việt kém đức mà nhất là kém tài. Hay nói một cách khác, người Việt mình, về mặt lương thiện chưa chắc, mà về mặt kỹ thuật lại kém cỏi nhiều quá. Cho nên đưa tiền cho người Việt thì không khác gì đánh bạc, may rủi vô chừng. Trái lại giúp đỡ tư bản ngoại quốc thì được đảm bảo về mặt trả nợ được, và nhất là về mặt thành công trong việc khuếch trương kinh tế.

Những lời người ta nói đây không phải là không đúng, nhưng nếu đặt vấn đề như thế thì thành ra đi vào cái vòng lẩn quẩn có hại. Nếu giúp tư bản ngoại quốc có lợi ở cái chỗ không mất nợ và thành công trong công việc kinh doanh, thì trái lại có hại ở chỗ tư bản ngoại quốc nhờ tài chánh Việt-Nam bành trướng thêm, chi phối kinh tế Việt-Nam thêm, gây nợ nần cho kinh tế quốc gia về sau, và bao nhiêu cái khó khăn khác, thì ai sẽ cân nhắc cho đích xác cái lợi hơn cái hại, nhất là đứng về phương diện lâu dài mà xét? Bao nhiêu vấn chương kinh tế đã nói về cái chỗ lợi hại ấy rồi và không một tác giả nào dám quả quyết cái nào hơn cái nào. Phải, nếu ta nhìn cái lợi tức khắc, nhất thời thì đã hẳn ta thấy giúp tư bản ngoại quốc có thể hơn, vì có đảm bảo và kết quả. Nhưng có rất nhiều cái lợi tức thời, lại là cái hại to lớn về lâu dài.

Mặt khác, nếu tiền bạc Việt-nam mà không giúp người Việt trước, bởi lý do này lý do khác, thì bao giờ tư bản Việt-nam mới thành hình, chỗi lên được. Trong thực tế kinh nghiệm cho ta thấy một số người Việt — nếu không thiếu lương thiện thì thiếu tài, thiếu học thức — dễ phải thất bại bao nhiêu rồi, nhất là gần đây trong lãnh vực thương mại. Tuy nhiên, nếu kết quả trên đây một phần do người

Việt thiếu tài thiếu học thức, thì một phần cũng do thời cuộc, do các biện pháp thay đổi vô chừng nữa, nên dù mũi cao mũi tẹt, dù kinh nghiệm hay không cũng không tài nào tránh khỏi suy sụp. Hai hãng buôn ngoại quốc to lớn nhất và cổ cựu nhất ở Việt-nam đã phải lỗ hằng chục triệu bạc, cũng như ông « Mít » một thương gia trẻ tuổi mới ra đời năm ba năm nay lỗ lã đôi ba triệu bạc. Và ai trong chúng ta dám đứng lên chia phần trách nhiệm, bao nhiêu do bên người Việt và bao nhiêu do thời cuộc và các biện pháp không ngửa được.

Phần khác, tại sao ông X.Y.Z. ngoại quốc, từ hang cùng ngõ hẻm nào, viết một câu tiếng của họ không xuôi, thế mà trong mười năm ở Việt-nam họ có được một sản nghiệp hàng năm, ba chục triệu? Ai sẽ trả lời câu hỏi này cho chúng ta.

Để kết luận, chúng tôi tha thiết trông chờ ở chánh quyền những điểm sau đây:

1.— Khi nhắm những lợi ích tức thời, xin đừng quên những cái hại về lâu dài.

2.— Cần phải có một chánh sách nâng đỡ cho tư bản Việt-nam thành hình và trưởng thành.

Chánh sách nâng đỡ tư bản Việt-nam không có nghĩa là cứ cho tư bản Việt-Nam vay tiền, rồi bắt chấp đến việc làm của họ. Chánh sách nâng đỡ tư bản Việt-Nam phải là một chánh sách thích nghi, và đến nơi đến chốn gồm nhiều điểm về tài chánh, tín dụng, kỹ thuật, kinh tế (thị trường) hành chánh (kiểm soát, hướng dẫn) v.v... Chúng tôi tin chắc, nếu có sẵn một chánh sách nâng đỡ tư bản Việt-Nam như thế thì tư bản Việt-Nam sẽ thành hình, trưởng thành để phục vụ kinh tế nước nhà có lợi về lâu dài và vững chắc. Nâng đỡ tư bản Việt-Nam để cạnh tranh với tư bản ngoại quốc như thế không có nghĩa là bài ngoại, vì thực ra sự có mặt và phát triển của tư bản Việt-Nam song song với tư bản ngoại quốc mới chính là đảm bảo chắc chắn nhất cho sự tồn tại lâu dài của tư bản ngoại quốc.

Trái lại nếu tư bản Việt-Nam không xuất hiện và trưởng thành được và trong sự khuếch trương kinh tế chỉ có tư bản ngoại quốc với chính phủ thì về mặt chính trị cũng như xã hội, kinh tế, kết quả sẽ rất nguy hại, nhất là sẽ có thể gây ngò vực cho chính tư bản ngoại quốc hiện có ở Việt-Nam cũng như các tư bản ngoại quốc đang dự định vào kinh doanh ở Việt-nam nữa.

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MÁC-XÍT

NHỮNG ĐỊNH CHẾ CHÍNH TRỊ PHÒNG THEO CHỦ NGHĨA MÁC-XÍT

Những định chế chính trị tại Liên-Xô

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

2 — Hiến pháp năm 1936

A. Tò chức xã hội

Hiến pháp năm 1936 của Liên-xô có một đặc điểm là khởi đầu bằng một thiên quy định về tò chức xã hội... Điều đó dễ hiểu vì trong chủ thuyết mác xít, cải biến chính trị là qui kết tất nhiên của cách mệnh kinh tế.

1) Thủ tiêu quyền tư hữu đối với các công cụ và tư liệu sản xuất

Đó là cách bãi bỏ chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên cái cần phải bãi bỏ trong quyền tư hữu là nạn « người bóc lột người » nên ta sẽ thấy quyền tư hữu đối với một vài công cụ và tư liệu sản xuất có thể giữ lại được, khi những công cụ và tài liệu ấy không phải dùng nhân công, như tiền công nghệ chẳng hạn.

2) Quyền tư hữu xã hội chủ nghĩa đối với các công cụ và tư liệu sản xuất

Liên-xô chủ trương quyền tư hữu của xã hội đối với các công cụ và tư

liệu sản xuất thế nào ? Ở đây ta không thể đi vào chi tiết của nguyên tắc, vì muốn thấu triệt, trước hết ta phải biết qua về luật lệ kinh tế Xô-viết đã. Có điều ta cần ghi nhớ là tất cả những công cụ và tư liệu sản xuất thiên nhiên (mỏ, thác nước, đất đai...) hay nhân tạo (máy móc, phương tiện chuyên chở...) đều là tư hữu của Nhà nước, nghĩa là của toàn dân.

Tuy nhiên, về nông nghiệp, nên phân biệt các Sovkhoz xí nghiệp nông nghiệp lớn lao là tài sản của Nhà nước (nông trường quốc doanh, các trạm máy móc và máy kéo, ...) với các Kolhkoz tức là các nông trường tập thể và các tò chức hợp tác xã. Các xí nghiệp và tò chức này gọi là tập thể như ta thấy, song không phải là tài sản của Nhà nước.

3) Vẫn còn tư sản, nhưng tư sản bị hạn chế trong phạm vi cá nhân.

Hiến pháp Liên-xô công nhận quyền tư sản hạn chế trong phạm vi cá nhân,

vì « chủ nghĩa xã hội không chủ trương thủ tiêu quyền tư hữu mà chỉ chủ trương thủ tiêu nạn người bóc lột người gây ra bởi đã tằm chiếm đoạt công cụ và tư liệu sản xuất toa rập với chế độ làm công ».

a) Theo đúng điều lệ ác-ten nông nghiệp thì ngoài số thu nhập căn bản rút ở nền kinh tế tập thể của nông trường, mỗi gia đình trong nông trường tập thể còn được hưởng riêng một mảnh đất nhỏ bên cạnh nhà ở và có riêng một nền kinh tế phụ trên mảnh đất đó, một nhà ở, gia súc sinh sản, gà vịt và một số nông cụ nhỏ » (Điều 7 ; § 2 Hiến pháp Xô-viết).

b) « Pháp luật cho nông dân cá thể và thợ thủ công có kinh tế riêng nhỏ do lao động bản thân làm ra và không bóc lột sức lao động người khác », (Điều 9 Hiến pháp Xô-viết).

c) Quyền sở hữu cá nhân về những món thu nhập và để dành bằng lao động của họ, quyền sở hữu về nhà ở và về kinh tế phụ gia đình, về những vật dụng trong nhà và vật dụng hàng ngày, về đồ dùng cá nhân cũng như quyền thừa kế sở hữu cá nhân đều được « pháp luật bảo hộ » (Điều 10 Hiến pháp Xô-viết).

4) Kế hoạch nhà nước

Toàn thể sinh hoạt kinh tế đều do kế hoạch Nhà nước chỉ huy. Những kế hoạch này là những kế hoạch đại qui mô, trù tính mọi biện pháp cần thiết trong công cuộc biên liệu nhân công, sản xuất và phân phối sản phẩm và thi hành trong khoảng thời gian mấy năm (từ trước đến nay vẫn là 5 năm).

5) Nhiệm vụ lao động

Điều 12 Hiến pháp qui định như sau về nhiệm vụ lao động của công dân : « Lao động ở Liên-xô đối với mọi công dân có khả năng lao động là một nhiệm vụ và là một vấn đề thuộc về danh dự theo như nguyên tắc : « Ai không lao động, không nên ăn (1) » ở Liên-xô áp dụng nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội : « làm theo năng lực, hưởng theo việc làm ».

Câu thứ hai có nghĩa là, nếu vì lý do chủ nghĩa xã hội mới thành lập, mà phải phân phối lợi tức theo khả năng khác nhau của mỗi người thì cũng không nên quên rằng lý tưởng chính vẫn là phân phối cho thực công bình và thù lao bằng nhau cho mọi công việc, bất luận bản chất của công việc thế nào và tin tưởng khi bước sang giai đoạn thượng tầng thì khẩu hiệu : « hưởng theo nhu cầu » sẽ đương nhiên thực hiện.

B. Chế độ Liên-bang

Cứ xem tên gọi Liên-xô, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết, ta có thể hiểu ngay hai sắc thái cốt thiết của giải pháp Xô-viết về quan hệ giữa Quốc dân và Nhà nước tại đó thế nào.

1) Liên-xô là một Nhà nước liên bang. Chế độ liên bang gồm nhiều cấp bậc. Liên xô là liên bang các nước Cộng hòa Xô-viết, song các nước Cộng hòa liên minh này có thể trở thành những Nhà nước liên bang và tập hợp những nước Cộng hòa Xô-viết tự trị lại. Thí dụ, một trong những nước Cộng hòa liên minh quan

(1) Phải chăng đó là nguyên tắc mượn của Thánh Phao-lô (2 Thess. 3, 10)

trọng nhất là Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa Xô-viết Nga gồm mười lăm nước Cộng hòa tự trị: Ta-ta-ri, Mông-gô-li... v.v...

Ngoài ra, lại còn có những « tỉnh tự trị », những « quận dân tộc ».

Sự phân quyền giữa các cơ quan liên bang và các cơ quan của các nước Cộng hòa liên minh đều do Hiến pháp qui định. Do đạo luật sửa đổi ngày 1 tháng 2 năm 1944, mỗi nước cộng hòa liên minh có quyền trực tiếp giao thiệp với các nước ngoài, ký hiệp nghị, trao đổi đại diện ngoại giao và lãnh sự với các nước đấy. Bởi vậy, ta thấy tại Liên-hiệp-quốc, ngoài đại diện Liên-xô, còn có đại diện của Cộng hòa liên minh Nga và Cộng hòa liên minh Uy-cơ-ren nữa.

2) Về phương diện pháp lý, có điều đáng cho ta chú ý là tổ chức Liên-xô thiết lập không căn cứ trên nền tảng lãnh thổ và dân tộc, nghĩa là cuộc liên minh mở ra cho hết mọi nước Cộng-hòa xã hội Xô-viết, mặc dầu ở đâu và thuộc chủng tộc nào, nếu muốn thì được gia nhập.

Ngoài những vấn đề dành riêng cho thẩm quyền liên bang, mỗi nước Cộng hòa liên minh được sử dụng chính quyền Nhà nước (Hiến pháp, lập pháp, hành chính, tư pháp, quân đội) một cách độc lập. Mỗi nước Cộng-hòa liên minh cũng có quyền tự do rút khỏi Liên-xô.

Các phát ngôn nhân của Liên-xô thường ngày vẫn hằng lớn tiếng ca ngợi chế độ Liên bang Xô-viết, cho

rằng đó là chế độ liên bang rộng rãi hơn chế độ liên bang cổ điển bội phần do bởi kết tập được cả những dân tộc tiền tiến lẫn những dân tộc mới đây còn là những dân tộc bị trị, và làm thành một khối cố kết tuyệt đối tự do. Liên-xô cho rằng chính họ đã tìm được một phương thức liên minh mới và giải quyết được cái vấn đề cũ kỹ từ xưa chưa ai giải quyết được là vấn đề « quốc tính » của mỗi dân tộc. Hiện nay có hơn 100 quốc tính khác nhau sinh hoạt trên lãnh thổ Liên-xô. Trước luận điệu trên của Liên-xô, những người chỉ trích thường đáp lại rằng điều mà Liên-xô tự hào là tự do, rộng rãi đó, chỉ có cái vỏ ngoài. Thật ra, mỗi thống nhất thật tại Liên-xô hoàn toàn do Đảng Cộng-sản nắm giữ, và bao nhiêu quyền hành đều tập trung vào đảng ấy hết. Tất cả những cái gọi là cơ quan liên minh đều ở dưới quyền hành duy nhất và trực tiếp của đảng này. Sau đây, ta sẽ thấy đó chỉ mới là một trong nhiều điều người ta nêu ra khi tranh luận để giải thích về chế độ dân chủ Xô-viết mà thôi.

C.— Quyền tuyển cử

Tại Liên-xô, tuyển cử đại biểu theo lối phổ thông đầu phiếu, nghĩa là mọi công dân Liên-xô 18 tuổi không phân biệt chủng tộc hoặc dân tộc, nam nữ, tôn giáo, trình độ học thức, thời gian cư trú, nguồn gốc xã hội, hoàn cảnh vật chất và hoạt động quá khứ của họ, đều có quyền tham gia tuyển cử đại biểu theo lối đầu phiếu trực tiếp, không qua trung gian và phải bầu bằng phiếu kín. Quyền tuyển cử không những gồm quyền đi

bầu lại gồm cả quyền bãi miễn đại biểu bất cứ lúc nào bằng quyết nghị của đa số cử tri, theo thủ tục do pháp luật qui định.

Tuy nhiên thể thức tranh cử và bầu phiếu không giống thể thức tại các nước Tây phương. Như người ứng cử phải được « các tổ chức xã hội và các đoàn thể của người lao động » giới thiệu, các tổ chức đó là đảng Cộng-sản, các công đoàn, các hợp tác xã, các tổ chức thanh niên, các hội văn hóa. (Điều 141 Hiến pháp Xô-viết). Lại bởi « các chống đối » trong xã hội do giai cấp đấu tranh đã tiêu trừ được, nên cũng không còn đấu tranh giữa các đảng phái nữa :

« Ở Liên-xô, không có đấu tranh giữa các đảng phái chính trị mà cũng không có đấu tranh giữa các giai cấp... Các đảng viên đảng Cộng-sản và các công dân Xô-viết không đảng phái đoàn kết mật thiết với nhau mà giới thiệu với cử tri những người ứng cử đại biểu (1). Do đây, chỉ có một danh bạ duy nhất diễn trình cho cử tri bầu đại biểu. Các phần tử đối lập chỉ có thể không bỏ thăm hoặc bỏ thăm trắng.

Kết quả các cuộc tuyển cử thường đạt được những con số rất gần với trăm

phần trăm. Thí dụ : như Báo Sinh hoạt Xô-viết ngày 1-3-1947 cho biết dưới đây những con số đạt được trong kỳ tuyển cử tại các Xô-viết nước Cộng hòa liên minh : (2).

	Số người ghi tên đối với số người đi bầu	Số người bầu cho danh bạ duy nhất gồm các người cộng sản và người không đảng phái
Nga	99%95	99%29
Uy-cơ-ren	99%96	99%47
Ca-rê-lo Phin-noa	99%96	99%26
Ac-mê-ni	99%99	99%81
Et-tô-ni	99%33	96%17
Trung bình :	99%78	99%31

Sít-ta-lin, khi ra ứng cử tại khu tuyển cử của ông, đã được 100% phiếu bầu.

HOÀNG-MINH-TUYNH
biên khảo

(1) Bài báo của ô. Rostov đăng trong Nouvelles soviétiques ngày 9-2-1946.

(2) Chúng tôi rất tiếc không kiếm được những tài liệu mới hơn.

Danh ngôn, danh lý
NHỮNG ĐỨC TÍNH CỦA THỦ LÃNH
TIN TƯỞNG Ở SỰ MỆNH

★ Tinh thần dù tế nhị đến đâu, lòng dạ dù tốt lành đến đâu mà thiếu cái vẻ linh hoạt, hào hứng thì cũng khó mà phấn kích người ta được.

QUẢN - TRỌNG

MỘT CHÍNH TRỊ GIA LỖI LẠC
CHỊU NHẬN NHỤC ĐỂ LẬP SỰ NGHIỆP

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

BẠN bè mà thân với nhau hơn ruột thịt, hy sinh tài sản và cả tính mạng cho nhau thì thời nào cũng có, nhưng hiểu nhau, tin ở tài năng của nhau và giúp nhau làm nên sự nghiệp lớn thì chúng ta mới thấy có cặp Quản-Di-Ngô và Bảo-Thúc-Nha, mà người được nhờ bạn là Quản-Di-Ngô.

Quản-Di-Ngô tự là Trọng, sinh tại nước Tề, vào thế kỷ thứ bảy trước Tây lịch, ở đầu đời Xuân-Thu, sau khi nhà Chu đã dời đô qua phương Đông (Lạc Ấp) khoảng tám chục năm, và trước khi Khổng-Tử ra đời khoảng trăm năm.

Hồi đó Trung-quốc chỉ gồm lưu vực sông Hoàng-Hà và lưu vực sông Dương tử mà chia ra hàng chục nước. Đứng trên cả là nhà Chu ở dưới là những nước chư hầu. Nhưng nhà Chu suy, các nước chư hầu lớn như Tề, Sở,

Tấn, Tần, Tống không chịu phục tòng, tranh giành nhau đất đai để làm bá chủ. Chính Quản-Trọng đã làm cho Tề thành nước minh chủ đầu tiên.



Ông sinh trong một gia đình nghèo, tầm thường, nhưng học rất rộng, có tài thao lược. Hồi trẻ, ông đi buôn chung với Bảo-Thúc-Nha, lúc chia lời, giữ phần hơn cho mình. Bảo đã không giận, còn bênh vực bạn, bảo với người khác : « Anh ấy không phải là tham, mà vì nghèo, cần có nhiều tiền hơn tôi để chi tiêu. »

Khi theo việc quân, ra trận thì Quản đi sau, mà thu quân về thì Quản đi trước, ai cũng cười là nhát, Bảo bảo chữa : « Anh ấy còn mẹ già nên vì hiếu mà phải giữ thân. »

Quản mưu tính việc gì mà hỏng, Bảo cũng che chở, cho là tại chưa gặp thời chứ không phải tại trí thấp.

Quản-Trọng thấy vậy kính phục Bảo-Thúc, nói: « Sinh ra tôi là cha mẹ, mà biết tôi thì chỉ có anh Bảo. »

Lúc đó nước Tề đương suy. Tề Tương-công dâm loạn, vô đạo, bị cường thần giết, rồi lập Công-Tôn Vô-Tri lên thay. Hai người con của Tương-công là công tử Củ và công tử Tiều-Bạch phải tị nạn ra nước ngoài. Quản và Bảo bàn với nhau, mỗi người phò một công tử, sau người nào thành công thì tiến cử người kia. Bảo theo công tử Tiều-Bạch qua nước Cử; Quản và một người nữa là Thiệu - Hốt theo công tử Củ qua nước Lỗ.

Sau khi Vô-Tri bị giết, công tử Tiều-Bạch được vua nước Cử đưa về Tề trước, lên ngôi vua, tức là Tề-Hoàn-Công. Công tử Củ mượn quân nước Lỗ tấn công Tề-Hoàn-công để tranh ngôi, nhưng thất bại. Lỗ thấy việc không thành, trở lại cầu thân với Tề, nghe lời Bảo-Thúc, giết công tử Củ và nộp Quản-Trọng cùng Thiệu-Hốt cho Tề.

Thiệu-Hốt hay tin công tử Củ chết, than: « Làm tôi nên vì vua mà chết, mới là kẻ có đạo nghĩa »; rồi đập đầu vào cột tự tận. Quản-Trọng có chí lớn, không muốn giữ tiểu tiết, nhả nhục bước vào tù xa, tin chắc rằng Bảo-Thúc nhớ lời hẹn trước, sẽ tiến cử mình với Tề-Hoàn-công mà có dịp thi thố tài năng, làm cho tồ quốc hùng cường. Ông lại đoán trước rằng vua tồ sau khi cho quân Tề áp giải ông về Tề, tất hồi

hận, sai quân đuổi theo giết ông, để Tề mất một thiên tài, bèn đặt hai bài ca giúp cho quân sĩ quên đường trường khó nhọc, đi mau gấp hai ngày thường, đầu quân Lỗ có đuổi theo cũng không kịp.

Quả nhiên, quân Sở đuổi theo, nhưng Quản-Trọng đã tới Tề, được Bảo-Thúc niềm nở ra đón, tiến cử lên Tề-Hoàn-công, rồi được Tề-Hoàn-công trọng dụng, phong cho chức Tướng, tức như chức tối cao cố vấn ngày nay. (1)



Đặc chính, Quản Trọng thực hành ngay chương trình của ông. Chương trình đó dựng trên quan niệm *lấy dân làm gốc* và gồm bốn điểm :

- làm cho dân giàu,
- làm cho binh mạnh,
- tôn nhà Chu
- lấy nhân và uy mà bắt chư hầu khác phải quy phục Tề.

Hai điểm trên thuộc về nội chính, hai điểm dưới thuộc về ngoại giao.

Ngay từ lần hội kiến đầu tiên với Tề Hoàn-Công, ông đã khuyên Vua Tề muốn trị dân thì trước hết phải giữ bốn điều : lễ, nghĩa, liêm, sỉ, và phải yêu dân. Ông nói :

« Lễ, nghĩa, liêm, sỉ là bốn điều cốt yếu trong nước, nếu giữ không được thì tất phải mất nước ».

(1) Thời đó, chỉ hạng quý tộc mới được giữ những chức cao trong triều đình mà Quản Trọng vốn sinh trong gia đình bình dân. Chức « Tướng » đó là chức của người có tài năng, giúp ý kiến cho vua, chứ không phải chức tể tướng sau này.

Lại nói :

« Nhà Vua muốn làm vương, bá, dựng nghiệp lớn trong thiên hạ thì phải theo từ gốc, mà trăm họ là gốc của quốc gia ».

Yêu dân thì giảm bớt thuế má cho dân và cải thiện nền kinh tế cho dân giàu. Đời sống của dân có được sung túc thì dân mới biết lễ, nghĩa, mới không phạm pháp. Chính sách *phú chi*, *giáo chi* mà sau Khổng-Tử chủ trương, và quan niệm có hằng sản rồi mới có hằng tâm mà Mạnh Tử đề xướng, thực ra là chính sách và quan niệm của Quản-Trọng.

Vì vậy Quản rất chú ý đến việc khuếch trương kinh tế : ông cho khai mỏ để đúc tiền, nấu nước bể để làm muối, lập những chợ chứa hóa vật đợi giá cao mà bán, cho mọi người được tự do làm mọi nghề ; nhờ đó, chẳng bao lâu nước Tề thành một nước giàu có nhất Trung-Quốc.

Về binh bị, ông cũng có những tư tưởng rất mới đối với đương thời. Tề Hoàn-Công hỏi ông :

— Dân đã yên rồi mà khí giới, binh lính không đủ thì làm thế nào ?

Ông đáp :

— Muốn đủ khí giới và binh lính thì hình pháp nên đặt lệ cho chuộc : tội nặng thì cho chuộc một cái tề giáp, tội nhẹ thì cho chuộc một cái quy thuẫn, tội nhỏ thì cho nộp kim khí, tội còn đáng ngờ thì tha hãn ; nếu dân kiện nhau mà hai bên đều có lý cả thì bắt nộp một bó tên rồi xử hòa.

Mới mẻ nhất là chế độ dân quân và bảo giáp. Ông không ồ ào mộ lính

— vì các nước chư hầu khác hay tin tất cũng tăng quân số lên — mà âm thầm tổ chức những đội dân quân trong mỗi làng làm quân lệnh. Ông lại dạy cho dân đoàn kết với nhau, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chống giặc. Chính sách ngũ gia hay thập gia liên bảo ngày nay chính là do Quản-Trọng thiết lập ra trước hết.

Khi nước đã giàu, dân đã mạnh, Quản-Trọng tiến tới giai đoạn thứ ba là tôn nhà Chu. Ông khôn khéo nắm lấy cơ hội ngôi vua nước Tống chưa được công nhận, khuyên Hoàn-công sai sứ thỉnh mệnh thiên tử là Ly-Vương nhà Chu để đại hội chư hầu mà công nhận vua Tống-Ly-Vương lúc đó giữ một địa vị bù nhìn, không được nước chư hầu nào đoái hoài tới, nay bỗng nhiên được nước Tề hùng cường tôn trọng, rất khoái chí cho phép liền.

Hoàn-công bèn phụng mệnh thiên tử, báo cáo cho các chư hầu đại hội ở Bắc-Hạnh, trên đất Tề. Bốn nước Tống, Trần, Châu (1), Sái dự hội, thấy Tề không dùng đến quân sĩ, đều phục Tề, tôn Tề làm bá chủ. Thế là danh đã chính, ngôn đã thuận, Quản-Trọng chỉ cần củng cố địa vị của Tề-Hoàn-Công mà thôi. Năm đó là năm 679 trước tây lịch, sau khi Hoàn-Công lên ngôi được sáu năm (685).

Qua giai đoạn thứ tư, Quản-Trọng tìm cách khuất phục các nước chư hầu khác, trước hết là Lỗ, Vệ, Trịnh, Tào, vì bốn nước này đã trái mệnh thiên tử

(1) Xin đừng lộn với nhà Chu. Châu là một nước chư hầu nhỏ,

không thêm đến dự hội. Trong công cuộc này, ông tỏ ra vừa cương vừa nhu.

Được Trần, Sái, Châu giúp quân (Tổng không chịu giúp), ông tính tấn công Lỗ trước, vì Lỗ ở gần. Nhưng ông không đánh thẳng vào Lỗ, mà chiếm nước Toại, một nước rất nhỏ, lệ thuộc Lỗ, rồi xui Hoàn-Công đưa thư trách vua Lỗ một cách khéo léo :

« Tôi với hiền hầu (chỉ vua Lỗ) cùng thờ thiên tử nhà Chu, khác nào anh em, mà hai nước lại vốn là thân thuộc với nhau. Mới ở Bắc-Hạnh, hiền hầu không dự, chẳng hiểu vì cớ gì, xin hiền hầu cho biết. Nếu hiền hầu có lòng khác, cũng tùy ý hiền hầu. »

Giọng vừa mềm mỏng, vừa cương quyết. Vua Lỗ đành phải nhận lỗi, yêu cầu quân Tề rút ra khỏi địa giới rồi sẽ ăn thề.

Phục được Lỗ rồi, Tề dùng phương pháp ngoại giao luôn được Tổng nũa và tha cho Tổng cái lỗi không chịu giúp binh khi trước. Từ đó, uy thế của Tề mỗi ngày một tăng và các nước chư hầu nhỏ như Yên, Vệ, Hình được Tề thành thực giúp, càng cảm ơn của Tề mà hết lòng phụng sự Tề.

Sau cùng chỉ còn mỗi nước Sở là vẫn ương ngạnh. Sở là một nước lớn ở phương Nam, mỗi ngày một bành trướng, tính nuốt cả Trịnh. Tề một mặt tuyên bố giúp Trịnh để Sở khỏi hiếp Trịnh, một mặt theo chính sách đối với Lỗ hồi xưa, đem quân tám nước đánh Sái — một nước phụ thuộc Sở — để tỏ uy với Sở, rồi ngoại giao.

Sứ thần của Sở là Khuất-Hoàn trách Tề :

— Tề ở Bắc, Sở ở Nam xa cách nhau, mỗi nước hùng cứ mỗi phương không hề gây oán với nhau, nay vì cớ gì mà Tề đem quân lại đánh Sở ?

Quản Trọng đáp :

— Ngày xưa vua Thành-Vương nhà Chu phong cho tiên quân tôi là Tề Thái-Công và cho tiên quân tôi quyền đi dẹp các nước chư hầu nào không theo mệnh thiên tử. Từ khi nhà Chu dời đô qua phương đông các nước chư hầu tiếm quyền, chúa công tôi lại phụng mệnh làm bá chủ. Theo lệ, nước Sở mỗi năm chỉ phải cống cho thiên tử có một bó cỏ bao mao để dùng vào việc cúng tế, thế mà Sở bỏ không thêm cống, nên Tề mới phải đến đề đòi. Và lại vua Chiêu-Vương nhà Chu ngày trước đi sang địa giới nước Sở mà không thấy trở về, đó là một lỗi của Sở còn nói gì nữa ?

Ông muốn khỏi phải dùng binh mà cũng thắng được Sở, nên đã khôn khéo đưa ra hai lỗi để trách Sở một lỗi nặng là giết vua Chiêu-Vương, một lỗi nhẹ là không cống cỏ bao mao, và nhấn mạnh vào lỗi nhẹ, lướt qua lỗi nặng để Sở khỏi mất mặt có thể nhận lỗi nhẹ được. Kết quả đã như ý muốn : Khuất Hoàn nhận lời bỏ triều cống, chối lỗi giết vua Chiêu-Vương, và Sở-Vương thấy liên quân hùng cường của tám nước đóng sát biên giới, sai Khuất-Hoàn cầu hòa.

Vậy Quản-Trọng tuy tổ chức binh bị nhưng vẫn thích dùng phương pháp ngoại giao hơn : binh bị chỉ làm hậu thuẫn cho ngoại giao.

Khi rút quân ở biên giới Sở về, ông nói với Bảo-Thúc :

— Trách Sở là tiếm hiệu xưng vương, tất Sở kháng khái không chịu cúi đầu nghe. Sở đã không nghe thì tất ta phải đánh, đã đánh nhau thì hai bên cùng thiệt, ít ra cũng rối loạn trong vài ba năm trời. Vì vậy tôi trách hấn về việc cống cỏ bao mao để hấn có thể nhận lỗi. Sở chịu là đủ cho ta có uy tín với các chư hầu và tâu lại với thiên tử, như vậy chẳng hơn là gây việc binh đao, lôi thôi chưa biết bao giờ mới dứt ư ? Nhất là quân của ta từ phương Bắc xuống Sở, cực khổ rất nhiều, mà quân chư hầu theo ta vì tình, chứ không háng hái chiến đấu, thì ta lại càng nên tránh sự can qua.

Tuy nhiên, đối với các rợ phương Bắc xâm chiếm Trung-nguyên thì Quản-Trọng cương quyết trị, và kháng khái tự lực đánh dẹp, không chịu làm phiền tới quân của các chư hầu. Như khi quân Sơn-Nhung (tức nước Linh-Chi ở phương Bắc) quấy nhiễu nước Yên, quân Yên chống cự không nổi, Quản-Trọng đem quân sang giúp, vua Lỗ tình nguyện đem quân đi theo, Tề-Hoàn-Công nghe lời Quản-Trọng, từ chối :

— Tôi không dám nhờ hiền hầu (chỉ vua Lỗ) đến những nơi hiểm trở ấy, đề khi nào dẹp không xong, sẽ xin nhờ hiền hầu giúp sức.

Thấy quân Tề tới, vua Yên xin đem quân đi tiên phong Hoàn-Công cũng từ chối :

— Nước Yên mới bị giặc tàn phá, nỡ nào tôi đề quân Yên đi tiên phong,

xin hiền hầu cứ đi sau làm thanh thế mà tiếp ứng cho là đủ.

Tề Hoàn-Công thắng được Linh-Chi, vua Linh-Chi chạy qua nước Cô-Trúc cầu cứu, Tề Hoàn-Công lại dẹp luôn Cô-Trúc. Một chính khách tầm thường khác, sau những thắng trận đó tất sắp nhập đất đai của Linh-Chi, Cô-Trúc vào bản đồ của Tề, nhưng Quản-Trọng thì không ; ông đem địa giới hai nước đó tặng cả cho Yên, rồi lại chỉnh đốn chính trị cho Yên, giúp Yên hùng cường, đủ sức chống với rợ phương Bắc. Chính sách đó cực khéo ; Tề chỉ tốn công một lần mà Yên thành cái mộc che đở cho Tề (vì nếu Yên bị rợ xâm chiếm thì Tề cũng lâm nguy), lại mang ơn Tề là đại lượng nữa. Công đó có lẽ là công lớn nhất của Quản-Trọng.



Tài chính trị của Quản-Trọng thì như vậy mà tài dùng người của ông cũng đáng cho ta phục. Ông biết rõ tài năng, tâm lý của mỗi người và dùng người rất đúng chỗ.

Khi Tề Hoàn-công muốn giao cho ông chức tướng, ông chưa chịu nhận, mà đề cử năm người kiệt sĩ. Ông nói :

— Một cây gỗ không làm nên được một ngôi nhà lớn, một dòng nước không làm nên được một đại dương. Nếu chúa công muốn dựng nghiệp bá thì tôi xin giới thiệu năm người kiệt sĩ. Có tài giao thiệp, biết giữ lễ phép thì tôi không bằng Thấp-Bằng xin cho Thấp-Bằng làm đại tư hành ; có tài khai khẩn, biết cách trồng trọt thì tôi không bằng

Ninh-Việt, xin cho Ninh-Việt làm đại tư điền; có tài luyện tập quân sĩ, khiến người ta quên chết thì tôi không bằng Thành-Phủ, xin cho Thành-Phủ làm đại tư mã; có tài xử đoán hành ngục, khiến người ta khỏi oan, thì tôi không bằng Tân-Tu-Vô, xin cho Tân-Tu-Vô làm đại tư lý; có tính cương trực, không sợ kẻ quyền quý, cứ thấy điều trái là nói thì tôi không bằng Đông-Quách-Nha, xin cho Đông-Quách-Nha làm đại gián quan. Chúa công muốn được cường thịnh, tất phải dùng năm người ấy; có năm người ấy rồi, tôi dầu hèn mạt cũng xin gắng sức vâng mệnh chúa công.

Vài năm sau, Quản-Trọng lại tiễn cử Ninh-Thích với Tề Hoàn-công. Lần đó quân của ông qua núi Dao, gặp một người chăn trâu mình mặc áo ngắn đầu đội nón rách, chân đi đất, đang gõ vào sừng trâu mà hát. Ông ngồi trên xe, biết không phải là người thường, sai quân lính đem rượu thịt lại tặng.

Ăn xong, người đó muốn được yết kiến ông, đã đi xa, nên nhờ quân lính đọc lại cho ông câu :

*Nước trong leo lẻo,
tức câu đầu trong bài hát :*

*Nước trong leo lẻo,
Cá lội giữa dòng.
Người đến cầu ta,
Ta cũng bằng lòng.*

Ông hiểu rằng người chăn trâu đó muốn ra làm quan, tức khắc cho ngừng xe lại, sai sứ đến triệu. Hỏi họ tên, người đó đáp là Ninh-Thích. Hỏi đến học thức thì Ninh-Thích ứng đối rất trôi chảy. Biết là bậc đại tài, ông dâng thư

giới thiệu với Tề Hoàn-Công và Hoàn-Công phong làm đại phu, phụ giúp việc quốc chính.

Quản Trọng lựa người như vậy, tất nhiên không phải là để gây vây cánh mà chỉ nhằm mục đích ích nước lợi dân. Ông mang ơn rất nặng của Bão-Thúc, ơn tri ngộ và cứu sống, nhưng không vì vậy mà ông giao cho Bão-Thúc những trọng trách, vì ông biết tài của Bão-Thúc không lớn. Trong khi đắc chính, Bão chỉ làm một vị tướng cầm quân như mọi vị tướng khác. Tới khi ông gần mất (khoảng 645 trước Tây lịch), Tề Hoàn-Công lại thăm ông, cầm tay ông hỏi :

— Trọng phụ (Tề Hoàn-Công trọng ông như bậc cha, chú, nên gọi ông như vậy) đau nặng lắm, nếu bất hạnh mà có sự gì thì tôi biết giao quyền chính cho ai.

Ông thở dài, than :

— Tiếc thay, Ninh-Thích đã chết rồi.

Tề Hoàn-Công lại hỏi :

— Trừ Ninh-Thích ra, không còn ai nữa ư ? Tôi muốn giao quyền chính cho Bão-Thúc, nên chăng ?

Ông lắc đầu :

— Bão-Thúc là người quân tử, nhưng không có tài chính trị, quá phân biệt thiện ác. Yêu điều thiện thì phải, chứ ghét điều ác quá thì không ai chịu được. Bão-Thúc thấy ai có điều gì ác thì suốt đời không quên, đó là một sở đoản.

Tề Hoàn-Công đề nghị :

— Thấp-Bằng được không ?

Đáp :

— Thấp-Bằng là người hay hỏi kẻ dưới mà không xấu hổ, lúc nào cũng lo việc nước, có thể dùng được. Nhưng tôi e rằng chúa công dùng Thấp-Bằng cũng chẳng được bao lâu vì Trời sinh Thấp-Bằng như cái lưới của tôi, nay tôi chết thì lưới làm sao sống được ?

Tề Hoàn-Công nghe lời, khi Quản-Trọng mất, giao quyền chính cho Thấp-Bằng, chưa được một tháng thì Thấp-Bằng cũng chết. Bất đắc dĩ, Hoàn-Công phải cho Bão-Thức thay. Bão-Thức tự xét mình chỉ làm chức tư khấu để khu trừ những đứa gian nịnh thì được, chứ cầm quyền chính thì hỏng, nhưng vì trong triều đình không còn ai nữa, nên miễn cưỡng nhận, và buộc Hoàn-Công phải đuổi bọn Dịch-Nha, Thụ-Điều, Khai-Phương, tức bọn tiểu nhân chuyên nịnh hót Hoàn-Công.

Hoàn-Công đành theo lời, song chỉ ít lần sau, nhớ bọn đó quá, tới nỗi ăn không ngon, ngủ không yên, lại triệu về. Bão-Thức uất ức, đau nặng rồi chết.



Được Tề Hoàn-công kính trọng như cha chú, giao hết quyền hành trong tay mà Quản-Trọng vẫn giữ được tánh nhún nhặn, lễ độ.

Thời đó nước Tề có hai quý tộc giữ những địa vị cao nhất trong triều, là họ Quốc và họ Cao. Quản-Trọng là một người bình dân, mới được vô triều mà đã lãnh ngay một chức vụ quan trọng nhất thì các quý tộc làm sao khỏi ganh

tị ? Nhờ tánh nhún nhường của ông mà ông gây được thiện cảm và giữ được địa vị tới khi chết. Mỗi khi dự một lễ gì lớn thì ông khiêm tốn đứng ở hàng sau, để hai họ Quốc, Cao đứng hàng đầu.

Một lần, trong vương thất nhà Chu có chuyện lôi thôi, các vương tử tranh nhau địa vị. Ông được lệnh tới điều giải. Vua Chu rất nể uy thế của Tề Hoàn-công, dùng nghi lễ tiếp đãi Quản-Trọng như một thượng khanh. Ông từ tạ :

— Hạ thần giữ một chức nhỏ. Trong nước hạ thần còn hai họ Quốc, Cao giữ những địa vị cao, nên hạ thần xin lễ thượng khanh đãi hai họ đó.

Vua Chu nói hai ba lần, ông mới chịu nhận lễ hạ khanh.

Chẳng những ông biết giữ lễ mà còn khuyên Tề-Hoàn-công giữ được lễ. Khi Hoàn-công đại hội các chư hầu ở đất Thao, cùng bái vọng thiên tử. Qua thái tử là Chu-Không tuyên mệnh của thiên tử rồi ban phần tể cho Hoàn-công. Hoàn-công bước xuống thềm lễ tạ. Chu-Không ngăn :

— Thiên tử có truyền rằng hiền hầu đã già cả thì miễn lễ cho, khỏi phải tạ.

Hoàn-công đã toan không tạ. Quản-Trọng đứng bên, thưa :

— Dầu thiên tử có truyền lệnh như vậy, nhưng kẻ hạ thần cứ giữ lễ mới phải.

Hoàn-Công nghe theo, nói :

— Uy nghiêm thiên tử lúc nào cũng như ở trước mặt, khi nào kẻ hạ thần này dám sai lễ.

Rồi bước xuống thềm lạy tạ, nhờ vậy được các nước chư hầu khác thêm kính phục.

Đối với nhà Chu thì Quản-Trọng tỏ vẻ kính sợ, mà đối với chư hầu thì giữ được lòng tin. Sau khi Tề hầu xâm chiếm Toại — một nước nhỏ lệ thuộc Lỗ — rồi trách vua Lỗ không đến họp ở Bắc-Hạnh, vua Lỗ bắt buộc dĩ phải nhận lỗi, xin Tề hầu rút quân về đất Kha rồi mình sẽ tới đó ăn thề.

Vua Lỗ dắt theo một võ tướng là Tào-Mạt. Hai người bước lên đàn, Tề Hoàn-Công và vua Lỗ làm lễ xong, Tào-Mạt tay phải rút thanh kiếm, tay trái nắm vạt áo Tề Hoàn-Công, về mặt hăm hăm.

Quản-Trọng bước lại đứng chắn, đề che cho Tề-Hoàn-Công và hỏi Tào-Mạt :

— Quan đại phu làm gì thế ?

Tào đáp :

— Nước Lỗ tôi suy yếu vì mấy lần chiến tranh, nay quý quốc hội chư hầu đề giúp kẻ yếu, sao không nghĩ đến nước tôi, mà trả lại đất Văn-Dương cho chúng tôi ? Quý quốc bằng lòng trả thì chúa công tôi mới chịu ăn thề.

Quản-Trọng quay lại khuyên Tề Hoàn-Công thuận cho. Tào-Mạt được lời hứa của Hoàn-Công, hạ thanh kiếm xuống và hai vua ăn thề với nhau.

Cuộc lễ xong, các quan nước Tề uất ức, bàn với Hoàn-Công lập kế hiệp lại vua Lỗ đề báo thù. Quản-Trọng can :

— Đã hứa với Tào-Mạt thì phải giữ lời. Thất tín sao gọi là bá chủ được ?

Tề-Hoàn-công nghe lời, hôm sau đem đất Văn-Dương trả lại cho Lỗ. Các nước chư hầu khác hay tin, đều khen Hoàn-công là tín nghĩa và lần lượt quy phục Tề.



Tài của Quản-Trọng hiện rõ nhất trong cách ông dùng Tề-Hoàn-công. Hoàn-công vốn là người có chí nhưng rất ham mê săn bắn và tửu sắc. Ngay hồi mới hội ngộ, Hoàn-công đã hỏi Quản-Trọng :

— Tật săn bắn và tửu sắc có hại cho nghiệp bá không ?

Ông đáp :

— Không hại gì. Nhưng nếu không biết dùng người hiền, hoặc dùng mà không chuyên, hoặc để cho tiểu nhân lẫn vào thì hại nghiệp bá.

Hoàn-công nhận là phải, chuyên dùng ông và ông cũng để Hoàn-công vui chơi với bọn tiểu nhân là Thụ-Điều, Dịch-Nhà và Khai-Phương, miễn chúng không được can thiệp tới việc nước.

Thụ-Điều vốn là một đầy tớ yêu của Tề-Hoàn-công, muốn được thân cận hơn, ra vào trong nội đình mới tự tiện mình đề được tiến vào cung. Hoàn-công thấy vậy thương tình, càng tin dùng, luôn luôn cho hầu bên cạnh.

Dịch-Nhà có tài bắn, giông xe, nhất là nấu bếp. Một lần Vệ-Cơ, vợ Tề-Hoàn-công đau, ăn một món do Dịch-Nhà nấu mà khỏi bệnh, đem lòng mến, giới thiệu với chồng. Hoàn-công nói đùa với Dịch-Nhà :

— Các thứ điều, thú, trùng, ngư, ta ăn đã đủ mùi, duy có thịt người là chưa được biết vị ra sao.

Dịch-Nha lui ra, đến bữa trưa, dâng một mâm thịt chín, mềm như dê non, mùi rất thơm.

Hoàn công ăn xong, hỏi :

— Thịt gì mà ngon thế ?

Thưa :

— Thịt người.

Hoàn-công kinh hoàng, hét :

— Thịt đó lấy ở đâu ?

Đáp :

— Đưa con đầu lòng của tôi mới lên ba. Tôi nghĩ đã trung với vua thì không nghĩ gì tới con, nên giết nó để dâng chúa công.

Hoàn-công thấy vậy cho là hấn yêu mình, nên tin dùng.

Còn Khai-Phương vốn là công tử nước Vệ, bỏ ngôi thế tử mà theo Tề Hoàn-công, khi cha mẹ chết cũng chẳng thiết về, chuyên nịnh hót và bày cuộc vui cho vua Tề.

Trong bốn mươi năm làm tướng, Quản Trọng biết hết những hành vi bỉ ổi của ba kẻ tiểu nhân đó, biết chúng rất ghét ông, gièm pha ông, nhưng ông tin rằng chúng không hãm hại ông được mà hễ ông còn sống thì chúng cũng không hãm hại nước Tề được, nên ông làm lơ cho chúng. Ông biết tính Hoàn-công, nếu bắt buộc Hoàn-công phải đuổi ba kẻ đó đi thì Hoàn-công sẽ không vui mà sớm muộn gì cũng dùng những kẻ tiểu nhân khác để hầu hạ.

Mãi đến khi ông sắp mất, biết không còn ai ngăn cản được bọn đó, nên mới khuyên Hoàn-công phải xa chúng.

Hoàn-công bệnh vục chúng, nói :

— Dịch-Nha làm thịt con cho tôi ăn, thế là yêu tôi hơn yêu con, còn nghi ngờ gì nữa ? Thụ-Điều tự hoạn mình để được hầu cận tôi, như vậy là yêu tôi hơn bản thân. Còn Khai-Phương yêu tôi hơn cha mẹ nên mới bỏ ngôi thế tử theo tôi mà khi cha mẹ chết cũng chẳng thiết về. Ba người đó quý tôi như vậy, sao Trọng phụ bảo tôi phải xa ?

Quản-Trọng đáp :

— Tình người ta không yêu gì hơn con. Con đầu lòng mà Dịch-Nha còn nỡ giết, thì còn nghĩ gì đến vua ? Thân mình là quý hơn cả. Thụ-Điều hủy thân mình thì còn thiết gì đến vua ? Người thân không ai bằng cha mẹ, Khai-Phương bất hiếu với cha mẹ thì có thể trung với chúa công được không ? Huống hồ ngôi thế tử ai mà không muốn, Khai-Phương bỏ ngôi thế tử mà theo chúa công thế là dòm ngó cái gì quý hơn ngôi thế tử nữa. Nếu chúa công còn gần ba kẻ đó thì tất có ngày sinh loạn.

Hoàn-Công hỏi :

— Ba người đó theo hầu tôi đã từ lâu, sao không thấy trọng phụ nói đến bao giờ ?

— Tôi không nói là muốn chiều ý chúa công. Tôi như cái bờ đê ngăn nước khỏi tràn ; nay bờ đê không còn thì khó lòng giữ được nước. Tôi mất đi, chúa công chớ nên gần bọn họ.

Hoàn-Công nín thinh ra về.

Quả nhiên, hai năm sau, khi Hoàn-Công đau nằm liệt một nơi, bọn Thụ-Điều, Dịch-Nha làm cho triều đình

nước Tề sinh loạn, các công tử tranh nhau ngôi vua, đến nỗi Hoàn-Công chết đã sáu mươi bảy ngày mà chưa nhập quan, thi thể nát rữa, hôi thối không thể chịu được, giòi bọ lúc nhúc, trông rất thê thảm.



Mạnh-Tử sanh sau Quản-Trọng khoảng ba trăm rưỡi năm, chê Quản-Trọng được Hoàn-Công tin dùng như vậy, lại cầm quyền lâu năm như vậy, mà chỉ giúp Hoàn-Công lập được nghiệp bá, thì tài đức chưa đáng gọi là cao. Lời phê bình đó quá nghiêm khắc. Ta phải hiểu tư cách của Hoàn-Công chỉ có thể làm bá là cùng, chứ không thể hơn.

Khổng-Tử có tinh thần khoan hòa, xét Quản-Trọng công bằng hơn. Ông nói: « Quản-Trọng giúp Hoàn-Công làm bá chư hầu, bình định được thiên hạ. Dân tới nay còn mang ơn ông. Nếu không có ông thì chúng ta đã thành mọi rợ, đầu dóc tóc, áo gài nút bên trái hết rồi. » Ý Khổng-Tử muốn khen Quản-Trọng đã có công dẹp rợ Hồ phương Bắc, cứu nền văn minh Trung-Quốc.

Lần khác ông lại bảo: « Hoàn-công chín lần họp chư hầu mà không phải dùng binh, đó là công của Quản-Trọng. Về đức nhân, ai bằng được người ấy ? »

Quản-Trọng là một chính trị gia đại tài biết dung hòa thực tế và lý tưởng, tuy trọng võ bị mà cũng biết lễ, nghĩa, nhân, tín. Tư tưởng cùng chính sách

của ông được chép trong bộ *Quản-Tử*. Đọc bộ ấy, ta thấy học thuật của ông là học thuật của một nhà Nho khác xa với bốn pháp gia ở cuối đời Chiến-quốc. Chính ông là một nhà Nho đã biết sửa đổi phép tắc của Chu-công và ảnh hưởng đến Khổng-Tử, Mạnh-Tử đời sau.

Chỉ xét một việc này cũng biết ông được người nước Tề rất kính trọng và nhớ ơn. Hồi ông mới mất, Dịch-Nha gièm pha, nói với quan đại phu là Bát-hị :

— Ngày xưa, chúa công lấy đất của ông thưởng cho Quản-Trọng, nay Quản-Trọng mất rồi, ông nên đòi lại, tôi sẽ nói giúp ông với chúa công.

Bát-hị khóc mà đáp :

— Tôi không có công trạng gì nên chúa công mới lấy đất của tôi thưởng cho Trọng phu. Nay Trọng phu tuy mất mà công trạng còn, tôi mặt mũi nào xin đòi lại ?

Về tư đức, ông có chỗ đáng chê là quá xa xỉ. Khi sự nghiệp đã thành, ông chẳng những không ngăn cản Hoàn-Công trong việc sửa sang cung điện cho rực rỡ như cung điện một vị thiên tử, mà còn tự lập ra tắc môn để che cửa, phản điểm để tiếp sứ thần các nước, rồi sai đắp một cái đài cao ba tầng, gọi là đài *tam quy*, ngụ ý rằng ba hạng người quy phục mình : dân quy phục, chư hầu quy phục, các rợ quy phục.

Bão-Thức thấy vậy, can :

— Vua xa xỉ, mình cũng xa xỉ, vua tiếm phạm, mình cũng tiếm phạm, như thế sao phải ?

Quản-Trọng đáp gượng :

— Một ông vua lao khổ trong bao năm để lập công nghiệp, cũng phải có một ngày được hưởng sung sướng chứ ? Nếu mình đem lễ phép mà bó buộc hoài thì người ta sinh chán. Tôi làm thế, chẳng qua là muốn vì chúa công mà chịu đỡ tiếng chê cười trong thiên hạ.

Bảo-Thúc tỏ ý không phục.

Chính vì về già đời tính, hóa xa xỉ và kiêu căng, mà Quản-Trọng không bằng Ân-Tử, một vị tướng quốc khác

cũng ở thời Xuân-Thu, sống sau Quản-Trọng trăm năm, cũng giúp Tề hùng cường mà suốt đời khiêm nhượng và thanh bạch. Tư-Má-thiên khi chép tiểu sử của hai nhà, không dìm Quản mà chỉ tôn Ân, thực là phán đoán đã sâu sắc. Đáng khen hơn nữa là ông viết truyện của Quản-Trọng ; và của Bảo-Thúc chung với nhau, làm cho ta hiểu ngầm rằng cả công lao gây dựng nước Tề là của Bảo chứ không phải của Quản vì không có Bảo thì không có Quản. Từ xưa, chưa có một sử gia nào mà tư tưởng xác đáng, văn chương hàm súc đến như vậy.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

- ✧ Ta chớ là những kẻ thấy chai đầy được một lung mà cứ phàn nàn mãi rằng chai voi mất một nửa.
- ✧ Trong thế gian ý tưởng hèn xấu thì nhiều mà ý tưởng cao đẹp thì ít ; tuy nhiên một ý tưởng phát xuất do lòng ưu ái có mãnh lực hơn một ý tưởng phát xuất do chí căm hờn thập bội.
- ✧ Người ta đáng lẽ phải giận mình thì lại đi giận kẻ khác.
- ✧ Người ta không thể quan niệm đã là thủ lãnh mà lại có bộ mặt dăm chiêu. Đã dành trách nhiệm bắt người thủ lãnh phải lo tính, nhưng trách nhiệm cũng bắt người thủ lãnh phải lạc quan.
- ✧ Công việc của kẻ chán ngán thì tẻ nhạt, công việc của kẻ biếng nhác thì buồn nản, công việc của kẻ bi quan thì đầy tử khí.

MÙA THU

VỚI NGƯỜI Á-ĐÔNG

PHAN-KHOANG

MÙA thu là mùa thứ ba trong năm, sau mùa Hạ, trước mùa Đông.

Theo Âm lịch, mùa Thu bắt đầu từ ngày Lập-thu (8 tháng 8 Dương lịch) đến ngày Lập-đông (8 tháng 11 Dương lịch) ⁽¹⁾. Tiết Thu phân (ngày 23 hoặc 24 tháng 9 dương lịch) cũng như tiết Xuân-phân (ngày 21 hoặc 22 tháng 3 dương lịch) là lúc mặt trời đi đến giữa điểm mà Hoàng-đạo với Xích-đạo giao nhau, cho nên ngày và đêm dài bằng nhau.

Về công dụng trong sự sanh thành vạn vật, người Á-đông cho mùa Thu là mùa thu liễm, nghĩa là ngưng tập, nhóm đông lại. Mùa Xuân sinh ra, mùa Hạ làm cho lớn lên, mùa Thu nhóm đông, để chất chứa lại ở mùa Đông (Xuân sanh; Hạ trưởng, Thu thu, Đông tàng); rồi mùa Xuân sang năm dùng cái chất chứa ấy mà sanh, mùa Hạ làm cho nó trưởng thành, và cứ tuần hoàn như thế mãi.

Mùa Thu, thảo mộc đều rụng lá hết, để cho cái tinh khí và sinh lực ngưng tụ lại ở trong; về hoa quả chỉ hoa cúc là nở thịnh, cũng như mùa Xuân nhiều đào, mùa Hạ lựu chín, mùa Đông mai ra hoa :

*Đưa chén Thu cúc, Xuân đào,
Lựu phun lửa Hạ, mai chào gió
Đông.*

Vì thế, cái thú mùa Thu là uống rượu ngâm hoa cúc :

*Xuân du phương thảo địa,
Hạ thưởng lục hà trì,
Thu ẩm hoàng hoa tửu.
Đông ngâm bạch tuyết thi.*

Xưa kia, ở Trung quốc, các chức quan lớn lo việc trị dân trị nước, coi là cũng có ảnh hưởng quan trọng đối với nhân dân như bốn mùa trong một năm, nên tùy theo chức vụ mà sánh với mỗi mùa, và lấy tên mùa ấy mà gọi tên quan. Chức Tư-khẩu,

(1) Ở Âu-Tây, mùa Thu là ba tháng 9, 10, 11.

sau là Thượng thư bộ Hình, gọi là Thu quan, vì hình phạt là việc nghiêm lệ, hợp với tính chất mùa Thu (Thượng thư bộ Lễ là Xuân quan, Thượng thư bộ Binh là Hạ quan, Thượng thư bộ Công là Đông quan). Do đó, có chế độ Thu thăm : mỗi năm, những án tử hình ở các tỉnh phải đệ về kinh, đợi đến mùa Thu đem xét lại đã rồi mới được thi hành.

Mùa Thu là mùa thứ ba trong bốn mùa, nên biểu thị sự bắt đầu suy giảm của một sức lực đã đạt đến mức tối cao, hoặc tượng trưng thời kỳ bắt đầu đi về lão cảnh của một đời người :

*Cuộc đời đã ngã sang thu,
Tình đời đã trả, kiếp tu chưa tròn.*

Hoặc :

*Vào thu là đã xế chiều,
Đã già phân nửa cái điều nhân sinh.
.....
(Bằng-bá-Lân)*

Vì cảnh tượng đìu hiu, túc sái của mùa thu, nên ấy là lúc nó bắt buộc con người phải thương cảm, phải nhớ nhung hơn lúc nào hết. Mùa xuân vui tươi, mùa hạ nóng bức, mùa đông rét mướt, những điều ấp ủ trong thâm tâm không được hoàn cảnh kêu gọi, đợi đến mùa thu thì bất giác thấy nó bộc lộ ra :

*Thu sang là nhớ, mong, chờ,
Nhớ cam Bối-hạ, nhớ bờ sông Thương.
.....
(Bằng-bá-Lân)*

Phải chăng vì các đặc tính nói trên mà mùa thu có một ý nghĩa đặc biệt, một địa vị quan trọng trong thời gian nên

người ta thường dùng « thu » để chỉ một năm :

*Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy nghìn thu
(Trần-Quang-Khai)*

Hoặc :

*Rằng liền hay tục ở mình,
Nghìn thu hỏi khách chung tình là ai ?
(Bích câu kỳ ngộ)*

Cũng có khi người ta ghép « xuân » với « thu » để gọi một cái tuổi, nhưng hạ, đông thì không bao giờ được cái hân hạnh ấy.



Nếu mùa xuân là mùa Tạo-hóa dành cho tao nhân, mặc khách xướng vịnh, ngâm nga, thì mùa thu cũng là mùa mà hoàn cảnh khiến thi sĩ, văn nhân phải cảm xúc mạnh mẽ để sáng tác. Nào là « Thu ẩm » vịnh việc uống rượu trong mùa thu, « Thu điệu » nói việc câu cá trong mùa thu, « Thu hứng » tả những cảm hứng lúc Thu sang, ngoài ra còn « Thu cảm », « Thu hoài », « Thu tứ », và biết bao đề mục nữa mà nhà thơ đã tùy lúc lựa chọn để bày giải tâm tình.

Nhưng thơ xuân và thơ thu khác nhau như trắng với đen, như ngày với đêm. Sau mùa đông rét mướt, vạn vật xác xơ, được cảm thấy sức hồi sinh đầm ấm, của khí trời mới mẻ, huy hoàng, thơ xuân vì thế vui tươi, ham sống. Sau mùa hạ nóng bức, công cuộc trưởng thành đã hoàn tất, con người uể oải; trên con đường lui về bóng xế, trước cảnh tượng hiu hắt, tiêu sơ, thơ Thu là thơ buồn thảm, tiếc thương :

*Gió thu rụng hái lá vàng,
Vườn thu cúc điểm, mấy hàng sương
gileo,*

*Mây thu lam vắt ngang đèo,
Đêm thu trắng tỏ, như chiều nhớ
nhung.*

Hoặc :

*Từ vào thu đến nay,
Trắng thu bạch,
Sương thu lạnh,
Khói thu xây thành,
Hơi thu nghi ngút đầu cành,
Gió thu đưa đầy bao ngành biệt ly,
Nhận về, yển lại bay đi.*

*Sắc đỏ nhuộm ố quan hà,
Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà tà dương,
Hỡi người cố lý, tha hương,
Cảm thu, ai có tư lường chẳng ai ?
(Tán-Đà)*

Hoặc :

*Gió vàng hiu hắt báo thu sang,
Cảnh vật này ai khéo điểm trang ?
Mây trắng phất phơ vờn bóng nguyệt,
Cúc vàng lóng lánh đượm hơi sương
Thâm khuê thiếu phụ sầu ly hận,
Biên tái chinh phu khổ đoạn trường
Quán khách cảm thương người lữ thứ,
Canh chầy như gọi nổi thê lương
(Kim-y-diều)*

Mùa Thu có ba yếu tố kêu gọi cảm
tình : gió, trăng và nước.

Gió thu là gió thê lương, thảm đạm,
khiến những bậc anh hùng, võ dũng, tâm
hồn cứng rắn, nghe đến cũng không khỏi

đề mê cõi lòng. Vua Hán Võ-đế là vị
vua đánh đông dẹp bắc, võ công oanh
liệt, thế mà cũng phải :

*Thu phong hễ, bạch vân phi,
Thảo mộc hoàng lạc hễ, nhận nam qui,
Lan hữu tú hễ, cúc hữu phương,
Hoài giai nhân hễ, bất năng vương.
(Thu phong từ)*

Dịch :

*Mây bay ngọn gió thu lồng,
Lá vàng rơi tả nhận hồng về nam.
Dịu dàng cúc đẹp, lan thơm,
Nhớ nhung người đẹp tâm hồn xót xa.
(Lam-giang)*

Trăng thu là trăng tia sáng êm dịu,
trong trẻo nhất trong năm. Chính vì tính
cách ấy của trăng thu mà trăng được
người Á-Đông rất ưa chuộng, coi là
tượng trưng tinh thần thanh thoi; phong
nhã và tiêu biểu sự thanh bạch, công
minh.

*Bầu nhấp giang sơn say chấp rượu,
Túi lưng phong nguyệt, nặng vì thơ.
(Bà Huyện Thanh-Quan)*

*Những rắp điền viên vui tuổi, nguyệt,
Trót đem thân thế hẹn tang bồng.
(Nguyễn-Công-Trứ)*

*Trăng thề còn đó trơ trơ
Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng
Tắm gương trong trắng ai bằng chị
(chị Hằng),
Nơi tối mong chờ chị sáng soi.
(Tế-xuyên)*

Nước thu là nước trong vắt, sáng ngời,
khiến nhà mỹ từ học phải mượn làm

MÙA THU VỚI NGƯỜI Á-ĐÔNG

ăn dụ cho cái đẹp tuyệt vời trong cặp mắt của người con gái : làn thu thủy, hoặc nét thu ba :

Khóc thu ba gợn sóng khuynh thành.

Thêm vào gió, trăng, nước, còn mây thu âm đạm, hơi thu hiu hắt, lá thu rụng vàng, tất cả đều hợp nhau để tạo ra một hoàn cảnh buồn rười rượi, sầu man mác, khiến khách lữ thứ không thể không chạnh nhớ quê hương, kẻ đa tình không sao dằn lòng thồn thức, và người có chút sầu hận chưa khuây như thấy kêu gọi dậy trong thâm tâm những nỗi oán hờn, thương tiếc :

*Mỗi độ thu sang mỗi lạnh lòng,
Nỗi buồn, ai hỏi, thối cho không ?
Trương-Tịch, ở xa, thu đến, nhớ nhà,
vội vã viết thư :*

Lạc-dương thành lý, kiến thu phong,

Dục tác gia thư, ý vạn trùng.

Phục khùng thông thông thuyết bất tận,

Hành nhơn lâm phát hựu khai phong.

Dịch :

Lạc-thành thấy nỗi thu phong,

Thư nhà muốn viết, nỗi lòng khôn xuôi.

Vội vàng, sợ chẳng hết lời,

Sắp đi, lại mở ra coi kỹ càng.

(T.Trọng-Kim)

Nhớ nhung thì như :

Xa tít phương trời chẳng thấy đâu.

Mỗi lần thu đến nhớ thương nhau.

Lay từng, gió thổi vẫn hương tứ,

Đậu trúc, chim kêu tiếng hữu cầu.

Sương bạc mong manh buông sợi Chức,

*Lá vàng, run rẩy nặng tình Ngâu.
Bắc, Nam đôi ngả sầu quan tái,
Mây nước mênh mông trắng một màu.*

(Tống-Khê)

Có lúc, nhà thơ lãng mạn này ra cái ý muốn phối hợp với chị Trăng thu để được ở cao vót trên chín tầng mây mà ngó xuống chế giễu cái trần gian ô trọc :

*Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi !
Trần thế em nay chán nửa rồi.
Cung quế đã ai ngồi đó chưa ?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu, có bạn, can chi tủi,
Cùng gió, cùng trăng, thế mới vui.
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế gian cười.*

(Tân-Đà)

Nhưng hạng người mà cảnh thu làm đau khổ nhất là hạng quả phụ. Trong cảnh trời âm đạm, hơi gió hắt hiu, mà gối chiếc, chăn đơn giữa cô phòng ư-tịch, con người « vị vong » sao khỏi nhớ đến thời gian đoàn tụ trước kia mà thương mà tiếc, mà ủ dột, mà thở than, rồi so sánh với hạng may mắn hơn mình mà càng thêm đau, thêm xót.

Thu về đẹp lúa duyên Ngâu,

Năm năm ô-thước bắt cầu Ngân-giang.

Đôi ta ân ái lỡ làng,

Giữa đường sanh tử đoạn tràng chia hai.

Anh vui non nước luyện đài,

Cối trần, hương lửa riêng ai lạnh lòng.

(Giọt lệ thu)

Cho đến hạng người vô sự, không có gì là thắc mắc trong tâm tình, đứng

trước cảnh thu cũng không khỏi cảm thấy một nỗi buồn nhẹ nhẹ và tâm hồn băng khuâng chìm đắm trong một tình ý mông lung, bất ngát :

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền con bé tẻo teo,
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Từng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
Cả đầu đớp động dưới chân bèo.*

(Thu điếu Nguyễn-Khuyến)

Tác giả tuy ôm cần ngồi câu cá, nhưng hoàn cảnh không để cho mình chuyên chú vào việc câu, mà bất giác phải thả tâm hồn theo dòng tư tưởng riêng tư. Hình như Thu là mùa sản xuất nhiều thơ hơn cả trong bốn mùa, và trong kho thơ rất phong phú của Trung-quốc, những bài hay nhất là những tác phẩm ra đời trong dịp Thu.

Thơ mùa Thu có danh tiếng của Việt Nam có những bài Giọt lệ thu của bà Trương-Phổ, bài Nam-cầm khúc của Tuy-Lý-Vương, bài Thu dạ lữ hoài ngâm của Đinh-Nhật-Thận v. v..., ai nấy đều biết.

Của Trung-Quốc, các bài Đằng-vương các phú của Vương-Bột, Xích-bích-phú của Tô-Đông-Pha, Tỳ-bà-hành của Bạch-Cư-Dị, Thu-thanh phú của Âu-Dương-Tu, 8 bài Thu hứng của Đỗ-Phủ đều là những tác phẩm giá trị bất hủ, không chỉ về văn chương hoa mỹ, mà còn về triết lý thâm cao mà tiếc vì phạm vi chật

hẹp, nên chúng tôi không tiện trích đăng, đề hiến quý độc giả trong dịp thưởng trăng thu.



Sau mùa Hạ nóng bức, nặng nề, có mùa Thu đến để làm êm dịu khí trời thì vạn vật mới chịu được để sinh sống. Vả, đã có cảnh « hớn hờ » của mùa Xuân, ắt phải có cảnh « ảm đạm » của mùa Thu, cũng như đã có cái khốc liệt của nắng mùa Hạ, phải có cái nghiêm lệ của lạnh mùa Đông. Ấy là sự biểu thị của luật điều hòa nó là cái luật căn bản của sự sinh tồn muôn vật trong vũ trụ. Mùa Thu buồn, nhưng có vui phải có buồn, nào ai có thể mãi mãi vui tươi ?

Nhưng mùa Thu khiến người ta quyến luyến nó là vì những tình cảm kêu gọi bởi bao nhiêu điểm tình, dạt sử xảy ra trong thời nó mà năm năm chỉ mỗi độ Thu về mới được nghe nhắc nhở lại để cho cái lòng thương tiếc được thỏa thuê đôi phần.

Ấy là chuyện anh Ngưu-Lang, chị Chức-Nữ đứng chực sẵn bên bờ sông Ngâu đợi đến đêm thất tịch mới được cùng nhau hội ngộ, lại than lại khóc để cho những giọt lệ thành giọt mưa Ngâu, khiến đàn quạ thương tình phải bắc cầu cho chàng và nàng qua sông đoàn tụ. Đôi vợ chồng son trẻ, tình yêu nồng nàn, mà một năm chỉ được gặp nhau một lần. Ôi ! Thượng-đế sao quá khắc nghiệt !

Ấy là chuyện vua Đường-Minh-Hoàng đêm rằm tháng 8 lên tận cung Trăng để thưởng thức cái đẹp của các tiên nữ. Sung sướng thay vị vua lãng mạn !

MÙA THU VỚI NGƯỜI Á-ĐÔNG

Ấy là chuyện nhà vua ấy sai đạo sĩ lên tận cung Trăng để tìm lại người yêu. Rồi từ cửa Tây-sương cung Quảng, người yêu nhắn về :

Cầm nước mắt, ân cần gửi tạ :
Bất tẩm hơi, đôi ngả cách vời,
Chiêu-dương lạnh ngắt tình đời,
Bồng-lai ngày tháng lâu dài cõi tiên.
Cúi đầu xuống, trông miền hạ giới,
Trường-an đâu ? bụi khốt mặt mù ?
Lấy gì tỏ nỗi tương tư,
Thoa vàng hộp nạm vật xưa gửi về.

Giám mong lòng chờ đôi đời,
Trên trời dưới đất hẳn rồi gặp nhau.

Thì tuy âm dương cách trở, tiên tục khác nhau, người yêu vẫn giữ tình chung thủy !

Đề cho tình quân tin chắc, quý phi nhắc lại một lời thề xưa mà chỉ hai người biết.

Lúc từ biệt nhắc câu thề cũ,
Mượn lời thề họa tỏ lòng nhau :
Điện Trường-sinh, tháng ngày Ngâu,
Nửa đêm người vắng, cùng nhau thề bồi :
Chim liền cánh trên trời bay ngát,
Cây liền cành dưới đất sinh đôi.

Rồi ta liền tưởng đến những chuyện khác, có dính dáng với Trăng. Ấy là chuyện con Thỏ trắng thấy người dúi khó, tự hiến mình để cấp thịt cho người ăn, nên được Ngọc-Hoàng thưởng, cho lên ở cung trăng, tiêu dao ở cảnh thiên-đường.

Lại còn chuyện Hằng Nga trộm thuốc của chồng bay trốn lên cung Trăng, chuyện chú Cuội vì vợ bắt cần, phải theo gốc đa lên ngồi vĩnh viễn trên trăng.

Ấy là những chuyện hoàng đường, ai cũng biết thế, nhưng sau nó quyến rũ lòng người lắm thay !

Trong khi những làn sóng vật chất dương tràn ngập khắp nơi, xâm nhập tâm thần ta, bày ra trước mắt ta những cảnh tranh giành, đoạt lượt thô bỉ, ồn ào, khiến ta cảm thấy đời người nhỏ nhen, thân ta cô độc, các mẫu chuyện ấy của mùa Thu làm cho ta rung cảm, và hiển ta một cái gì êm đềm, an ủi lòng ta biết chừng nào !

Ta than thở hộ cho sự trắc trở trong tình duyên của ả Chức, chàng Ngưu. Đàn quạ còn có lòng bất nhẫn hướng chỉ người. Ta muốn như Đường-Minh-Hoàng một phen lên được cung Trăng để xem chư Tiên đẹp đến ngần nào cho biết. Ta thán tức mỗi tình khẩn khát, thủy chung hãn hữu của cặp vợ chồng Vương giả nhà Đường, và cùng Bạch-Cur-Dị ngâm nga :

« Trời lâu, đất thắm có hồi,
Sầu này giằng giặc muôn đời khôn tan ! »

Nhất là cái lòng từ bi bác ái vô biên của con Ngọc-Thổ làm cho ta kính phục vô cùng. Và giận cho ả Hằng gian dối với đấng lang quân, ta thương hại chú Cuội, vì mẹ đẻ bắt cần một tí mà phải lên ngồi mãi ở gốc cây đa, ăn hận muôn đời.

Nhưng rồi ta không khỏi tự hỏi : có lẽ đâu lại có những chuyện lạ lùng như thế chẳng ? Có hay không ? Không hay có ? Có thì có thể hay có thể nào ?

Đề khuấy khoa chúng ta, dù trong chốc lát, khỏi thật tại cục cằn thô bỉ đương vây bọc chúng ta.

PHAN-KHOANG

BÁCH KHOA XXXXII

ĐÃ ĐẾN LÚC NGƯNG THÍ NGHIỆM

VŨ KHÍ NGUYÊN TỬ ?

TIỂU-DẪN

HỘI nghị các chuyên viên nguyên tử Đông, Tây tại Genève bắt đầu từ 1 tháng 7 đã bế mạc hôm 21 tháng ở vừa qua.

Hội nghị đã xác nhận rằng khoa học ngày nay, trừ vài trường hợp, có thể giúp người ta kiểm soát một cách hiệu quả việc đình chỉ thí nghiệm vũ khí nguyên tử, khinh khí ở mọi nơi trên thế giới.

Thông cáo cuối cùng của hội nghị đã gây một xúc động lớn lao trong dư luận quốc tế. Báo chí khắp nơi xôn xao bàn tán.

Một câu hỏi ám ảnh mọi người : Phải chăng hai phe đã tìm được một căn bản

thỏa hiệp để ký kết một thỏa ước về việc ngưng thí nghiệm vũ khí nguyên tử, khinh khí ?

Dư luận báo chí Anh

Báo *Time* nhấn mạnh rằng Anh, Mỹ sẽ chấp nhận việc ký kết đình chỉ thí nghiệm vũ khí nguyên tử nếu người ta thiết lập được một tổ chức kiểm soát hữu hiệu.

Theo báo này, Tây Phương không nên nhất mực đòi hỏi phải có một thỏa hiệp về toàn diện vấn đề tài giảm binh bị, như trước đây nữa. Như thế người ta sẽ không đạt được kết quả gì cả. Mặc dù việc ngưng thí nghiệm vũ khí nguyên tử chỉ là một phương diện của vấn đề tài binh, người ta cũng không nên bỏ qua cơ hội tốt

thề thỏa hiệp từng bước với nhau.

Có ba điểm cần được lưu ý.

« Trước hết việc ngưng thí nghiệm vũ khí nguyên tử không phải là một biện pháp tài binh... Nó không đòi thủ tiêu số bom dự trữ của các quốc gia. Nó cũng không ngăn các quốc gia tăng gia số dự trữ ấy... »

Điểm thứ hai : Tây phương phải thấy trước rằng hệ thống kiểm soát được tổ chức sau này sẽ có vài chỗ sơ hở của nó. Các nhà bác học đã khuyến cáo việc dùng các vệ tinh để khám phá những cuộc thí nghiệm vũ khí nguyên tử trên thượng tầng không khí. Hiện nay chưa có những phương tiện ấy.

Cho nên, dù sao đôi bên cũng phải tin ở sự thành thực của nhau một phần.

Điểm cuối cùng : Mỹ nên ngưng việc hoàn thành những hỏa tiễn phòng thủ có mang đầu đạn nguyên tử. Anh nên ngưng việc thử bom khinh khí như đã dự định.

Để kết luận, báo Time cho rằng đứng trước dư luận thế giới, cả hai phe không thể không đi đến một thỏa ước.

Nhưng các báo đều tỏ ý băn khoăn về chế độ của chính phủ Anh. Theo tin tức gần đây thì dường như chính phủ Anh chưa có ý ngưng việc thí nghiệm vũ khí sắp được tổ chức tại đảo Christmas. Các báo loan tin trước rằng, nếu Anh không đi chung một nhịp với Mỹ thì Mỹ rất có thể tuyên bố tự đình chỉ một cách đơn phương việc thí nghiệm vũ khí. Nếu tình trạng này xảy ra thì thế giới tự do sẽ chịu thiệt thòi.

Báo *News Chronicle* viết : « Thái độ của chính phủ liên quan đến loạt thí nghiệm vũ khí tại đảo Christmas thật là khờ khạo lạ thường... Nếu xét về phương tiện làm nhục ý chí khởi hấn của đối phương thì ta thấy sự khác nhau giữa một quả bom khinh khí có thể sát hại một triệu người với một quả bom khinh khí có thể sát hại hai triệu người nào có nghĩa lý gì ! Anh mà chạy theo làm cho được như Mỹ, điều đó chẳng ích lợi gì cho Liên minh Tây phương... »

Báo *Daily Herald* kêu gọi thủ tướng Anh hãy chấm dứt mọi dự định tiếp tục thử bom khinh khí. « Dư luận thế giới sẽ nguyên rủa Anh quốc nếu ông cứ theo một chính sách « đơn thương, độc mã » này và nếu ông làm tiêu tan những hi vọng của chúng ta nhằm loại trừ vĩnh viễn bom khinh khí. Thế giới muốn sự chấm dứt mọi cuộc thí nghiệm và ký kết một thỏa ước ở cấp tối cao để đảm bảo rằng những cuộc thí nghiệm vĩnh viễn chấm dứt. Thế giới muốn rằng Liên hiệp quốc cấm hẳn những cuộc thí nghiệm mới và xác nhận rằng những cuộc thí nghiệm như vậy là những tội ác đối với nhân loại... »

Chỉ có báo *Daily Telegraph* là tỏ ra dè dặt. Theo báo này, những kết quả cuộc hội nghị chuyên viên nguyên tử làm cho mọi người phấn khởi. Tuy nhiên, phải thấy khó khăn còn nhiều. Các nhà khoa học chỉ mới cho biết rằng có thể tổ chức kiểm soát về chuyên môn. Các nhà chính trị giờ đây phải tìm kiếm những khả năng chính trị để thực hiện một sự kiểm soát như vậy.

Báo Daily Telegraph tỏ ý ngại rằng Trung Cộng sẽ không chấp nhận sự kiểm soát trên lục địa mênh mông, rằng Pháp sẽ từ chối không tham dự ký kết mọi hiệp ước quốc tế nào có tính cách giữ Pháp đứng ngoài hàng các cường quốc nguyên tử.

Dư luận báo chí Hoa Kỳ.

Báo *Washington Post* cho rằng giờ đây Hòa kỳ phải tận dụng những sáng kiến chính trị để đi đến một kết quả tích cực cho nền hòa bình.

Theo báo này, Hoa-kỳ tham gia hội nghị các chuyên viên nguyên tử Genève tức là Hoa-kỳ đã làm cho thế giới có thể nghĩ rằng mình chịu tách riêng ra mà xét vấn đề đình chỉ có kiểm soát những cuộc thí nghiệm nguyên tử. Bây giờ đây, hội nghị ấy đã có kết quả khả quan. Hoa-kỳ phải quyết tâm tiến tới việc ký kết một thỏa ước mà thế giới mong đợi.

Tuy nhiên, nhiều báo khác giữ thái độ dè dặt. Báo *New York Daily News* lo ngại hai điểm. Trước hết, hình như các chuyên viên không đề cập đến vấn đề tổ chức hệ thống kiểm soát tại Trung-hoa lục địa. Trong khi đó thì Nga hứa sẽ cung cấp vũ khí nguyên tử cho nước ấy.

Điểm thứ hai : nhiều quân nhân Mỹ ngại rằng nếu Anh, Mỹ chấp nhận sự cấm sử dụng tiến đến thủ tiêu các vũ khí nguyên tử, khinh khí về sau này thì lực lượng quân đội hùng mạnh nhất thế giới của Nga sẽ tự do xâm chiếm Tây Âu và tấn công Hoa-kỳ.

Báo *New York Daily News* kết luận :

Chúng ta còn xa cái ngày có thể ngưng việc thí nghiệm vũ khí nguyên tử. Nhưng chúng ta phải luôn luôn sẵn sàng đề tiến đến đó và không để cho Nga-sô bước trước chúng ta...

Dư luận báo chí các nước khác

Báo *Süddeutsche Zeitung* viết : « Hoa-thịnh-đôn và Luân-đôn phải có một quyết định quan trọng vì Mạc-tur-khoa đã tuyên bố ngưng thí nghiệm vũ khí nguyên tử một cách đơn phương và đã yêu cầu Anh, Mỹ noi gương của họ ».

Báo *New Rhein Zeitung* nhận định : « Sau khi các chuyên viên đã làm việc có kết quả, các nhà chính trị phải nắm lấy cơ hội tốt này để chấm dứt những cuộc thí nghiệm đầy nguy hại. Công việc tại hội nghị Genève chứng tỏ rằng nếu tiến hành những cuộc đàm phán thương lượng bí mật, người ta dễ thỏa thuận với nhau hơn.

Theo báo *Die Welt*, từ đây hai phe đã có những thuận lợi đề tiến tới một sự thỏa thuận về tài bình.

« Phải hành động cho nhanh chóng. Hiện nay, chỉ có ba cường quốc nguyên tử. Ngày mai, sẽ có thể có năm cường quốc nguyên tử : thêm Pháp và Trung-cộng. Số cường quốc nguyên tử càng nhiều, nguy cơ của một đại chiến càng lớn lao. »

Những khó khăn

Qua những dư luận kể trên, người ta thấy còn một số khó khăn nằm trong việc vận động ký kết một thỏa ước đình chỉ thí nghiệm vũ khí nguyên tử, khinh khí.

ĐÃ ĐẾN LÚC NGỪNG THÍ NGHIỆM...

Trước nhất, hai phe cần một mức độ tín nhiệm ở lòng thành thật của nhau.

Các nhà khoa học đã công nhận rằng ta có thể tổ chức hệ thống kiểm soát được nhưng không phải là sự kiểm soát này sẽ hiệu nghiệm hoàn toàn. Muốn kiểm soát được ở thượng tầng không khí, hai phe còn cần tạo thêm phương tiện khoa học.

Cho nên, nếu không chịu tin nhau một phần nào đó, người ta khó lòng ký kết mau chóng một thỏa ước mà thế giới mong đợi.

Khó khăn nữa là sự cần thiết có Trung-cộng tham gia vào việc thành lập một hệ thống kiểm soát việc ngưng thí nghiệm vũ khí nguyên tử vì một lẽ giản dị rằng nếu đại lục Trung-hoa không được đặt trong vòng kiểm soát thì mọi việc cam kết mất phần lớn giá trị thực tế.

Mà muốn có sự tham gia ấy, thế giới tự do không thể không nói chuyện với Trung-cộng. Nga-sô sẽ đại diện cho Trung-cộng chẳng? Chắc chắn rằng sẽ không có việc ấy vì Nga luôn luôn đòi đưa Trung-cộng vào Liên hiệp quốc. Như thế thì Tây phương phải tiếp xúc với Trung-cộng. Trung-cộng sẽ tham gia thỏa ước đình chỉ thí nghiệm vũ khí nguyên tử. Với điều kiện và tư cách nào? Đó là vấn đề.

Khó khăn cuối cùng là thái độ thiếu nhất trí của Tây-minh Anh, Mỹ, Pháp.

Dư luận báo chí Hoa-kỳ cho thấy Hoa-kỳ có thể sẵn sàng thỏa thuận với phe

Nga đề ngưng thí nghiệm vũ khí. Đi xa hơn, một số báo còn bảo rằng nếu Anh, Pháp không đồng ý thực hiện một đường lối chung, Hoa-kỳ có thể đơn phương tuyên bố ngưng thí nghiệm vũ khí.

Trong khi đó, Anh không muốn đình hoãn loạt thí nghiệm bom khinh khí tại đảo Christmas được dự định. Pháp càng lãnh đạm với việc ngưng thí nghiệm vũ khí vì Pháp đang ráo riết chế bom nguyên tử, với ý thức rằng khi trở nên một cường quốc nguyên tử, Pháp sẽ khôi phục địa vị cường quốc quốc tế trước đây.

Ai cũng thấy rằng nếu tình trạng này không sớm chấm dứt, Tây Phương sẽ chịu thiệt thòi về tinh thần trước công luận.

Triển vọng

Tuy nhiên, nhân dân thế giới có nhiều lẽ xác đáng để hi vọng rằng hai phe sẽ thỏa thuận được với nhau.

Hiện nay Đông cũng như Tây đều đứng trước một trách nhiệm vô cùng lớn lao đối với nhân loại: trách nhiệm chứng minh thiện chí hòa bình.

Cho đến nay, người ta đã nói nhiều, tranh cãi nhiều về vấn đề tài giảm binh bị thế giới. Mỗi phe đã tố cáo đối phương thiếu thành tâm, thiện ý trong việc mưu hòa bình cho thế giới. Và mỗi phe đều nhiều lần tuyên bố quyết tâm tìm những khả năng thỏa hiệp với nhau.

Bây giờ đây, khi mà người ta đã có những phương tiện để tiến hành một cách

Có đảm bảo việc ngưng thí nghiệm vũ khí nguyên tử, khinh khí, mọi người đều thấy rằng cơ hội chứng tỏ tinh thần phục vụ hòa bình của mỗi phe đã đến.

Nhân dân thế giới yêu chuộng hòa bình đang chờ đề phê phán hành động của hai phe.

Sức mạnh tinh thần của nhân loại đã chặn đứng được nguy cơ của một cuộc chiến tranh nguyên tử, buộc những khối đối lập quốc tế đàm phán thương lượng với nhau hầu giải quyết hòa bình mọi vấn đề tranh chấp.

Chắc chắn rằng sức mạnh ấy sẽ thúc đẩy hai phe khắc phục mọi khó khăn, vận dụng những thuận lợi mới, để thỏa hiệp với nhau.

Việc ngưng thí nghiệm vũ khí nguyên tử, khinh khí chỉ là bước đầu trên con đường tài bình thế giới.

Nhưng bước đầu này vô cùng quan trọng vì nó sẽ dẫn dắt nhiều bước khác nữa vậy.

Ngày 15 tháng 9 năm 1958

TIÊU-DÂN

Cái gốc của ba điều « thứ »

Khổng Tử nói : — Người quân tử có ba điều thứ : Có vua không thờ nôi, mà có bầy tôi lại đòi sai khiến, không thể tha thứ được. Có cha mẹ không biết hiếu thảo, mà có con lại đòi báo đáp, không thể tha thứ được. Có anh không biết kính nhường, mà có em lại đòi thảo thuận, không thể tha thứ được. Làm kẻ học, nếu rõ được cái gốc của ba điều thứ ấy thì có thể đoan chính cho thân được vậy.

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ

★ Tôi biết có người cho rằng chỉ những kẻ ngu xuẩn mới lạc quan. Điều đó cần phải chứng minh, song ta có thể chứng minh ngay được rằng, kẻ lạc quan vẫn khôn hơn kẻ bi quan. Thấy trước khía cạnh bất lợi của công việc, chắc đã hay gì ? Đón trước thất bại của công việc và nói được rằng : « Tôi biết trước mà ! », chắc đã lợi gì ?

Sự việc nào, biến cố nào mà chẳng có hai mặt đẹp xấu ? Tại sao lại cứ nhìn mãi mặt xấu, mà không, trái lại, thỏa mãn với cái mặt đẹp ? (Camille Cavallier).

NHÂN NGÀY LỄ
SONG THẬP

Ý-NGHĨA

và

BÀI HỌC

LỊCH-SỬ

CỦA



CÁCH-MẠNG TÂN-HỢI

TRẦN-HÀ

TÍNH đến nay, cách mạng Tân-Hội, vừa đúng bốn mươi bảy tuổi.

Thực ra, Á-đông đã có phong trào dân chủ từ những năm duy-tân vận động đời Minh-Trị Thiên-Hoàng (1887-1911), nhưng đó chỉ là một phong trào cải cách chuyển biến dần lên. Phải đợi đến khi tiếng súng Võ-Xương bùng nổ (10-10-1911), Đông-Á mới có một cuộc quật

khởi lần đầu tiên trên lịch sử mang biểu hiệu cộng hòa.

Trước đó, lịch sử Trung-hoa đã từng ghi dấu những cuộc nổi dậy oanh liệt của các nhóm : Lý-Tự-Thành, Hồng-Tú-Toàn, v. v.,... nhưng xét cho kỹ, những phong trào đó chỉ là những cuộc bạo động không đường hướng — hoặc đường hướng mập mờ — mà kết quả tự nhiên chỉ có thể là thay triều đổi chúa. Toàn

bộ cơ cấu của chế độ vua quan tuy có từng chập rung rinh, xáo trộn vì những cuộc phong ba đó, nhưng về căn bản, vẫn không thay đổi bao nhiêu.

Cách mạng Tân-Hợi có ý nghĩa đặc biệt trọng đại hơn. Chẳng những nó lật đổ được triều đình Mãn-thanh, mà còn xô ngã được cả chế độ phong kiến độc tôn mấy ngàn năm của Trung-quốc, và dựng lên, không phải một triều đại mới cai trị thế cho triều đại cũ, mà là một nước dân quốc, với sự tham gia bình đẳng của năm dân tộc : Hán, Mãn, Tạng, Mông, Hồi.

Đối với lịch sử Trung-quốc, nó là cái mốc giữa hai thời đại : thời đại quân chủ chuyên chế và thời đại dân chủ.

Cho nên, dù rằng « cách mạng » vẫn chưa thành công, dù rằng nó là một cuộc cách mạng đã phạm khá nhiều khuyết điểm, những thành công và thất bại của cách mạng Tân-Hợi đều có thể là những kinh nghiệm quý báu cho nhiều người.



NHƯ chúng ta đều biết, phong trào bài Mãn phản Thanh của đám Hán tộc vào những năm cuối thế kỷ 19, đã phải nhiều lần thất bại đau thương. Cứ tính từ năm 1894 đến 1911, chỉ trong vòng chưa đầy hai chục năm, cũng đã có trên mấy chục lần cử sự bị đàn áp. Và số người bị giết, bị bắt có đến hằng ngàn, hằng vạn. Nhờ những bài học xương máu đó, Tôn-Trung-Sơn tiên sinh và những người cộng sự của ông mới nhận ra rằng sự nghiệp đánh đổ Mãn-Thanh là một công trình cực kỳ gian nan, to tát. Nó đòi hỏi phải có sự tham gia

của tất cả mọi tầng lớp dân chúng và tất cả các dân tộc của Trung-Hoa. Một nhóm người, dù nhiệt tình và tài giỏi đến đâu cũng không thể gánh vác nổi. Muốn vậy, cần phải có một đường lối thích hợp với yêu cầu, nguyện vọng của dân chúng và một tổ chức rộng rãi, đầy đủ uy tín, để tập hợp họ lại. Tôn-Trung-Sơn tiên sinh mới nghiên cứu, tham khảo các học thuyết Á, Âu, kim cò, chăm chú theo tình thế Trung-Hoa lúc ấy, mà sáng tạo ra chủ nghĩa tam-dân, và cùng với những người cộng sự của ông xây dựng Hưng-Trung-Hội — sau này là Đồng-Minh-Hội. Nhờ đó mà mặc dù phải trải qua nhiều lần tổn thất nặng nề, cuối cùng Đồng-Minh-Hội vẫn đánh quy được Thanh triều. Sự kiên nhẫn làm việc, gom góp lực lượng, vận động phong trào của những người Tân-Hợi là một bài học đáng được suy ngẫm.



Phong trào « dương vũ vận động » do Tăng-Quốc-Phiên, Lý-Hồng-Chương đề xướng, đã khai sinh được, bên cạnh những xưởng vũ khí, xưởng kỹ nghệ..., một đội quân mới, với những sĩ quan trẻ tuổi tân học. Đồng-Minh-Hội thấy đó là chỗ dựa đáng tin cậy nhứt của Thanh-đình, mà cũng là nơi có thể gieo mầm móng bài Mãn. Trong một tình thế giao thời, quân đội mới chính là một con dao hai lưỡi, có thể nguy hiểm cho cả hai phe. Nếu Thanh-Đình nắm chắc và sử dụng được thì phe cách mạng Trung-Quốc khó mà toan tính được việc gì. Nhưng, nếu Đồng-Minh-Hội thâm nhập được vào quân đội, thì

số phận của con cháu vua Càn-Long rõ là « chỉ mệnh treo chuông ». Nhận thức được điều đó, Đồng-Minh-Hội đặc biệt chú ý mở rộng ảnh hưởng của họ trong hàng ngũ quân mới ấy. Và không bao lâu, bộ đội mới quả đã thành một sức mạnh đáng sợ, không phải cho phe Đồng-Minh-Hội, mà là cho Thanh-Đình. Một tháng nổi dậy của phong trào Tân-Hội đã cho chúng ta thấy rõ vai trò trụ cột của bộ đội thời ấy.

Nhưng, nếu lực lượng đầy đủ mà không có cơ hội thuận tiện thì việc lớn cũng khó thành. Kinh nghiệm những lần quật khởi đẫm máu — nhứt là cuộc nổi dậy Hoàng-Hoa-Cương — đã chỉ cho những người cầm đầu phong trào Tân-Hội thấy rằng yếu tố « thiên thời » cũng quan trọng không kém những yếu tố khác. « Thiên ý tức dân ý ». Thời trời tức lòng dân đã chín mùi. Dân không muốn sống dưới chế độ nào tức là trời đã dứt chế độ đó. Nếu thời trời chưa đến, tức là lòng dân chưa phần hân đến cùng tột, chưa dám đứng lên chống với Mãn-Thanh — mà nôn nóng cử đồ đại sự thì chỉ là tiêu hao xương máu một cách chưa đúng lúc mà thôi. Thấm thía được bài học đó, những người Tân-Hội đã quyết tâm chuẩn bị thật chu đáo và ần ần chờ dịp thuận tiện mới hành động. Sự trì chí của họ, đã được tường thưởng xứng đáng.



TUY nhiên, cách mạng Tân-Hội vẫn không tránh khỏi những khuyết điểm nghiêm trọng.

Trong những thời kỳ đầu, Hưng-

Trung-Hội và Đồng-Minh-Hội — đã chú ý quá nhiều đến những âm mưu phản biến, quân sự bạo hành, mà ít quan tâm đến việc vận động đông đảo dân chúng tham gia. Điểm này về sau tuy có được khắc phục một phần, nhưng bấy giờ tổ chức của Hưng-Trung-Hội — Đồng-Minh-Hội — chỉ thu hút được những nhà công thương kỹ nghệ, những người trí thức, đặc biệt trong quân đội và một số Huê-kiều hải ngoại. Nó chưa ăn sâu được vào tất cả các giới, nhứt là hương thôn. Tuy có lôi kéo được Ca-Lão-Hội, một tổ chức của dân quê, nhưng phạm vi hoạt động của Ca-Lão-Hội lại quá hẹp. Vì không có sự tham gia đông đảo của các tầng lớp dân chúng, cho nên Đồng-Minh-Hội không có đủ lực lượng đánh đổ triệt để thế lực phong kiến lạc hậu. Và cũng do đó, sau khi cách mạng thành công, một số lãnh tụ dấn ra hủ hóa thậm chí phản bội lại quốc dân.

Một khuyết điểm nữa của cách mạng Tân-Hội là đã sớm thỏa hiệp với bọn bắc dương quân phiệt, nhân nhượng họ quá mức, để cho họ có cơ hội củng cố thế lực mà chống lại nền cộng hòa.

Nhận thức chánh trị của một số đảng viên Đồng-Minh-Hội lại chưa đầy đủ. Khi chánh phủ lâm thời vừa thành lập, ước pháp lâm thời được ban bố, họ đã vội thỏa mãn với một số thắng lợi đầu tiên, tách rời khỏi sự lãnh đạo thống nhứt của Đồng-Minh-Hội. Đối với Viên Thế-Khai, họ cho rằng đã có ước pháp lâm thời câu thúc, không có gì phải lo ngại. Thậm chí có người đứng ra lập đảng riêng, tí như Trương-Đăng và Chương-Bính-

Lân tồ chức « Thống-Nhất Đảng, Tôn-Vũ lập « Dân-Xã Đảng », định đưa Lê-Nguyên-Hồng làm lãnh tụ. Khí lực của Đồng-Minh-Hội vì thế ngày càng suy yếu, có lúc hầu như tan rã. Đến Viên-Thế-Khai công khai chống lại dân quốc, mưu toan tái lập đế chế, thì cách mạng lại phải trải qua những giờ phút lâm nguy cực kỳ nghiêm trọng.

Những nhà lãnh đạo cách mạng Tân-Hội lại không chú ý đến vấn đề cải cách điền địa. Những khẩu hiệu « canh giả hữu kỳ điền », và « bình quân địa quyền » rốt cuộc vẫn không thi hành được bao nhiêu.

Ngần ấy thiếu sót đã làm cho cách-mạng Tân-Hội thành ra « hữu thi » mà « vô chung ».



Trước khi chấm dứt bài này, chúng tôi tưởng cũng nên có ít lời về Tôn-Trung-Sơn tiên sinh, vị quốc phụ của nhân dân Trung-Hoa, người thầy của cách-mạng Tân-Hội.

Tuy rằng cuộc cách mạng do tiên sinh lãnh đạo « đại để lúc đầu thì phần « đấu thật mãnh liệt, nhưng đến lúc kết « cuộc, không lần nào là không thỏa « hiệp... là đấu voi đuôi chuột..., cho « nên chung qui đều thất bại » (trích diễn từ của tiên sinh tại toàn quốc đại biểu đại hội Quốc-Dân - Đảng tháng 1 năm 1924), nhưng đứng về phương diện tài năng và đức độ cá nhân mà xét, tiên sinh là một người có nhiều ưu điểm.

Đáng chú ý hơn hết là tiên sinh luôn luôn biết chuyển biến quan điểm chánh

trị của mình theo sát với yêu cầu của dân chúng và sự tiến triển của tình hình quốc nội quốc ngoại.

Từ chủ trương « liên lạc với Lý-Hồng-Chương để gây chánh biến » đến chủ trương « dùng sức mạnh của dân chúng hợp với quân đội mới nổi dậy lật đổ Thanh đình », tiên sinh đã tiến một bước khá dài.

Nhận thức của tiên sinh đối với Viên-Thế-Khai và vấn đề củng cố dân quốc cũng ngày một chín chắn hơn. Lúc đầu, tiên sinh còn nuôi ảo vọng về sự trung thành với dân quốc của họ Viên, và mong dùng kiến thiết thiết lộ để làm cho Trung-Hoa hùng cường. Nhưng về sau, trước những thực tế phủ phàng, tiên sinh đã thấy rằng phải đánh bại thế lực phong kiến quân phiệt lạc hậu mới có thể duy trì cộng hòa, giữ vững dân quốc.

Tuy nhiên, trong những ngày cuối cùng, tiên sinh đã sai lầm đưa ra tam đại chánh sách : liên Nga, liên cộng, ủng hộ công nông. Có lẽ những thất bại dồn dập đã làm cho tiên sinh giảm bớt sáng suốt. Ba chánh sách lớn đó đã làm lợi cho cộng-sản không nhỏ. Sự thống trị toàn địa lục Trung-hoa ngày nay của Trung-cộng chắc chắn là đã nhờ ảnh hưởng không ít của thái độ lầm lạc « liên Nga, liên cộng » của Trung-Sơn tiên sinh và một số lãnh tụ Quốc-Dân-Đảng vào khoảng các năm 1924-27. Tuy sau này thống chế Tưởng-Giới-Thạch đã nhận thức được sự nguy hại của tam đại chánh sách, kịp thời xóa bỏ nó đi và áp dụng chánh sách cương quyết trấn áp cộng-sản, nhưng phải chăng đã muộn quá rồi.

TRẦN-HÀ

HAI CÁI HỔ

ĐOÀN-THÊM

L. T. S. — Tác giả có nghe được những câu chuyện về một số vấn đề xã hội đã khiến nhiều người thắc mắc.

Bởi vậy tác giả thuật lại sau đây một cách khách quan.

Lần trước, trong Bách-Khoa số 41, ngày 15-9-58, đã thuật lại cuộc thảo luận giữa hai người, A và B, về cái hổ giữa hai thể hệ.

Lần này, xin đăng bức thư B viết cho A, về cái hổ giữa dân thành thị và dân thôn quê.

Thân gửi anh A,

Cách đây ít lâu, chúng ta có bàn cãi về Cái Hổ giữa hai Thể Hệ. Tôi mong sẽ gặp anh để tiếp câu chuyện và trong khi chờ đợi, tôi xin tạm đặt vấn đề « Cái hổ thứ hai » giữa người thành thị và người thôn quê, để anh xét trước.

Vấn đề này chính thật là do M,— bạn M cựu tri huyện, anh còn nhớ không ?— nêu ra cho tôi, hồi 1942.

M có bảo tôi: mình ra làm quan với tất cả thiện chí giúp ích cho dân quê, chẳng đến nỗi tham nhũng như bạn nào. Họ cũng biết, nhưng vẫn lạnh nhạt, nếu

không ghét thì cũng nghi kỵ; trong nhiều dịp tiếp xúc, đều thấy vậy, mình nghĩ mãi không hiểu vì sao?

Thật nghe, tôi cũng ngờ là M. hơi chủ quan; tuy M không xấu, nhưng vì có nhiều người trong giới của M không được tốt, nên M cũng bị ghét lây hay là ngờ oan chăng?

Song về sau, tôi thấy không những là chỉ có M ở trường hợp đó: bạn S, khi còn là sinh viên y học, đã có sáng kiến cùng với vài anh em đồng học nhân dịp nghỉ hè, về một làng ở chơi ít lâu, và tìm cách giúp đỡ đồng bào, chích thuốc, phát thuốc, truyền bá vệ sinh...

Nhưng rồi cũng phải thú nhận : mặc dầu thiện ý của mình, cũng thấy nhiều người thôn quê đối với mình thờ ơ lắm, nhìn mình bằng con mắt nghi kỵ như đối với người ngoại quốc.

Tôi cũng chưa tin M ; vì tôi nghĩ : chắc dân quê chưa tin khoa học, chưa lưu ý tới các vấn đề y khoa, vệ sinh, v.v.. nên chẳng tỏ vẻ gì sốt sắng đó thôi, chớ cũng chẳng phải là thiếu thiện cảm đối với cá nhân người tân tiến.

Song hai tình trạng kể trên cũng đã khiến tôi băn khoăn, nên cũng tự mình nghiệm lại xem sao ; thú thật với anh rằng xưa kia, hễ thấy bà con ở nhà quê mời về ăn cưới, lễ giỗ, hoặc dự hội đình đám, v.v... thì tôi cho là một sự phiền nhiễu, không có gì cần thiết, và cố viện cớ từ chối. Song, muốn có tài liệu suy xét về vấn đề do M và S nêu lên, tôi thành ra rất sốt sắng, cố tóm lấy mọi cơ hội tốt cho sự tìm tòi, và năng về luôn đề tiếp xúc với họ hàng làng mạc.

Dĩ nhiên là tôi đối xử với mọi người một cách hòa nhã. Nhưng mặc dầu nhiều dịp chuyện trò quen biết hơn, tôi cũng lâm vào tình trạng tương tự như của M và S : người ta đối với tôi cũng lễ độ, có khi vui vẻ, song rất dè dặt, ngượng ngịu, khiến cho tôi cảm thấy mình ở trong bầu không khí xa lạ.

Những người hàng xóm láng giềng, được tôi thăm hỏi về công việc làm ăn, cũng chỉ trả lời qua quýt, như là đề cho xong chuyện ; nhiều lần tôi mời sang chơi, họ cũng ừ ào suông, rồi chẳng đến, hoặc có đến thì cũng chào

hỏi thăm ba câu rồi cáo lui. Trong số người đó, già có, trẻ có, nghèo có, khá giả cũng có, mà không ai có chuyện gì rắc rối với tôi hoặc gia đình tôi bao giờ.

Tôi cũng là dân làng, và mặc dầu sinh sống học hành ở thành phố, cũng đón? góp đủ lệ, như tất cả các người trong nhà tôi. Tuy vậy, tôi vẫn thấy họ nhạt nhẽo chớ không niềm nở hoặc tự nhiên như khi họ đối với nhau.

Tôi lại kiên tâm thí nghiệm cả ở giới bà con nội ngoại gần gũi, đáng lẽ phải thân thiết. Người có tuổi vào bậc trên thì hay lạnh lẽ, khùng khinh ; người ngang hàng tôi, bằng trạc tuổi tôi, thì rụt rè, tôi nói mười họ nói hai, ba ; họ đương cười đùa, thấy tôi qua thì nghiêm hẳn, hoặc có người theo dõi tôi bằng con mắt tò mò, đầy ý dò hỏi mà không nói ra ; mâm cỗ giỗ tồ, mà có tôi ngồi dự, thì yên lặng hơn là những mâm khác toàn người trong xóm. Có khi thấy mấy ông bác bàn cãi về một lệ làng, tôi xen câu hỏi, thì được trả lời vắn tắt với một cái tặc lưỡi : « chú tây học thì đề ý làm gì ? ».

Tóm lại, tôi đành phải nhận rằng vấn đề do M và S nêu ra, đã có thật, và cần tìm hiểu các nguyên nhân để cố giải quyết.



Sau một thời gian quan sát và suy nghĩ khá lâu, sau khi bàn lại với M và S, tôi đã có vài nhận xét, chẳng biết có đúng hay đầy đủ không ?

M và S đều sinh trưởng ở Hà-Nội, và gia đình hai anh cũng gần như hết liên

lạc với quê hương từ mấy chục năm rồi. Sau khi tốt nghiệp Luật-học và thi đỗ tri huyện, M được bổ tới một huyện xa thủ đô ; còn S, sau khi đậu tú tài, đi Pháp du học và trở về tông sự tại một công sở lớn.

Khi so sánh M và S với những đồng bào ở thôn quê, tôi thấy đời sống của hai bên khác nhau xa quá, từ cách ăn, cách mặc, cách nói năng cử chỉ đến làm việc hay chơi bời v.v... và những sự dị biệt đó đã đưa tới một sự chia giai cấp không thể phủ nhận.

Có lẽ Anh bảo tôi : cái đó là sự dĩ nhiên, và có gì lạ, khi sự chia giai cấp vẫn có từ ngàn xưa ở xã hội ta, và thấy ngay ở giữa thành thị, chớ có riêng gì giữa người thành thị và người thôn quê ?

Thoạt tiên, tôi cũng nghĩ như anh. Song tôi lại thấy các trường hợp phân chia không giống nhau, không có kết quả như nhau, và chính vì thế mới cần phải đề ý.

Về thời cồ, xã hội ta phân ra bốn giới : sĩ, nông, công, thương. Song sự phân chia đó, ở một xã hội nông nghiệp thấy cần có thứ vị dễ dễ duy trì trật tự và biểu dương sự tôn trọng các giá trị văn hóa, có ảnh hưởng về phương diện tinh thần hơn là về phương diện sinh hoạt : trong lúc bình nhật, cách ăn, mặc, ở, của nhiều ông quan, ông đồ cồ trong cảnh thanh bạch, cũng nhà gianh sân đất, hay áo vải cơm rau như người khác. Hơn nữa, vì đời sống rất giản dị, sự học hành không tốn kém, nên con nhà nghèo cũng có thể theo học, và phần nhiều danh nhân của ta, cũng như của Tàu, có khi cả vua chúa, cũng ở giới thường dân « bổ

y » mà xuất thân. Hơn nữa, lúc hiền đạt rồi, giới trí thức cũng thường giữ liên lạc mật thiết với gia tộc, hương thôn, vẫn đóng góp, vẫn theo tục lệ ; khi về hưu, cũng tiếp tục tham gia vào công việc họ, làng ; dầu có công đức và gây được thiện cảm, hoặc có hành vi trái nghĩa và gây nên thù oán, lúc nào người giới sĩ cũng được người các giới khác nhìn nhận như một phần tử của họ, của làng, chớ không phải như một người xa lạ có đời sống khác hẳn, tư tưởng khác hẳn như người ngoại quốc. Cho nên họ không ở vào tình trạng của M và S.

Còn ở giữa nơi thành thị, thành thị còn nhỏ, nhất là ở một xứ chưa có đại kỹ nghệ, chưa có đại tư bản, sự dị biệt giữa các giới chưa đưa tới sự cách biệt sâu xa đáng lo ngại như ở nhiều nước tân tiến. Đời sống của người lao động và người làm việc bằng trí não chỉ khác nhau ít nhiều ở *trình độ chớ không ở cách thức*. Hai bên cũng biết và cũng muốn cố nâng cao mức sống, cùng hưởng và cùng muốn hưởng nhiều hơn những tiện lợi của khoa học và văn minh tây-phương ; cùng đi một xe hơi vận tải công cộng, cùng ngồi một rạp hát bóng, cùng cố cho con đi học, cùng thấy cần đọc báo v.v... cùng một lẽ lối ăn mặc, có khi ra đường khó nhận ra người nào thuộc giới nào... đại khái cùng một phong tục, cùng một hoàn cảnh chung, nên mặc dầu sự hơn kém về tài sản, không ai cảm thấy người bên cạnh xa lạ như người dân quê đối với M và S.

Tình trạng của M và S, nếu suy rộng ra, có phải là tình trạng chung của phần lớn dân thành thị, nhất là của giới trung lưu hay trí thức? Nói một cách khác, giữa nhiều dân thành thị và dân thôn quê, cũng có tình trạng tâm lý như giữa M, S và họ hàng làng mạc? Và có phải cùng một hay nhiều nguyên nhân không?

Trước khi người Pháp sang đây, theo các tài liệu lịch sử cũng như chuyện kể lại của các vị phụ lão, thì hoàn cảnh thành thị và thôn quê không khác nhau mấy về mọi phương diện. Ngoài một số ít đình đài công thự, còn thì cũng nhà gianh cột gỗ, bụi tre cầu ao, bùn lầy nước đọng, đường cùng ngõ tối, ở tỉnh cũng như ở làng. Thương mại, công nghệ ở đâu cũng còn sơ sài. Sự đông đúc của phố phường cũng chỉ tương đối mà thôi. Người dân ở đâu cũng quần nâu áo vải. Sự nghiêm khắc của dư luận không cho phép phơi bày ra ở nơi đô hội những sự kiêu, xa, dâm, dật thường thấy ở chốn phồn hoa.

Rồi văn minh Âu Tây lan tràn tới, với chế độ cai trị mới, tổ chức kinh tế mới, với hoàn cảnh sinh hoạt mới. Công sở, dinh thự đồ sộ, các tiệm buôn và xưởng lớn, đèn điện, máy nước, xe lửa, xe hơi, đường đá, rạp hát, chiếu bóng, trường học v.v... tất cả những sự vật, những tiện nghi mới đã mau chóng thay đổi đời sống dân chúng thành thị, nhất là khi phong trào tân học được hoan nghênh đề bành trướng mạnh. Người Pháp đã căn cứ vào đó mà bào chữa và tuyên truyền cho chánh sách thực dân.

Chúng ta không cần phê bình làm gì công cuộc « khai hóa » mà chánh quyền thực dân đã phô trương trên trăm ngàn sách báo và diễn văn. Ở phạm vi vấn đề đương cứu xét, thiết tưởng chỉ cần nhận thấy rằng : sự đổi mới suốt thời ngoại thuộc chỉ thấy thu hẹp ở các thành thị mà thôi, còn các thôn quê bùn lầy nước đọng, thì tới 1945 cũng vẫn nước đọng bùn lầy ; và người dân quê trải bao đời sống chật vật, cũng vẫn chật vật như xưa. Tất cả văn minh Âu Tây, trả với giá rất đắt là độc lập của đất nước, chỉ được tiêu biểu ở sau lũy tre xanh bằng ngọn đèn dầu hỏa, bao quét một xu, và năm thì mười họa bằng một cái đồng hồ của nhà phú hộ, hay đúng hơn, vẽ ở cổng nhà phú hộ.

Về phương diện văn hóa, thì cở học trước kia rất thịnh ở thành thị cũng như ở thôn quê, đã bị đánh đổ ở khắp nơi. Các trường học mới, được mở cho dân thành thị, còn ở thôn quê thì vô cùng thiếu thốn. Học văn mới hầu như đặc quyền của dân thành thị, cũng như nước với điện và hơn nữa, chỉ có mục đích gần hay xa là đào tạo ra những người đủ dùng thì thôi. Với một tổ chức học chính như vậy, thì cái hố giữa thành thị và thôn quê càng ngày càng sâu hơn. Người được học, thì càng giỏi bao nhiêu càng cách dân quê xa bấy nhiêu. Một số càng thâm nhiễm văn hóa Tây-phương thì càng lãng quên, có khi khinh rẻ người dân làng xóm. Đến như tập quán phong tục của dân quê, thì hầu như có nhiều điều lỗi thời, cũng không thấy sự cải hóa nào thành thực : người ta đã nấp sau khẩu hiệu bề ngoài có vẻ khoát đạt, đại độ « không

can thiệp vào phong tục bản xứ ». Như vậy thì làm thế nào mà làn sóng văn minh mới, tràn về đồng ruộng được ?

Cho nên, bà con của M và S không biết vệ sinh, đến nỗi M và S phải ghê tởm ; không biết ăn mặc gọn gàng, nói năng hoạt bát, nên M và S theo Tây mà gọi cười là « Le Nhà Quê » hay đúng giọng Tây hơn, là « le Nhaquê » ; không hiểu biết gì về văn minh mới, nên đã có người ở thành thị đặt tên cho là « Lý Toét, Xá Xệ », v.v...

Trái lại, M và S không nghĩ tới đi lễ giỗ, ra tế đình, nên các chú bác ở làng coi là hạng ngông nghênh không biết « lễ nghĩa », không thêm tìm hiểu nguyên nhân những phong tục xóm làng, hương lệ, hương ước, cho nên bị anh em họ mạc coi là khinh người hay là thành ra Tây mất rồi.

Những chị em gái của M và S, với những hạt kim cương và áo màu sắc sỡ, những điệu bộ hãnh diện của một tuổi trẻ buông tuồng, cũng không phải là những người có thể giúp cho M và S gây thiện cảm với dân làng, hay ngay với các bà các cô trong họ nẫu sồng quê kệch. Nếu thêm vào tất cả những sự kể trên, một chút ít tài sản, một số ruộng nương giao cho dân làng hay họ nghèo lãnh canh nộp thóc ; hoặc lại kể cả những sự tham ô đại dột của bạn đồng học của M và S, của những người được coi như sản phẩm của Thực dân, thì ôi thôi, sự lạnh nhạt đã khiến cho M và S phân nản, rất dễ dàng biến thành sự ghét ghen thù oán mà những phần tử cuồng tín phá hoại đã lợi dụng triệt để, đến nỗi cái hổ giữa thành

thị và thôn quê đã thành cái hổ giữa hai giai cấp mà bọn sát nhân hồi 1945-46 đã lấp bằng những thây xác của những người vào hạng S và M ?

Có lẽ anh sẽ hỏi : ngày nay thì sao ?

Sự cải cách điền địa ; sự khuếch trương kinh tế nông thôn, những số tiền rất lớn mà Nông-Tín-Cuộc cho vay để cấp vốn chăn nuôi hay cày cấy ; những chương trình y tế và học chính hương thôn ; những phong trào phát triển cộng đồng được phát động khắp các huyện, xã ; hàng chục ngàn cán bộ khuyến nông, công dân vụ, thông tin, hợp tác xã, xã hội, y tế, cải cách điền địa, v.v... hết ngày này đến ngày khác đi về làng xóm ruộng đồng hay rừng núi để gặp gỡ, tìm hiểu, giúp đỡ v.v... Tất cả các sự kể trên trả lời hộ tôi : sự cải tiến không thu hẹp cho một giới người ở thành thị nữa, nhưng càng ngày càng phổ cập ra toàn dân. Những giới tân tiến hấp thụ được văn minh Âu-Mỹ, thành ra mối dây liên lạc truyền tiếp văn minh đó cho xóm làng. Từ địa vị những phần tử bị ngoại nhân lợi dụng, họ đã thành và sẽ thành những cán bộ nòng cốt cho cuộc tiến hóa chung. Người xóm làng nhận thấy mỗi ngày một rõ rệt hơn, sự sẵn sóc của một chánh quyền cấp tiến cố nâng cao đời sống của họ về mọi mặt, và sự sốt sắng của những người Việt-Nam như họ, mặc dầu sống ở thành thị.

Chúng ta có nhớ lại cái hổ sáu ngày trước, thì mới nhận định rõ ý nghĩa và ích lợi của những sự cố gắng ngày nay, và để rút bài học kinh nghiệm về tương lai.

Tôi mong và tin rằng sẽ còn có nhiều cầu, nhiều trạm nữa nối liền thành thị với thôn quê, trong một chương trình kiến thiết quan niệm đúng tinh thần đồng hóa giữa các nhóm dân chúng, làm thế nào để giữ được thăng bằng giữa hai nơi tụ dân, để người thôn quê dần dần được hưởng một đời sống tân tiến như ở thành thị. Họ sẽ không phải cố dò dẫm lên thành thị hay dời bỏ ruộng đồng mới có thể có điện, có nước, có trường học, có chợ búa to, có xe vận tải, có nhà máy lớn, có tất cả những phương tiện cải tiến.

Trong tương lai, tôi hình dung thấy những thị trấn trung bình mọc nhan nhản ở giữa đồng, giữa rừng, để đưa lại gần xóm làng những tiện nghi cho cuộc nhân sinh ở thế kỷ thứ 20, để dùng làm trung tâm kiểu mẫu cải cách sinh hoạt cho những thôn xã hậu tiến bất chước. Sự gần gũi trong không gian rất có ít cho sự liên lạc, tương hảo và tương thân.

Nếu suy xét thêm, theo cũng một hướng đó, thì tôi còn có ý kiến là chúng ta không nên mong có những

thành phố khổng lồ như ở các nước tiền tiến, giả thử có đủ phương tiện. Vì thành phố khổng lồ đặt ra nhiều vấn đề xã hội quá phức tạp, và lại cho thấy nguy cơ đào lại cái hố cách biệt hai khối dân chúng thành thị và thôn quê.

Còn như muốn lập thêm thị trấn nhỏ để làm trạm liên lạc trung gian giữa thành phố và xóm làng, thì không gì hơn là tránh sự tập trung các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội ở một thành phố lớn, nhưng phân tán đi những nơi tụ dân còn nhỏ để giúp cho các nơi này chóng mở mang. Một nhà máy, một trường học, đáng lẽ có thể mở ở Saigon, thì chỉ được phép lập tại Đình-Quán chẳng hạn, liệu có được không anh ?

Nhưng mà thôi, anh ạ. Nếu chúng ta suy luận mãi thì sẽ đi xa quá. Có một điều mà tôi thấy cần nhớ kỹ, là không thể nào để cho cái hố đó còn có thể hiện ra, khi nghiên cứu để giải quyết các vấn đề dân sinh. Anh nghĩ sao ?

Kính thư
Bạn Anh, B.

★ Trong đời, cần phải lạc quan ; kẻ bi quan không bao giờ làm nổi việc gì, cái gì cũng sợ, cái gì cũng nghi, họ là những triết gia khổ sở, lúc nào cũng suy tính mà chẳng bao giờ toại chí. (Camille Cavallier).

★ Người thủ lãnh có đảm lược là người tin rằng mình trung thành với sứ mệnh mình thì chính nghĩa mình phải thắng. Bất luận trước biến cố nào xảy đến, người ấy cũng biết « chuyển bại vì thắng » và không chịu để nghịch cảnh hoặc thất bại đè bẹp mình.

HÁT HỘI

TRẦN-VĂN-KHÊ

« Tháng giêng ăn Tết ở nhà
Tháng hai cò bạc, tháng ba hội hè ».

Người Việt miền Trung và miền Nam ít có hội hè như người Việt miền Bắc. Mỗi năm, không những trong tháng ba, mà nhằm tiết xuân, thu ; trong những đêm rằm trăng tỏ hoặc sau ngày gặt hái được mùa, người nông dân Bắc-Việt hay họp nhau để hát đối. Hát ví, cò lả, trống quân được hát khắp nơi. Ai có đi vào đồng quê Bắc-Việt hẳn có dịp nghe hát cò lả.

« Con cò bay lả (lả) bay la (la)
Bay từ (từ) chợ Phủ (phủ) bay ra (ra)
cánh đồng

Tình tình tang, tang tình tình duyên
tình rằng, duyên tình ơi, rằng có nhớ, nhớ
hay chẳng, rằng có nhớ, nhớ hay
chẳng » (1)

Nhớ gì ?

Chẳng biết.

« Mình về có nhớ ta chẳng ?

Chớ

« Ta về ta nhớ hàm răng cô mình
cười ».

Nhớ rồi tiếc « mười quan chẳng tiếc,
tiếc người răng đen ».

Mỗi năm ngày 13 tháng giêng tại làng Lim tỉnh Bắc-Ninh có hội. Thanh niên Hà-nội và các vùng kế cận đến làng Lim hát đối với các cô gái Lim có đôi má đào, đầu đội nón lá, tay cầm quạt tre. Hát ngoài đồng ruộng, hát ở chân đồi và theo tục lệ làng Lim, khi người con gái không đối được phải mời chàng thanh niên xơi một lá trầu hoặc về nhà thết một bữa cơm. Người nông dân miền Nam chỉ hát đối trong mùa cấy lúa. Người nông dân miền Bắc hát đối trong các hội hè. Hai lối thông dụng nhất là trống quân và quan họ.

(1) Có nơi hát... « duyên tình rằng duyên tình ơi mình có nhớ, nhớ anh chẳng, mình có nhớ, nhớ anh chẳng » hay là « mình có nhớ, nhớ em chẳng » nếu người hát là một cô gái.

Hát trống quân

Chẳng ai biết rõ hát trống quân có từ bao giờ và chữ trống quân từ đâu mà ra.

Theo Phạm-Duy thì có 3 thuyết : (1)

1 — Vào thời vua Quang-Trung (cuối thế kỷ thứ 18) trong quân đội thường bày hát trống quân cho quân sĩ đỡ nhớ nhà. Phạm-Duy có chưa thêm rằng nếu thuyết ấy đúng thì Hát trống quân đã có trong đời sống dân chúng trước thời Quang-Trung.

2 — Hát trống quân có thể là con đẻ của Hát trung quân, một điệu hát trong quân lính của Nguyễn-Huệ.

3 — Hát trống quân có thể do bài « Nguyệt xuất » của người Trung-Hoa mà ra.

Theo Phan-Kế-Bính thì hát trống quân có từ cuối thế kỷ thứ 18. (2)

Theo ông G. Cordier (Cọc-di-ê) (3) thì các nhà nho Việt-Nam cho rằng « trống quân » do hai chữ « tổng quân » mà ra. Theo tương truyền, ngày xưa khi một ông quan rời tỉnh này đi tỉnh khác, bạn bè tiễn đưa một quãng đường. Lúc sắp chia tay, người đi đưa đặt một cái trống đất, rồi vừa nhịp trống vừa hát bài tiễn bạn trong đó có câu « Tổng quân nam phò thương như chi hà » (Khi ta tiễn bạn đi về phía Nam lòng đau đớn thế nào ai rõ được).

Nguyễn-văn-Huyền trong quyền sách về Hát trống quân không đề cập đến gốc tích của loại hát này (4).

Không đủ tài liệu để quả quyết rằng trống quân từ đâu mà có và có từ bao giờ, chúng tôi chỉ bàn sơ về các thuyết nói trên.

Chúng tôi không nghĩ rằng hát trống quân do bài tiễn bạn vì nhạc điệu trống quân không được một nét buồn hay lưu luyến như lúc già bạn chia tay mà có vẻ thanh thoát, dí dỏm. Nhịp điệu lại dồn dập. Có thể là một bài hát của quân lính, nhưng không ắt là của người Trung-hoa truyền sang, vì những bài ca, bản nhạc gốc từ Trung-hoa, thường có lời ca bằng chữ Hán. Nhạc điệu trống quân ăn khớp với lối thơ lục bát là lối thơ đặc biệt ca dao Việt-Nam. Lời hát trống quân lại bằng tiếng Nôm.

Nhưng trống quân là một loại hát đối. Hát đối không riêng gì ở Việt-Nam mới có. Dân-tộc Trung-Hoa từ ngày xưa đến nay và các dân tộc thiểu số miền thượng du Bắc-Việt đều có hát đối.

Trong đoạn thảo luận về các bài hát trong Kinh Thi, ông Marcel Granet (Mạc-Xên Gờ-ra-nê) có ghi rằng (5) ngày xưa bên nước Trung-Hoa đã có tục hát hội.

(1) Phạm-Duy : *Hát trống quân*. Tạp chí « Mới ». Năm thứ nhất — Số 2 — Ngày 29-11-1952.

(2) Maurice Durand (Mô-rít-xơ Đuy-răng) *La Fête de la mi-automne* (Tết Trung-Thu). Hai bài của Phan-Kế-Bính và Nordemann (Nôóc-dơ-măn) do ông Durand phiên dịch và giảng giải. Trích trong tập san « Dân Việt-Nam ». Số 1 tháng 5 năm 1958 — trang 3.

(3) Georges Cordier (Jọc-jơ Cọc-di-ê) *Essai de la littérature annamite — La chanson*. (Sơ khảo về văn chương Việt-Nam. Các loại hát). Tạp chí *La Revue indochinoise* - tháng 6 tháng 12 năm 1920 - trang 10-11.

(4) Nguyễn-Văn-Huyền *Les chants alternés des garçons et des filles en Annam*. (Hát đối giữa trai gái Việt-Nam).

(5) Marcel Granet *Fêtes et chansons anciennes de la Chine*. (Hội hè và bài hát xưa của Trung-Hoa) Paris. E. Leroux 1919 trang 206.

Con trai làng này hát đối với con gái làng khác và sau mấy buổi so tài ứng đối, thường đôi bạn thanh niên nam nữ đi đến việc cưới hỏi nhau. Có khi hát hội vào mùa thu nhưng thường nhất vào mùa xuân (1). Cũng như hát trống quân, quan họ của ta, hát đối bên Trung-hoa ngày xưa là những bài tình ca. Nhưng lời lẽ không phải tự đáy lòng người thanh niên hay thiếu nữ mà ra. Thường là những câu phương ngôn ngôn ngữ mà các bạn trẻ phải thuộc lòng đề tùy trường hợp mà hát lên hay tùy câu đối mà trả lời (2). Trong hai năm ở Tứ-xuyên (Trung-hoa) ông Legendre (Lơ-jăng-dờ-rờ) có dịp nghe các anh chị chẵn dề, chẵn trầu hát đối (3). Người Mèo vào lúc đầu năm cũng gặp nhau ở một nơi định trước. Rồi con trai, con gái mặc quần áo đẹp đẽ, chia ra làm hai bên đứng đối diện nhau. Sau khi múa hát một hồi theo nhịp trống (một trống nhỏ loại tiêu cồ, như trống giăng, trống bọc của ta) các anh các chị chọn nhau từng cặp để hát đối và sau buổi ấy cũng có nhiều đám cưới xin (4).

Trong miền thượng du Bắc-Việt, các dân tộc thiểu số như Mán, Mèo, Lô-lô đều có tục hát đối, hát hội. Tại Cao-bằng, trong dịp Tết, thanh niên nam nữ người Thồ cũng chia hai bên đối diện nhau, tất cả độ năm mươi người. Người thanh niên trong lúc hát, gieo một trái cầu. Nếu một thiếu nữ nào ưng thuận, nhặt quả cầu thì anh chị cùng hát đối với nhau. Nếu thiếu nữ ném lại quả cầu thì chàng thanh niên biết mình chưa lọt được vào mắt xanh của nàng (5). Người Mán cũng có hát đối nhưng đặc biệt là câu hát của họ bằng chữ

Hán (6). Loại hát của họ có lẽ do người Trung-hoa mang sang. Người La-quá (Cao nguyên Thái) cũng thường hát đối (7). Hát đối hát hội là một tục lệ chung cho các dân tộc chịu ảnh hưởng văn hóa Trung-hoa. Hát hội là một dịp cho thanh niên nam nữ gặp nhau, trao tình đôi ý để quen biết nhau, quý mến nhau và đi đến chỗ cùng nhau thành lập gia đình. Trong giai cấp cần lao, một hôm hát hội cũng như một ngày lễ hội.

Thường thì hát đối không cần đàn phụ họa. Cũng có nơi chỉ dùng một cây đàn, một ống sáo hay một cỗ trống con.

(1) Marcel Granet *Fêtes et chansons anciennes de la Chine* (Hội hè và bài hát cổ của Trung-hoa) trang 214.

(2) — Id — Ibib (quyển trên) trang 216.

(3) A. Legendre *Le Far-West chinois — Deux ans au Se-tchouen* (Miền Viễn Tây Trung-hoa Hai năm ở Tứ-xuyên) Paris 1905 trang 292.

(4) Deblenne (Đờ-bờ-le-nờ) *Mission lyonnaise (Récits de voyage)* Du-Ký của phái đoàn tỉnh Lyon. — Trang 249.

(5) A-Billet (Bi-ê) *Deux ans dans le Haut-Tonkin* (région de Cao-bằng). « Hai năm ở miền thượng du Bắc-Việt (vùng Cao-bằng) » — Bulletin Scientifique. (Tập san Khoa học) Quyển XXVIII Lille 1895 trang 87.

(6) Bonifacy (Bô-ni-la-xi) *Etudes sur les chants et la poésie populaire des Man du Tonkin* (Khảo về các bài hát và thi ca bình dân của người Mán tại Bắc-Việt) — Compte-rendu analytique du Premier Congrès international des Etudes d'Extrême-Orient. (Báo cáo phân tích Đại Hội quốc tế thứ nhất của các trường Bắc cồ Viễn đông) Hà-nội 1903-trang 85.

(7) Bonifacy *Etudes sur les coutumes et la langue des Lo-lo et des La-quá du Haut Tonkin*. (Khảo về phong tục và ngôn ngữ người Lô-lô và người La-quá miền thượng du Bắc-Việt) Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient. Tập san số VIII trường Bắc cồ Viễn đông trang 538.

Phần nhiều hát hội nhằm mùa xuân. Có nơi hát trong mùa thu. Hát trống quân Việt-Nam thường vào tiết Thu và nhất là đêm Trung Thu (1).

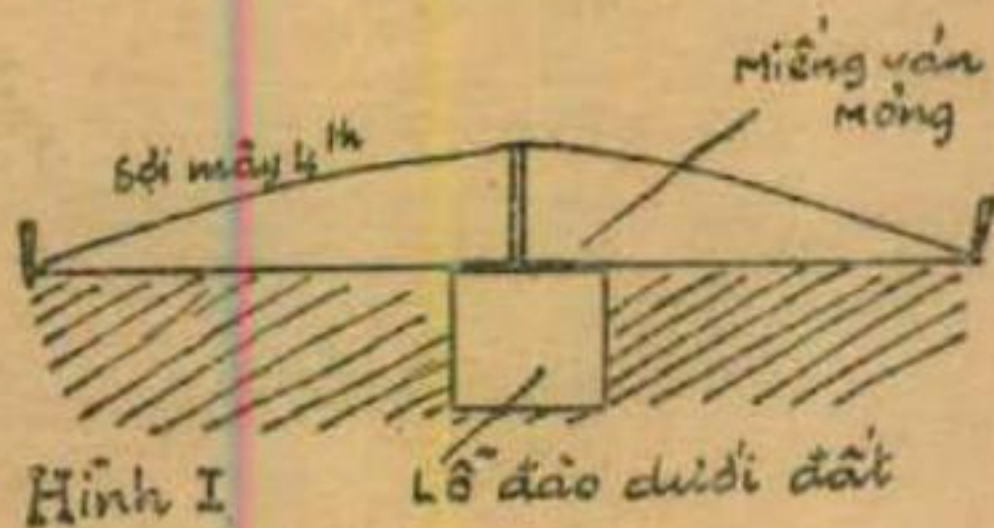
Có khi làng xã hoặc tư gia khá giả đứng ra tổ chức cuộc hát trống quân — như thế thì phải cho giải vì là một cuộc hát thi — Có khi nông dân nam nữ gặp nhau ngoài đồng ruộng sau giờ làm việc, cũng hát trống quân. Giải thưởng mấy buổi hát thi là vài bánh pháo, năm chiếc khăn lụa điều, vài gói trà hay mấy quan tiền.

Người đến hát chia ra làm hai toán phân biệt nam, nữ : nam phường và nữ phường. Giữa hai toán có một cái « trống quân » mà ngày xưa gọi là « thồ cò » (trống đất) (2).

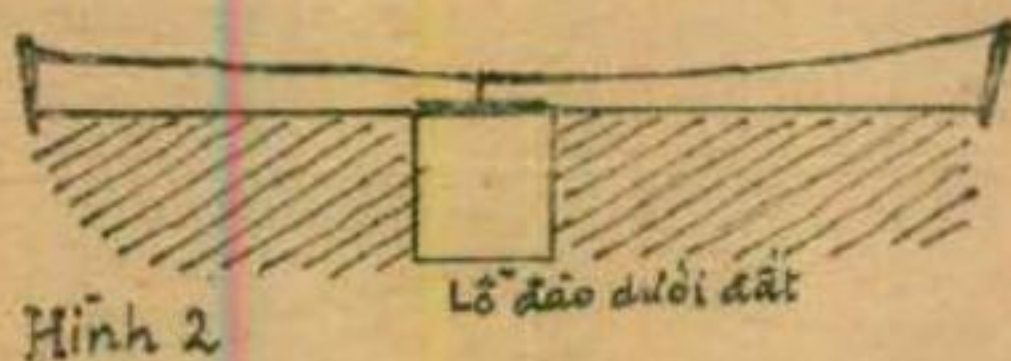
Trống quân không phải là một loại trống, mà là một sợi mây dài độ 3, 4 thước tây và dây độ 1 phân tây. Người ta cầm hai đầu sợi mây dưới đất bằng 2 cây cọc (nọc) nhỏ bằng gỗ hay bằng tre. Ngay chính giữa sợi mây, người ta đào một lỗ vuông độ 4 tấc mỗi bề, rồi bịt lỗ ấy bằng một miếng ván mỏng. Có khi người ta dùng một khúc tre, một đầu chống lên sợi mây một đầu chịu trên mặt gỗ (Hình 1).

Có khi người ta cột sợi mây với mặt ván (Hình 2). Người đánh trống quân dùng hai chiếc dũa con đánh lên sợi mây. Sợi mây rung làm mặt ván rung và tiếng mây rung nhờ lỗ đất làm vang thêm nghe thình thùng thình như tiếng

trống. Có khi người ta đào một lỗ miệng tròn và hình giống như một cái chum và dẩy miệng lỗ bằng một miếng ván tròn và mỏng.



Hình 1



Hình 2

(1) Nguyễn-Văn-Huyền. *Les chants alternés des garçons et des filles en Annam*. Hát đối giữa trai gái Việt-Nam ; trang 12.

R. Orband (Ooc-băng) *Les fêtes à Huế* (Hội hè ở Huế) *Tạp chí La Revue Indochinoise*. Tháng 9, tháng 10 năm 1915 ; trang 188.

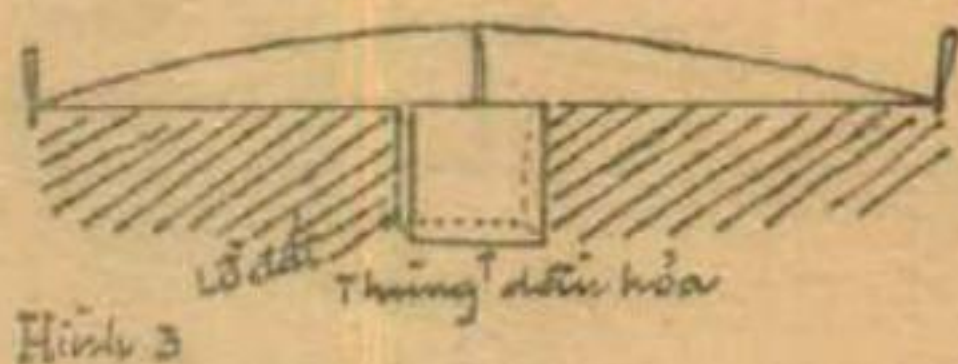
G. Dumoutier (Đuy-mu-ti-ê) *Les chants et les traditions populaires chez Annamites*. Những bài hát và truyền thống bình dân của người Việt-Nam trang XXXIII.

G. Cordier (Coọc-di-ê) *Essai sur la littérature annamite La chanson*. Lược khảo về văn chương Việt-Nam Ca-dao.

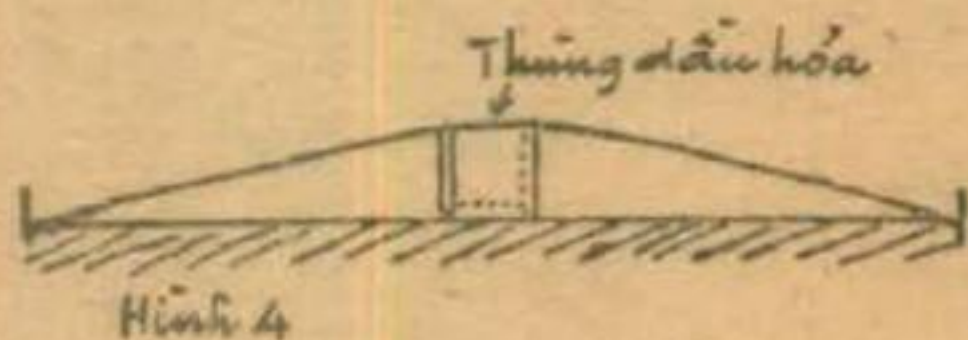
Tạp chí La Revue Indochinoise, tháng 3-4 năm 1920 trang 293.

(2) Thanh-hóa tỉnh tục lệ chí dị. Quyển 1 tờ 24 a, b.

Theo lời ông Phạm-Ninh thì tại tỉnh Hà đông, người ta cho vào lỗ đất một cái thùng dầu lửa (dầu hỏa) quay miệng về phía dưới. Đáy thùng thể cho miếng ván mỏng để chịu khúc tre dùng chống sợi mây (1). (Hình 3)



Theo ông Phạm-hữu-Ý thì tại tỉnh Hải-dương; người ta không đào lỗ dưới đất mà chỉ lật úp một thùng dầu lửa và căng một sợi dây thép giữa hai



cọc tre, ngang qua đáy thùng (1) (Hình 4). Nhiều nhà khảo nhạc, khảo cổ đã tả rõ cái trống quân Việt-Nam (2). Ở những nơi không có cái trống quân thì lúc hát người ta nhịp một trống con hay vào thanh giơng. Có nơi chỉ đánh nhịp theo tiếng hát. Có nơi thêm vào tiếng nhị (đàn cò) tiếng tam.

Trong một buổi hát thì, người tổ chức ra hiệu lệnh. Bên nam bắt đầu. Bên nữ trả lời. Người nào không đối được bị loại ra ngoài. Toán nào loại được cả toán kia thì thắng cuộc và và lãnh giải. Có khi hát đến sáng đêm không phân thắng bại, hai bên chia tay ra về đợi đến đêm sau và như thế đến 5, 10 đêm hay 15, 20 đêm cũng nên.

Nhạc khúc và nhịp điệu hát trống quân không thay đổi. Chỉ cần lời phải thay đổi tùy trường hợp hay tùy câu đối. Do đó có những loại hát trống quân mời ăn trâu, hát trả lời câu đối hay hát khen tặng.

Phạm-Duy có chép lại bài Hát trống quân (3).

« Trên trời có đám mây xanh
Giữa thì (này) mây trắng, chung
quanh mây vàng.

Ước gì (này) anh lấy được nàng
Thì anh (này) mua gạch Bát-tràng
(đem) về xây.

Xây dọc (rồi) anh lại xây ngang
(chứ) Xây hồ (này) bán nguyệt (để)
cho nàng (chân) rửa chân.

Nên ra (thì) tình ái nghĩa ân
Chẳng nên (thì) phú giả (ừ) về dân
(Tràng) Bát (ừ) tràng

Trống quân hát đối có bài:

(1) Nguyễn - Văn - Huyền *Les chants alternés des garçons et des filles en Annam* (Hát đối giữa trai gái Việt-Nam) trang 31.

(2) G. Knosp (Cờ-nôi). *Histoire de la musique indochinoise*. Lịch sử âm nhạc Đông-dương trong quyển *Encyclopédie de la musique et Dictionnaire du Conservatoire* (Lavignac) trang 3117.

G. Cordie *Essai sur la littérature annamite* p. 293.

A. Schaeffner (Sê-phơ-ne-a) *Origine des instruments de musique*. Nguồn gốc nhạc khí trang 146.

Nguyễn - Văn - Huyền *Les chants alternés...* Trang, 29, 30, 31, 32.

(3) Phạm-Duy *Hát trống quân* — Báo Mới số 2 Năm thứ nhất ngày 29-11-1952

Bên trai đố :

Anh đố em câu này em giảng làm sao.
Cái gì (mà) thấp cái gì (mà) cao,
Cái gì (mà) sáng tỏ (ừ) hơn sao (ở)
trên trời.

Cái gì (mà) em giải (cho) anh ngồi,
Cái gì (mà) thơ thần (ừ) ra chơi
(ừ) (đào) vườn đào.

Cái gì (mà) sắc hơn dao (ừ)
Cái gì (mà) phơi phới (ừ) lòng đào
(thì em) bảo anh.

Bên gái trả lời :

Anh đã đố thì em xin giảng ra,
Dưới đất (thì) thấp, trên trời (thì) cao.
Ngọn đèn (thì) sáng tỏ (ừ) hơn sao
(ở) trên trời...

Chiếu hoa (này) em giải (cho) anh
ngồi (mà),

Đêm nằm (thì) mơ tưởng (ừ) ra
chơi (ừ) (đào) vườn đào.

(Chứ) Nước kia thì (nó) sắc hơn
dao.

(Chứ) Trúng gà (thì) phơi phới (ừ)
lòng đào (thì em) bảo anh

Câu hát toàn là thơ lục bát. Người
hát thêm vào những tiếng đệm như :
răng, thì, mà, này, ầu, mấy, nó, cái,
con, anh, em, v.v..., hoặc những chỗ
ngân nga, với chữ ư, ừ, ử. Có khi
lập lại chữ chót của một câu thơ như
(chân) rửa chân (tràng) Bát tràng, (đào)
vườn đào.

Nghe hát trống quân không cốt nghe
giọng mà chỉ nghe lời đối đáp. Người
nghe không thấy chán và suốt những
đêm rằm trăng tỏ, tiếng thành thung
thình của trống quân vẫn làm xao động
được lòng người mộ điệu.

Bo-lô, hè 1958

TRẦN-VĂN-KHÊ

Kỳ sau : **Hát quan họ**

Thế nào là hiếu, trung ?

Tử-Cống hỏi Khổng-Tử :

— Con theo lệnh cha là hiếu chăng ? Tôi theo lệnh vua là
trung chăng ?

Khổng-Tử đáp : — Tử còn quê lắm, người chưa biết rõ.
Ngày trước bậc minh vương, cai trị một nước vạn thặng,
có tránh thần (người tôi can ngăn) thì việc vua không bị
lầm lỗi ; cai trị một nước thiên thặng, có năm tránh thần thì
xã tắc không bị lâm nguy ; những nhà bách thặng, có ba
tránh thần thì lộc vị không bị lật mất ; cha có tránh tử
(con biết can ngăn) thì không hãm vào vô lễ ; sĩ có tránh
hữu (bạn can ngăn) thì không làm điều bất nghĩa. Cho nên
con theo mệnh của cha, sao đã vội cho là hiếu ? Tôi theo
mệnh của vua, sao đã vội cho là trung ? Ồi, có thể xét rõ
cái việc đáng theo, đó mới gọi là hiếu, là trung vậy.

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

TRUNG QUÂN ĐOÀN THỌ

(.... 1870)

NGUYỄN-THIỆU-LÁU

Trong một đêm tháng mười năm Canh-ngọ (1870), ở thành Lạng-sơn, Tổng thống quân vụ Bắc-kỳ, Trung quân Đoàn-Thọ đã bị quân Tàu xâm lăng hại. Người đã hy sinh vì nước, cùng không biết bao nhiêu anh em binh sĩ sau khi đã oanh liệt chống quân Tàu xâm lăng.

Hiện giờ, ở cách Hà-nội độ bốn cây số về phía nam, cạnh con đường đi về Hà-đông, ở trên một cái gò gọi là Gò Đống đa có một cái đền. Đền này được vua Tự-đức đặt tên cho là đền Trung liệt. Đền thờ ba vị Nguyễn-Tri-Phương, Hoàng-Diệu và Đoàn-Thọ.

Hàng năm, vào ngày mồng năm tháng giêng, nhằm ngày giỗ Trận Nguyễn-Huệ thắng quân Tàu (vào năm 1789), dân chúng đến lễ ở đền Trung liệt.

Dân chúng tưởng nhớ tới ba vị anh hùng dân tộc đã chống quân xâm lăng

Pháp, ấy là Nguyễn-Tri-Phương và Hoàng-Diệu hay đã chống quân xâm lăng Tàu, ấy là Đoàn-Thọ. Ba vị đều đã hy sinh tính mạng vì nước, nên đã được thờ: sự thờ cúng đây được ghi là quốc tế.



Ta nói tới Trung quân Đoàn Thọ mà ít người biết rõ những chiến công.

Ta hãy kể ra hai chiến công:

Chiến công thứ nhất là sự dẹp một cuộc đảo chính quân sự ở kinh thành Huế năm Bình Dân 1866.

Chiến công thứ hai là sự giữ biên thùy Cao bằng, Lạng sơn ngay vài năm sau. Đoàn Thọ đã tử trận.



Tháng tám, năm Bính dần (1866) ở Huế, có tên Đinh Đạo mưu một cuộc đảo chính.

Đầu đuôi câu chuyện như sau này :

Nguyên là vua Tự-Đức vào năm 1847 được di chiếu vua Thiệu-trị lập lên nối ngôi. Vua Tự-Đức thuộc về giòng chính, nhưng sinh sau ; khi lên ngôi, Ngài mới có mười tám tuổi.

Có người con vua Thiệu-trị, nhiều tuổi hơn, nhưng thuộc giòng thứ, tên là Hường-Bảo, không được lên làm vua.

Sử ghi là « Hường-Bảo ít học, ham chơi » còn vua Tự-Đức là Hường-Nhâm thời tánh « nhân, hiếu, thông, mẫn. »

Năm Giáp dần (1854) tức là năm Tự-Đức thứ bảy, Hường-Bảo mưu một cuộc đảo chính, vào tháng giêng. Cơ mưu không thành, Hường-Bảo tự tử. Con trai, con gái đều bị xóa tên trong sổ tôn thất và phải đổi theo họ mẹ là họ Đinh.

Đến tháng tám năm Bính dần (1869), nghĩa là mười hai năm sau, con Hường-Bảo là Đinh-Dạo lại mưu một cuộc đảo chính.

Đinh-Dạo có sự ủng hộ của một số quân đội do ba anh em họ Đoàn là Đoàn-Trung, Đoàn-hữu-Ái và Đoàn-tư-Trực chỉ huy. Quân phiến loạn này xông xáo ở ngay cung điện nhà vua. Họ cố tìm Trung quân Đoàn-Thọ để giết vì giết được Đoàn-Thọ thì ai là người chỉ huy quân đội để đánh lại họ ?

Lúc đó, Đoàn-Thọ ở điện Thái-hòa. Sử ta chỉ cho biết văn tấu là người từ điện Thái-hòa đi ra... rồi các tên phiến loạn đều bị bắt, bị giết.

Ta không biết rõ những chi tiết quân sự về việc đảo chính và về việc dẹp đảo chính. Dù sao, ở trong một tình trạng nguy ngập Trung-quân Đoàn-Thọ đã không núng và đã thắng.



Đúng hai năm sau vì miền biên thùy Lạng-sơn, Cao-bằng bị quân Tàu xâm lăng, các quan quân địa phương chống lại không nổi, nhà vua bèn phái Trung quân Đoàn-Thọ ra lãnh trọng trách Tổng thống Bắc kỳ quân vụ.

Sử chép như sau này :

« Tháng bảy năm Canh ngọ (1870), Ngài cho hiệp hai đạo quân thứ Lạng-sơn và Bắc-ninh làm một, cho Đoàn-Thọ làm *tổng thống Bắc kỳ quân vụ*, Đoàn-Thọ trước đã được phong là *Bình khấu tướng quân*.

Giặc Tàu đây là giặc Tô-Tứ. Giặc này có phải chỉ là giặc thổ phỉ, là những đảng cướp đại quy mô không hay giặc này là một cuộc xâm lăng trá hình của thực dân Tàu ? Dù sao, họ đã hoành hành ở đất ta, có chỗ rút lui ở đất Tàu. Họ hoành hành dữ dội, đã đủ quân, đủ súng ống để đến vây thành Lạng-sơn Thành này to, xây toàn bằng đá ong. Giặc thế mạnh lắm, họ đánh ngày, đánh đêm. Ta cố giữ... Rồi một đêm tháng mười, một đêm mà trời đã rét lắm rồi, Trung quân Đoàn-Thọ, Tổng thống quân vụ, đã hy sinh vì nước. Quân Tàu chắc đã tràn được vào thành... Đoàn-Thọ đã xứng đáng với Tờ-Quốc.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

THU PHƯƠNG NAM

Ghi dưới Mái Trăng non một mùa thu cũ.

MỘNG-TUYẾT

Thu phương Nam với một ý
thơ Tàu

*Ngô-dồng vèo một lá
Thiên-hạ biết thu rồi.*

(Ngô-dồng nhất điệp lạc
Thiên hạ cộng tri thu)

Câu thơ nhỏ và xinh đó đã gọi cho người ta tưởng tượng thu đang từ từ đến, như một lá ngô vàng vèo bay, chao trút trong hơi gió hiu hiu,

Nó chỉ nhắc cho người ta tưởng tượng mà thôi, chứ thực sự thì ở cái phương Nam này, ai đã từng thấy một cái lá ngô đồng rụng chưa nhỉ, và cây ngô đồng, cái cây ngô đồng xứng đáng cho loài chim thái phương đậu đó, nó ra thế nào nhỉ ?

Thế mà, ở Hà-tiên ngày trước, Hà-tiên cách đây nửa thế kỷ, có một cuộc họa thơ thu, và người xướng là một nữ

thi sĩ, bà Trần-Xảo-Vân, người đảo Phú-quốc, xướng một vần thơ kè cũng gay go cho các bậc thi bá trong thi đàn ở Hà-tiên lúc bấy giờ :

*Ngô bay cúc nở bóng sao lu
Gió nước trăng trời một sắc thu
Đòi thưởng tây hiên nhiều rượu thịt
Anh em Tô-lữ uống say mù.*

Bài thơ cũng có cả « ngô bay, cúc nở » cần thận, nhưng cúc đó không biết là cúc nở ở một góc đông ly nào, hay cũng là một vườn cúc chỉ nở trong tưởng tượng của Thi nhân.



Tiếng thu Tàu và tiếng thu ta
*Ngủ dậy tiếng thu đâu đó lá ?
Đầy thềm lá rụng ánh trăng trong.
(Thụy khởi thu thanh vô mịch xứ
Mãn giai ngô-diệp nguyệt minh trung)*

BÁCH KHOA XXXXII

MỘNG-TUYẾT

Đọc câu thơ này, chúng ta nên có một chút lòng tự phụ, vì mặc dầu chúng ta ở gần đường xích đạo hơn, mặc dầu chúng ta đã cảm thu qua một lớp văn chương Trung-quốc, mà chúng ta vẫn được nghe một « tiếng thu » rất huyền ảo của thi sĩ họ Lưu đã rất thính tai mà mách lại cho chúng ta. Cái « tiếng thu » rất mơ hồ ở « dưới trăng mờ thồn thức » ở « trong lòng người cô phụ » ở dưới gót chân « ngơ ngác » của « con nai vàng. »

Chứ không như cái ông thi-sĩ Trung-hoa kia cảm biết là thu đã đến, nhưng không biết thu đến ở đâu vì thi sĩ bảo rằng : « vô mịch xứ » và thu từ đâu lại vì thi sĩ lại bảo rằng : « hà xứ thu phong chí » chỉ thấy đầy thềm lá ngô rụng dưới bóng trăng trong, ngủ dậy, mới hay tiết lập thu vừa đến.

Mùa thu và mùa mưa

*Đêm nay trăng sáng người người
ngóng*

Chẳng biết hồn thu nấu chốn nào.

(Kim dạ nguyệt minh nhân tận vọng
Bất tri thu tứ tại thùy gia)

Trăng nào đẹp cho bằng trăng mùa thu, thi sĩ ta cũng đã thưởng trăng thu bằng những câu :

Một hồ rõ rõ tiết thu quang,

Giữa có vầng trăng nổi rõ ràng.

(Mạc-Thiên-Tích)

Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời,

Đàn ghê hơi nước, lạnh, trời ơi !

(Xuân-Diệu)

Nhưng mà, ở Phương Nam này, những đêm mùa thu nếu không phải ngâm

một nửa bài thơ « Mười chữ » trong tập *Thơ Thơ* :

Mưa dầm : thu dưới nguyệt.

đề mà nghe cái âm điệu u trầm của nó, thì cũng nên học Mộng-hà, ngâm cái sâu viễn xứ :

*Bóng nguyệt Trung-thu giấu mặt xa
Giận chòm mây bạc chặn hàng nga
Cũng may cho những người lưu lạc
Càng khỏi trông trăng nhớ nhà.*

Bây giờ chính là lúc ngâm thơ của Tản-Đà hơn hết :

*Mưa mưa mãi ngày đêm rả rích,
Giọt mưa thu, dạ khách đầy voi.
Ấy ai mặt biển chân trời
Nghe mưa ai có nhớ lời nước non.*

Chứ ở đây làm gì có được những cảnh :

*Trăng sáng như nước, nước như trời,
(Nguyệt quang như thủy, thủy như thiên)*

Và cảnh :

*Nước thu cùng với trời xa một màu,
(Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc)*

Đang mùa thu mà « mưa dầm dưới nguyệt » hay là « mưa mưa mãi ngày đêm rả rích » thì thu đã tiêu sơ lại càng thêm lạnh lẽo tiêu sơ.

Nhưng mà ở miền Nam, miền Nam khao khát mùa thu này, thì mưa chính là thu rơi đó.

Đã có một nhà nho thi sĩ cảm thấy được cái khí vị thu dịu dịu ở miền Nam, miền Nam chỉ có mỗi một mùa nắng lửa :

*Nắng, bốn mùa hạ cả
Mưa, một trận thu rơi
(Tứ thời giai thị hạ
Nhất vũ tiện thành thu)*

Thì mưa ở miền Nam này lại được đáng yêu như Thu miền Bắc.



Thu, Thi Cảm

Mùa thu là mùa đẹp dịu dịu của phương Bắc, là mùa nên thơ cho thi nhân kim cổ. Bao nhiêu mực đã chảy vì mùa thu mà nên tuyệt bút :

Kề chi « *Thu thanh phú* » của Tào. Xa kia, ta đã có *Thu dạ lữ hoài ngâm*, và gần đây, ta lại có *Thu hoài phú*, đã từng truyền tụng :

Ở Kinh có phú thu hoài.

Về Gia định lại có bài xuân tư

(Cúc-Nông. Trương-Gia-Mô)

Trước đó, chỉ là những ý thu xinh xinh mà ta đã thấy qua trong vài câu thơ nhỏ nhỏ.

Ôi ! Nói làm sao cho hết được, ngày cao rộng mênh mông bao la bát ngát của thu trên gác Đằng-vương, nói làm sao cho hết được đêm phóng dật cao hoài của thu Xích-bích khiến cho có một cảm về lẽ doanh-hư của Vũ-trụ, về nỗi thăng trầm của Nhân-thế.

Và cũng nói làm sao cho hết được, thu tiêu sái thê lương, tiêu sơ bi đát của Đỗ-Phủ :

Lác đác rừng phong hạt móc sa,

Ngàn vu hiu hắt khí thu già.

Nhân đó mà ký thác lòng ưu-ái của một cô thân ly cách.

Và cũng nói làm sao cho hết được thu làm ly não ruột của bến Tầm-dương :

Quạnh hoi thu lau lách đìu hiu.

Chứa ngậm một tâm sự xót thương của khách Giang-châu tư mã.

Những quan niệm bi thu đó đã ảnh hưởng nhiều đến thi sĩ ta. Cứ đến mùa thu là phải có cái gì để mà giải lòng sầu muộn.

Ở đây, bến hồ Đông có khác, không sứt sùi ảo não thấm từ gan ruột thấm ra, thiết tha thê thảm như giọt lệ thu trên bến sông Tương. Ở đây, thu sầu đã được nhận làm một cái thú cho vận sự thi nhân :

Riu rít đầu cành chim hót sáng

Tơi bời trước ngõ lá bay thu

Mùa nào lại có mùa không thú

Cái thú mùa thu cái thú sầu.

(Đông-hồ)

Mấy câu thơ có một ý xinh xẻo nhẹ nhàng như những bài tứ tuyệt của phái đạo học quân tử đời Tống.



Năm nay, tiết lập thu đến từ hai mươi tháng sáu âm lịch. Sáng trở dậy, ra vườn, trên những cành cây cao vẫn nghe được tiếng chim hót sáng, riu ra riu rít như mọi buổi sáng đẹp trời.

Muốn cảm thu theo thi sĩ Đông-hồ lắng thì vẫn nghe được tiếng chim hót, nhưng mà nhìn thì chẳng thấy một cái lá nào rơi rụng. Đã đành là không có cây ngô đồng nào để mà nhìn một chiếc lá bay vèo.

Vậy ta hãy nhìn cảnh (tơi bời trước ngõ lá bay thu) thì :

Đó đây lặng lẽ, trong vườn xanh hơn và rậm hơn. Lăn bước thì còn được nghe những tiếng lá vàng khô reo xào

xạc dưới chân mà kẻ gia đồng đã quét gom lại dưới mấy gốc cây ăn quả. Lá rụng từ bao giờ đã hầu nát dưới những trận mưa dai dẳng mấy tháng nay.

Chim hót sáng thì mùa nào không có ở vùng phương Nam ấm áp này. Còn lá bay thì không vào mùa thu, mới lạ chứ.

Nhưng mà thi sĩ đã muốn cho « lá bay thu » mà bay đến, « tới bờ trước ngõ » kia, thì ta cũng theo thi sĩ mà vẽ vời xem.

Một lá rụng, hai lá rụng, lá rụng và lá rụng, lá bay ngửa, lá bay nghiêng, lá chao xuống, lá quay cuồng, chung qui lá nào rồi cũng tới đất cả. Tiếng lá rơi cành âm thầm cũng như khi lá chạm mong manh trên mặt đất.

Nghe chim hót vui tai, nhìn lá rơi đẹp mắt. Từ bốn phương trời, đã đưa lên « cửa ải xa » những chòm mây trắng đục.

Thả hồn theo thi cảm mà tưởng tượng thấy một « khí thu già » nương mình trên chiếc lá, chòm mây, hơi gió.

Phải có một cảm thông tình nhuệ đối với thiên nhiên, một quan niệm huyền vi đối với tạo hóa bình tĩnh và giản dị nhịp đồng điệu với lòng Vạn vật :

*Mắt nhìn thỏa thích trùm muôn vật
Lòng mở Yêu đương đón bốn mùa.*

(Vạn vật tĩnh quan giai tự đắc.
Tứ thời giai hức dữ nhân đồng)

Nhìn mùa thu buồn êm êm cũng như ngắm mùa xuân vui nhẹ nhẹ.

Cô MỘNG-TUYẾT

Trí và nhân

Tử-Lộ vào hầu Khổng-Tử. Khổng-Tử hỏi : — Thế nào là Trí, thế nào là Nhân ?

Tử-Lộ thưa : — Người trí thì làm cho người ta biết mình, người nhân thì làm cho người ta yêu mình.

Khổng-Tử bảo : — Có thể gọi là kẻ sĩ đó.

Tử-Lộ ra, Tử-Cống vào, ngài lại hỏi như thế. Tử-Cống thưa :

— Kẻ trí là kẻ biết người, kẻ nhân là kẻ yêu người.

Khổng-Tử nói : — Có thể gọi là kẻ sĩ đó.

Tử-Cống ra, Nhan-Hời vào, Khổng-Tử cũng hỏi như trên. Nhan-Hời thưa :

— Kẻ trí là kẻ tự mình biết mình ; kẻ nhân là kẻ tự mình yêu mình.

Khổng-Tử nói : — Có thể gọi là sĩ quân tử vậy.

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

V

Em Nguyễn-Văn-Viện (*Nha - trang*) cho biết rằng tiếng *câu dằm* còn có nghĩa là *câu cấm*.

Câu cấm (*động từ*). Đây là định nghĩa của em Viện = *Câu* bằng cần câu ngắn, cạm xuống nước rồi đề đó, chốc chốc lại đi thăm chừng.

Lỗi câu nói trên đây, người miền Đông Nam-Việt cũng gọi là *câu cấm* hay *câu dằm* (Nên đề ý rằng Đông Nam-Việt có nhiều chỗ giống miền Nam Trung-Việt lắm).

Chúng tôi đã có viết cả một tản truyện về câu dằm, lại nhan là *Câu dằm*, đăng báo năm 1943 đề nói về lỗi câu ấy : *Câu dằm* (Bình-Nguyễn-Lộc — T. N.T.B., 1943)



Em Nguyễn-Văn-Viện lại bổ túc về tiếng *những*.

Ngửng (*lĩnh từ*). Thờ ngữ *Nha-trang* đồng nghĩa với *Những* của miền

Đông Nam-Việt (do *ngưng* mà ra)

Những (*lĩnh từ*). Ể ầm.

Độ rày hàng tôi những quá!

Tiếng *những* ở Nam cũng có, nhưng chúng tôi chưa kịp định nghĩa.



Em Nguyễn-Văn-Viện bổ túc về tiếng *dằm*. Theo em, thì :

Đằm (*danh từ*) là khoảng nước khá rộng ở gần biển, và ăn thông với biển, (thành ra nước trong đầm này mặn, có sóng, *đằm* ở miền Trung khác với *đầm* miền Nam và ở Bắc).



Ông Mai-Sỹ-Lynch ở Bàn-cờ. phản nản định nghĩa tiếng *Nò* thiếu và sai.

Chúng tôi chủ trương không giải thích *nò* một lượt với *chích dằm* và chỉ sẽ định nghĩa về sau thôi. Khi ông Đại-Ẩn-Am phản nản, chúng tôi lờ đi, vì

sẽ làm sau, thì không vội trả lời. Nhưng định nghĩa (thiếu sót) ấy lọt vào bài là do một sự bất cần thôi. Khi nào có dịp định nghĩa các dụng cụ đi câu, sẽ đưa bài ông M.S.L. vào.



Ông Mai-Sỹ-Lynch bỏ túc về thủy triều:

Ươn (tính từ). Nước không ròng hẳn, mà cũng không lớn hẳn, cứ lình bình như vậy hoài (rất thông dụng ở Gò-công).

Cứ theo định nghĩa của ông M.S.L. thì ươn đồng nghĩa với đứng rồi vậy.



Kỳ IV, chúng tôi đã hứa với bạn Nguyễn - Văn - Thế ở Vĩnh - long định nghĩa tiếng đứng. Trong phần trả lời bạn đọc này, sẽ có nhiều dịp nói đến tiếng đó, như vừa nói trên đây chẳng hạn. Vậy xin giữ lời hứa.

Đứng (tính từ). Nói về con nước. Nước lớn hết sức thì đứng lại một lúc rồi mới bắt đầu ròng, và khi ròng sát đáy, nó lại đứng một lúc rồi mới bắt đầu lớn trở lại.

Thí dụ:

Nước không chơn, sao kêu nước
đứng?

Chén uống trà riêng sao gọi chén
chung?

(Ca dao miền Nam)



Ông Mai-Sỹ-Lynch bỏ túc về *những*:

Những (tính từ). Nước đã ròng, bắt đầu lớn lại (rất thông dụng ở Gò-công).

Vậy các bạn nên nhớ rằng *Những* có ba nghĩa tất cả (Biên-hòa, Vĩnh-long và Gò-công).



Ông Thái-Văn-Thư K.B.C. 4308, bỏ túc về thủy triều:

Nhữn.— Ông Th-V-Th viết *nhữn* không có g, nhưng tự vị Huỳnh-Tĩnh-Của thì có g.

Ông Th-V-Th. định nghĩa y như ông Mai-Sỹ-Lynch hồi này, nhưng có thêm đôi điều rất hay: « Khi nước *nhữn*, đứng trên bờ sông nhìn xuống, ta thấy giữa dòng, nước vẫn chảy xiết về biển cả, nghĩa là hãy còn ròng; trái lại, nhìn sát hai bên mé sông, thấy những màng màng từ từ trôi ngược về nguồn ».

Ươn.— Tiếng ươn ông Th-V-Th. cắt nghĩa hơi khác ông Mai-Sỹ-Lynch và không còn làm cho người ta nghĩ rằng ươn là đứng nữa:

« Nước ươn là nước không ròng như thường lệ, nó chỉ hạ xuống chừng hai tấc rồi ở mực ấy mãi cho đến khi lớn lại. Trong một tháng có hai lần nước ươn và mỗi lần kéo dài một ngày. Gặp khi nước ươn, dòng nước luôn luôn đục ngà và đầy cặn cáo. »



Xin cảm ơn tất cả các bạn đã góp ý và chỉ giáo. Có bạn đưa thêm nhiều danh từ, nhưng lại là danh từ mới chớ không phải thương xác về danh từ đã định nghĩa. Vậy chúng tôi dành

những góp phần ấy vào tập Danh-từ trong những kỳ sau, và sẽ ghi tên người gởi tiếng đến có kèm định nghĩa những tiếng ấy.



Về năm tiếng *om*, *lớn*, *ròng*, *rong* và *mà* đáng kỳ nhì, chúng tôi đã bỏ sót năm thí dụ, xin biên ra đây :

*Anh ngồi quạt quán Bến-thành,
Nghe em có chốn anh đành quăng om.*
(Ca dao miền Nam)



*Nước lớn rồi nước lại ròng
Đố ai bắt được con còng trong hang.*
(Ca dao miền Nam)

*Nước rong nước chảy tràn đồng,
Tơ duyên sẵn đó, chỉ hồng chưa xe*
(Ca dao miền Nam)

.

*Đoàn ghe rẽ quạt cứ chiu đầu vào.
Đầy mà nước đã lộn cao,*
(B.N.L.— Thơ Ba Mến)

Người miền Nam thường nói *nước lớn*, nhưng thỉnh thoảng cũng nói *nước lên*, y như người miền Bắc :

*Nước lên cá đuối ăn theo,
Lái buôn hết gạo bỏ neo cầm chùng*
(Ca dao miền Nam)

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-

Danh từ địa phương miền Nam

Bình-Nguyễn-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í sưu tầm và định nghĩa

(Soạn giả giữ bản quyền, nhưng các nhà làm từ điển được trích tự do, khỏi phải hỏi)

V

Cà-tăng : (danh từ). Có người cho là gốc Miên, có người cho là gốc sơn cước miền Đông. Một thứ vĩ đan bằng mây, khò lõi 8 tấc, dài lõi ba thước, dùng để dùng đựng ví lúa, ví khoai.

Cà-ràn (danh từ). Gốc Miên là *Chòng cạp*, nói lẹ *ch' cạp*. Một thứ lò chụm củi hết sức tiện lợi về hai điểm sau đây : 1°) có đáy bằng đất nung, nên nhúm lửa mà sàn gỗ không bị cháy, nếu ở trên ghe thuyền ; 2°) đáy ấy trề ra, và phần trề, dùng ghế nôi còm xuống để hong, y như trên bếp.

Huỳnh-Tịnh-Của định nghĩa : Khuôn bếp bằng đất, và viết *ràng*, có *g*. Nhưng theo âm *al* thì không thể có *g*.

Cà-ròn (danh từ). Gốc Miên là *Cà roon*. Một thứ bao đan bằng cỏ bàng, rất tiện dụng ở những vùng nông địa.

Cà-tong (tính từ). Ốm nhóm. Tiếng này do danh từ *cà-tong* (một loại hươu) mà ra. Ở Bắc không có danh từ *cà-tong*, nhưng V.N.T.Đ. của hội Khai-trí có trích Huỳnh-Tịnh-Của.

Cà-xốc (tính từ). Nghênh ngang, vô phép và hỗn xược.

Cà-riềng cà-tỏi (động từ). Nói dai về những điều vụng nhỏ.

Cà-nam (động từ). Giành lấy một mình. Tiếng này bây giờ ít ai dùng nữa.

Cà-nanh (tính từ). Ganh tị.

Cà-kheu (danh từ và tính từ). I) Hai cây tre nhỏ tra cây ngang kèm hai ngón chơn, mà đi. Chính tiếng là cần kheu (Huỳnh-Tịnh-Cửa). *Đi cà kheu.*

II) Hồng lên, không vững.

a) *Nó đứng cà-kheu trên be thuyền*

b) *Chiếc ghế này cà kheu quá.*

Vườn (danh từ) Tiếng người miền Đông dùng để chỉ vùng Tiền-giang và Hậu-giang.

Anh đi ghe rồi trảng lườn,

Ở trên Gia-định xuống Vườn thăm em.

(Ca dao miền Nam)

Rời (danh từ). Nghề buôn cá đồng bằng thuyền.

Vá quàng (động từ). Quàng là sơ sja, là làm cho lầy rồi. Nhưng... ở trong Nam này, vá quàng là vá áo rất khéo (chớ vá những món khác thì không kêu như vậy) mà vá ở một nơi nhứt định áo ấy, chớ không phải vá bất cứ chỗ nào cũng gọi là vá quàng được.

Con nhà lao động, vì gánh gồng thường nên vai áo rách trước. Nếu vá nơi rách thì hóa ra mặc áo vá, mà bỏ hết thì uổng vì vải ở thân dưới còn bền.

Vậy vá quàng là cắt bỏ nửa thân trên chiếc áo dài, rồi thay vào đó nửa thân khác bằng vải mới. Muốn vá được như vậy, phải khéo tay và phải làm kỹ.

Thuở chúng tôi còn bé, ở miền Đông có một mặc áo mới mà vá quàng như áo rách. Áo may bằng hai thứ vải hơi khác màu một tí, vì con mắt thẩm mỹ của người thời bấy giờ thấy thế là đẹp.

Nên chỉ mới có câu ca dao :

Áo vá vai, vợ ai không biết,

Áo vá quàng chí quyết vợ anh.

Vá quàng theo một, là cả một công trình tiểu xảo, có viên rắc rồi nên chỉ lại có câu ca dao :

Áo vá quàng viên dàng chỉ đỏ,

Gầm sự đời vợ nhỏ thương hơn.

Vá quàng lại vá theo nhiều lối khâu, mỗi lối có một vẻ đẹp riêng. Theo Đại-Ân-Am tiên sanh, thì ở Bắc áo vá quàng gọi là áo đôi vai.

Vá quàng (động từ) Nghĩa bóng : chế tạo thứ gì bằng hai vật liệu khác nhau, mà một chỉ là ứng dụng vì thiếu vật liệu thôi, và nhứt là cũng thành công, cũng ưa nhìn.

Tới đây quyết chí một nàng,

Áo vải đen tay chet, vá quàng tam công.

(Ca dao miền Nam)

Nà (danh từ) Đất đất thấp ven các sông, các rạch bờ cao của miền Đông, tuy thấp hơn mặt đất liền nhiều, nhưng không bị ngập trước. Đất các nà rất phì nhiêu nên nà rất quý ở miền Đông. Đất nà bỏ chơn, nên không trồng cây ăn trái được, chỉ dùng trồng bắp và rau, cải thôi.

Như tiếng mà, nà nguyên là chữ Nho, có nghĩa là đất ở vực núi, nhưng lại chỉ được giới bình dân dùng trong một nghĩa khác.

(Bồ tức cho định nghĩa kỳ III)

Như đã nói trên, bài mào đầu kỳ này, phương ngữ miền Đông Nam-Việt rất giống phương ngữ Nam Trung-Việt, vì sự gần gũi và nhứt là vì điều kiện kinh tế của hai nơi giống nhau. Đó là cái luật thấy rõ trong sự tương tự của vùng Thanh-hóa với Bắc-Việt.

Có thể nói tiếng nào miền Đông Nam-Việt có là miền Nam Trung-Việt có. Như tiếng *long* (trâu) chẳng hạn, định nghĩa ở kỳ III.

Xí được (*động từ*). Bắt được. *Em bé xí được tấm giấy 5\$*

Xí gạt (*động từ*). Tiếng bình dân có nghĩa là gạt găm

Xí lặc-léo (*lính từ*). Gốc thổ ngữ Triều-Châu, có nghĩa là chết, dùng để đùa cái chết của kẻ mà mình xem thường hoặc không ưa (tiếng bình dân)

Hui nhị-tì (*động từ*). Gốc thổ ngữ Quảng-đông có nghĩa là đi nghĩa địa, tức là chết, dùng để đùa cái chết của kẻ ta xem thường hay không ưa (tiếng bình dân)

Hai tiếng bình dân trên thường được các báo hằng ngày dùng, nên cần nêu ra.

Xí hựt! (*tán thán từ*). Tiếng để nhạo báng ai chụp hựt cái gì mà không được, vì ta đã phồng tay trên.

Thí dụ :

*Miệng đuổi chim, tay cầm cần vựt,
Màng mùa rồi, xí hựt anh ơi!*

(Ca dao miền Nam)

Lêu-lêu (*động từ*). Tiếng thân mật trong gia đình, nghĩa là chế nhạo. (1)

Anh Vắn lớn mà còn khóc, lêu-lêu anh đi con!

Lêu-lêu (*tán thán từ*). Dùng với tính từ mắc-cỡ để chế nhạo người thân.

I.— Lêu-lêu mắc cỡ! Mặt lăm lọ kìa!

*II.— Áo vắt vai chạy đâu hơn hờ,
Em có chồng rồi, mắc cỡ lêu-lêu!*

(Ca dao miền Nam)

Củ-nừng (*danh từ*). Tiếng bình dân dùng mỉa mai chỉ cái búi-tó (cái đầu tóc).

Lịch-sự (*lính từ*). Tiếng xưa, ngày nay ở thôn quê vẫn còn dùng, có nghĩa là đẹp.

Con cò nó mỗ con lươn

Bố chị ghe lườn muốn tía tôi chẳng?

Tía tôi lịch-sự quá chừng,

Cái lưng mỗ thích, củ-nừng chơm-bơm

(Ca dao miền Nam)

Đụng (*động từ*). Tiếng quê mùa nghĩa : Lẩy nhau.

Chồng chèo thì vợ cũng chèo,

Hai dàng đã nghèo lại đụng lấy nhau.

(Ca dao miền Nam)

Tiếng lẩy trong câu ca dao này là trợ từ (như quỵện lẩy nhau), chứ không phải động từ, và không có nghĩa như ở miền Bắc,

Làm thơ (*động từ*). Tiếng quê mùa nghĩa : Viết thư.

(1) Hình như ngoài Bắc cũng có dùng trong này với nghĩa trên.

Làm thơ giấy trắng em gấn con cò xanh,
Gởi về thăm bạn, có tên anh trong này.
(Ca dao miền Nam)

Bà ba (danh từ và tính từ và danh từ riêng). Mã-lai. Miền Nam có đến ba tiếng đề chỉ Mã-lai. Đó là : Bà-ba, Bà-lai và Bình-dứ (biến thể bình dân của Miền dưới).

Áo Bà-ba — Cờ Bà-lai — Trái dàu Bình-dứ.

Bánh bà-ba — Khăn bà ba — Vải Bình-dứ.

Áo bình-tô hay bành-tô (danh từ). Gốc tiếng Pháp « Paletot ». Áo của người Âu-châu, mà người miền Nam khi xưa thích mặc ngoài chiếc áo bà-ba. Ngoài Bắc cũng dùng tiếng này với nghĩa trên.

Áo bà ba cái ngắn cái dài,
Em may cả đồng đó,
Sao anh không bận, bận chi hoài áo bình-tô ?

— Bình-tô xấu mặt mà dễ nhìn,
Anh bận cho có túi lớn, để đựng cục tình của em.

(Ca dao miền Nam)

— Bậu có thương qua, thì :
Khăn bà-ba đừng đội, (1)
Phường hát bội đừng mê,
Bà cắt lê đừng mắc,
Bà tứ sắc đừng ham.

(Ca dao miền Nam) (2)

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

và

NGUYỄN-NGU-Í

PHỤ . . .

Vào giờ chót, chúng tôi nhận được thư của Đại-Ẩn-Am tiên sinh bàn góp về « nò » ở vùng duyên hải vịnh Thái-lan, chúng tôi xin cảm ơn và xin giữ làm tài liệu, giờ xin trích đăng đoạn cuối, theo lời yêu cầu của tiên sinh.

« Cùng trong bài đó, [Tiếng địa phương số 39] viết rằng Đại - Ẩn - Am dẫn câu thơ làm chứng :

Giang hồ mấn địa nhất ngư ông
và ghi đó là câu thơ của Mạc-Thiên-Tích thì Đồ-Một-Sách [tên riêng của Đại-Ẩn-Am, chỉ nói về « chữ nghĩa »] xin cải chính lại.

Câu thơ vịnh « Lư-kê nhàn diếu » của Mạc-Thiên-Tích là :

« Hải thượng tà đầu thời độc tiểu

« Di dân thiên ngoại nhất ngư ông. »

Vì ba chữ « nhất ngư ông » cuối câu đó mà lầm lẫn với hai câu ở một trong tám bài « Thu hứng » của Đỗ-Phủ :

Quan tái cực thiên duy điều đạo
Giang hồ mấn địa nhất ngư ông.

Nhân « sổ báo Mùa thu », hãy xin nói lại cho phân minh một câu thơ mùa thu của thịnh Đường.

ĐẠI-ẨN-AM

(1) Khăn bà-ba ngày nay không còn ai dùng nữa. Ngày xưa dân ta còn khiêm tốn, người đứng đắn tránh khăn ấy vì màu nó quá sặc sỡ.

(2) Tất cả ca dao dùng làm thí dụ trong loạt bài này đều trích ở quyển « Thơ-ngoi Đồng-nai » của Bình-Nguyễn-Lộc.

MÙA THU



Màu lá vàng rơi quả ngập ngừng
Gió thu về bỗng nhớ rừng rừng
Chiều nay mây trắng giăng đầy ngõ
Nắng nhạt vào song đến lạnh lòng



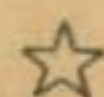
Bên kia Sông Núi vẫn vào thu ?
Ta đã chôn sâu những oán thù
Quê cũ giờ đây tang tóc lắm
Rừng sâu nức nở núi hoang vu



Đã mấy mùa thu loạn nhớ thương
Đôi tay nào vậy lúc lên đường ?
Đôi môi nào thấm tình sông núi ?
Đôi mắt nào neo mộng viễn phương ?



Ta ở phương này vẫn xót đau
Áo xanh sĩ tử đã phai màu
Đêm đêm vẫn nhớ về quê cũ
Vẫn rót sầu lên trăng vó câu.



Vạn thuở dù sao cũng vẹn thề
Lá mùa thu rụng lối ta đi
Mùa thu nào nhĩ lên tay kiếm
Cho nắng vàng thu thấm nẻo về

Thu 1958

HOÀNG-KHANH

Tình Thu

TRINH-NGUYỄN dịch

TRẬN mưa lạnh và êm đềm, từ trên trời xám thong thả rơi xuống, tạt vào cánh cửa gương kêu tí tách như có ý gọi tôi : mưa chỉ dội thành tiếng động khe khẽ, thế mà mỗi giọt nước rơi lại gieo một âm hưởng u buồn vào giữa lòng tôi. Tôi ngồi quay mặt vào lò sưởi, duỗi hai chân đặt lên giá gác củi, bên đồng lửa càn nhơ ấm áp, để hong cho khô mớ bùn lầy đã dính vào giày khi đi đường và khi lội ruộng, cái thứ bùn lầy làm cho ta được tráng kiện không khác nào thang thuốc bổ. Trong lúc ngồi sưởi như thế, điệu mưa đều đều dầm hồn tôi trong một niềm mơ mộng đượm buồn man mác, rồi tôi nghĩ ngợi bâng khuâng. Bề gì cũng phải đi xa nhà mới được.

Mùa thu xỏa xuống rừng những lá mận âm thấp. Đêm rồi, lúc vừa mới nghe thu chợt đến, vỏ cánh phất phơ ngang bầu trời vẩn vù, là ngàn cây đã rụng mình, khẽ động rì rào. Và bây giờ đây, mưa với sa mù từ phương Tây

đã mang lại cho tôi một nỗi buồn dịu dịu. Mọi vật đều câm. Lá thu đã nhuộm màu vàng úa và rụng âm thầm xuống những lối đi ; muông thú mất cả tính hiếu động đều im thin thít, tôi chỉ thấy tiếng mưa ; và cái lặng im bất ngát ấy, tôi nghe nó đè nặng lên môi tôi, đè nặng lên hồn tôi. Tôi muốn được nín thinh, khỏi phải nói gì cả. Tôi chỉ có một ý tưởng, là bề gì cũng phải lìa nhà mới được. Nhưng, tôi xin thừa rằng : cái nó khiến tôi buộc lòng ra đi không phải là màu trời u ám, là mưa dầm dai dẳng và khí thu lạnh lẽo đâu. Dẫu đến lúc miền quê không còn lấy một nụ cười đi nữa thì tôi cũng vẫn thích nó mãi. Tôi mến nó nào phải chỉ vì cái vẻ vui tươi hơn hờ của nó mà thôi. Tôi mến nó bởi vì tôi mến nó. Những người yêu mến của ta, có lẽ đâu đến lúc họ lâm vào trạng huống buồn rầu thì ta lại bớt phần yêu mến họ sao ? Không, tôi lấy làm xót xa mà phải lìa mấy khu rừng đó, mấy vườn nho kia. Tôi tự nhủ rằng lên Ba-lê tôi

sẽ lại tìm thấy sự ấm cúng dịu dàng dưới những mái nhà thân hữu, sẽ lại được nghe những lời cảm tú của những bức thầy, và sẽ lại được xem bao nhiêu hình ảnh của các ngành mỹ thuật nó tô điểm cho cuộc đời thêm đẹp. Nhưng, nhủ gì thì nhủ, tôi vẫn tiếc cái lối đi có trồng cây, nơi tôi thường thơ thẩn đi chơi, vừa bước vừa ngâm thi, tiếc khu rừng nhỏ hể có làn gió thoảng là trời điệu ngâm nga, tiếc cây sồi đại thụ ngoài cánh đồng thường có đàn bò ăn cỏ, tiếc mấy cây liễu trắng bông gốc mọc bên bờ ngòi, tiếc con đường trong vườn nho, hể gặp đêm trăng thì y như là mặt trăng ló dạng ở cuối đường, tôi vẫn luyến tiếc cái áo choàng bao la, dệt bằng lá biếc phối hợp với trời xanh, thứ áo choàng êm ấm như lòng mẹ có biệt tài ấp ủ và làm nguôi mọi nỗi đau thương.

Với lại tự bao giờ tới bây giờ, tôi luôn luôn cảm thấy đến cực độ vị đắng cay của những cuộc lên đường. Tôi rất hiểu rằng ra đi, tức là chết vì một cái gì đó. Mà nghĩ lại, thì cuộc sống là gì, nếu không phải là những cái chết lần mòn từng chút? Ta phải đành chịu mất tất cả, không phải chỉ một bận là sạch nhẵn, mà là mỗi giờ mất một ít, những gì ta được, ta đành phải chịu bỏ rơi biệt tích dọc theo đường đời. Cứ mỗi bước đi là ta đạp đứt một trong những sợi dây thân ái vô hình nó buộc lòng ta vào muôn người muôn vật. Thế chẳng phải là chết liên miên không ngớt đó sao? Hỡi ôi, tình cảnh đó thật là bi thiết, nhưng biết làm thế

nào vì thân phận con người là phải thế kia mà.

Lẽ đâu tôi lại đi ưu khò về điều ấy hay sao? Lẽ đâu tôi lại đem những niềm quyến luyến hư không vô ích mà phô bày ra trước mắt thiên hạ hay sao? Lẽ đâu tôi lại cứ ngồi lì mãi trước bếp, lắng nghe mưa rơi, nhìn ngọn lửa thè lưỡi hồng liếm lia lịa mấy nhánh nho khô đề mà sầu muộn vô duyên cớ hay sao? Không đâu! Tôi sẽ đứng lên, làm xao động cả hơi thu ướm át. Tôi sẽ cố gắng làm cho xong công việc mỗi ngày. Tôi sẽ nói chuyện với các bạn về một vài quyển sách, tôi sẽ đàm đạo với các bạn về những áng văn hay, là những cái làm cho cuộc sống tăng vị ngọt ngào và thêm phần cao thượng. Thiếu sanh tựu trường đã một tuần lễ rồi. Các em ấy làm những bài phiên dịch, những bài luận văn. Còn tôi là kẻ lão sinh, thì tôi sẽ viết cho đầy trương giấy của tôi, cũng một kiểu như các em ấy vậy. Và nếu mưa thu rá rích có rủ tôi lười biếng, lịm tinh thần trong giấc ngủ an nhàn, thì tôi quyết chẳng nghe theo lời quyến dỗ ấy nữa. (1)

ANATOLE FRANCE

TRINH-NGUYỄN dịch

(Những chuyện của ngày xưa)

(1) Bài này, chúng tôi đã dịch một lần, với nhau « *Cảm tưởng về Thu* », đăng trong « *Nam kỳ tuần báo* », năm 1944. Bài dịch này được bạn Pierre Vieillard có đăng lại trong quyển « *Học tiếng Pháp bằng đài phát thanh* » (1954) và bạn Vũ-Ký, trong quyển « *Giảng văn* », lớp Đệ thất (1957). Vì chưa được vừa ý hẳn, nên nay mới có bản dịch mới này ra mắt bạn đọc.

MỘT THẮNG LỢI

KHÔNG CẦN BẠO LỰC

Một truyện ngắn của một nhà văn Ấn-độ viết bằng Anh văn do Yã-Hạc Nguyễn-Văn Trung dịch



CÓ nhà xuất bản cậy tôi viết một cuốn tiểu thuyết mà thấy không dễ gì hoàn thành công việc ấy trong đô thị chỗ tôi ở, tôi bèn thu xếp một gói đồ nhu yếu tìm đến vùng sơn cước Hi-mã-lạp-nhã. Tôi thuê một ngôi nhà nhỏ, xa hẻo lánh vắng, trơ vơ trên một đỉnh đồi, ở đó nhìn quanh mùa nào cũng thấy tuyết vĩnh cửu.

Xinh xắn như phong cảnh in trên minh-tín-phiến, địa điểm ấy quả đã khiến tôi vui lòng. Trọn ngày đầu tôi chẳng làm gì cả, mà chỉ để cho mắt tôi mặc tình say bao vẻ đẹp dần trải khắp bốn bề. Không

thấy mình phải dụng công suy nghĩ, thế mà cốt truyện dần dần thành hình trong óc tôi.

Sáng hôm sau ngồi vào bàn, tôi định viết cho rồi một hai chương. Trước mặt tôi, thung lũng êm ả vươn mình, tàn cây thẫm cỏ nhấp nhô ngời chói dưới nắng vàng tươi. Một con chim ăn khuất gieo ba tiếng ngọc trong ngần giữa không khí yên lặng. Những con hát khác lần lượt tham gia. Rồi thốt nhiên im phắc, tưởng chừng như vũ trụ nín thở để lấy hơi; tiếp theo là một loạt rì rào uyển chuyển, tựa hồ chính các sợi tơ ánh sáng khẽ run

thành nhạc, và khi vang đưa khúc điệu của va sầu, du dương náo nuột, tất cả vùng trời đất ấy đều rung động bởi hồi.

Tôi rất sung sướng. Chưa lần nào bắt tay vào việc viết lách mà tôi được cao hứng đến thế (1). Nhưng tôi cầm bút lên chẳng bao lâu thì một tiếng rền rĩ the the bỗng lọt vào tai tôi. Có ai thổi sáo đầu dây, mà lại thổi tẻ làm sao là tẻ. Tôi phát cáu đứng lên.

Thì kia, ngay trước cửa sò phòng tôi, một gã chần bô to béo, mặt mũi thô kệch, dương ngồi đó, đem hết sức bình sanh mà thổi sáo.

Tôi la vọng ra : « Đi chỗ khác, đi chỗ khác đi ».

Đáp lại câu ấy, gã đả tôi một tràng dài những tiếng đình tai nhức óc.

Tôi vừa giơ nắm tay về phía gã vừa quát : « Chú đi khỏi chỗ này giùm tôi ».

Gã không nghe, mà có lẽ chỉ giả đồ không nghe đó thôi. Cuối cùng gã ngừng mặt lên nói : « Tại sao tôi phải đi chớ ? Đất này có phải là đất của riêng ông đâu. Ai đến đây cũng được kia mà ».

Gã nói đúng. Gã dương ngồi trong đất ông điên. Và chính vì thế nên gã khiến tôi bức mình đến cực độ.

Tôi nói : « Này, chú vui lòng đi xa chỗ khác, tôi cho chú bốn an-nã ». (2)

« Tiền đâu, ông đưa tôi thấy đi ».

Tôi ném đồng tiền ra cho gã. Gã lượm lên, trở mặt nhìn kĩ, đưa lên miệng cắn thử coi giả thật, rồi rào bước đi ngay.

Tôi ngồi xuống định viết tiếp. Nhưng chẳng nên câu kệ gì cả. Tức quá, tôi

đứng lên, ra ngoài tản bộ một lát. Nhưng càng ngẫm nghĩ chừng nào, tôi càng điên tiết chừng ấy. Tôi lặn suối trèo đèo từ nhà đến tận Hi-mã-lạp-nhã, rồi cuộc chỉ đề cho người ta phiền nhiễu thôi.

Hôm sau gã lại hoan nghinh tôi bằng một loạt tiếng the the chất tai hơn bữa trước nhiều, bằng một mớ thanh âm cực kì bất nháo. Tôi thiếu điều bứt tóc. Tôi xô cánh cửa sò đánh sầm một cái mà thét : « Chú phá đám kia, có bằng lòng đi chỗ khác không thì bảo ? »

Gã cũng không thềm ngoảnh lại nhìn tôi nữa. Gã vẫn ngồi chồm hồm thổi sáo, y hệt một nghệ sĩ dương xuất thần trong hồi linh cảm. (3)

Cuối cùng tôi nói : « Này, tôi lại vui lòng cho chú thêm bốn an-nã nếu chú chịu rút đi lập tức ». Tôi tưởng đầu lời tôi nói sẽ có hiệu quả.

Nhưng không. Gã tuyệt nhiên không nhích đi nửa bước. Gã vẫn ung dung thổi ống trúc.

Biết làm sao bây giờ ? « Ấu là mình bắt chước thánh Găng-di, thử đem tác dụng tâm lí mà thuyết phục hẳn xem sao ». Trong trí tôi có tiếng nhủ thì thầm như thế. Nên tôi thò cò ra khỏi cửa sò và cố lựa lời hết sức ôn tồn nói rằng : « Này chú, chú quấy rầy tôi chi ? Tôi có chút công việc đặc biệt. Chú hãy làm ơn đề tôi yên tĩnh ».

Vừa nói tôi vừa dần đo tự hỏi : « Chẳng biết mình có nên dùng cách phản kháng tiêu cực hay không. Hẳn chưa chịu ngưng thổi sáo đến phút nào, mình hẵng nhịn viết tiểu thuyết đến phút

ấy, thì chắc hẳn sẽ chạnh lòng thương xót chớ gì ». Ý nghĩ đó, tôi đem thực hành ngay.

Qua một ngày. Rồi hai, ba bốn ngày. Gã vẫn thung dung thối sáo, mà tuyệt nhiên không áy náy một chút nào cả. Tôi còn phải đợi đến bao giờ ? »

Sáng ngày thứ năm, tánh nhẫn nại của tôi đã mòn mỏi nhiều lắm rồi. Nhưng tôi vẫn còn muốn thừa một lời năn nỉ cuối cùng với kẻ đã làm tôi điêu đứng. Tôi lấy giọng nhỏ nhẹ bảo gã : « Này chú, tôi đương viết tiểu thuyết. Tiếng sáo của chú làm rộn tôi lắm. Chú hãy vui lòng đi chơi chỗ nào khác. Chú không chịu thì tôi cũng đành nhịn viết ».

— Ông nói những gì, tôi không hiểu. Mà tiểu thuyết là cái quái gì mới được chớ ? »

— Tức là truyện ». Tôi đáp gọn lỏn cho rồi.

— Vậy ra ông định viết truyện ? »

— Phải ».

Gã cười ngặt nghèo thiếu điều vỡ bụng.

Tôi hỏi : « Có chuyện gì mà vui quá thế ? »

— Cái việc ông làm đó, hay biết bao nhiêu ! Các bà già, bà nào cũng kể truyện được cả. Ông cũng như đã tràng, tự làm nhọc xác không nên trò gì ». Rồi gã liền thối sáo.

Tôi nhận cách phản kháng tiêu cực không thành công. Thứ quê mùa ấy làm sao hiểu nổi viết tiểu thuyết là cái

gì ? Có khác nào đem tình huynh đệ ra mà giảng luận với một tên mọi ăn thịt người đâu.

Không. Rọi ánh sáng là rọi cho ai tỏ mắt kìa. Chớ những ngư ăn lông ở lỗ thì chỉ thích bóng tối trong những vùng sơn lam chướng khí và chỉ phục cách cư xử của sài lang hùm gấu mà thôi.

Tôi bảo gã : « Tôi cho chú tám an nã nếu chú sẵn lòng để tôi yên tĩnh ».

Gã nhảy cẫng lên và chìa tay ra.

Kể từ đó tôi cứ phải tốn của ; đến chừng mỗi ngày gã lãnh được một ru-bi, thì tôi đâm khùng. Cái đó rõ là tống tiền chớ còn gì nữa. Với lại, tôi làm không được việc. Ngày nào cũng hồng bét cả buổi sáng vì những lời qua tiếng lại với anh chàng ngốc.

Tôi chợt nảy ra một chước mầu. Tôi thiếu điều cười ngất. Sáng hôm sau, vừa vắng nghe mấy âm thanh đầu tiên của ống trúc ác hại kia, tôi liền bước xuống thang gác. Tôi bảo nhạc công : « Này chú, tiếng sáo chú thổi quả là tuyệt diệu. Ngày một ngày hai, tôi lắng tai nghe mà mê mẩn cả hồn phách đến thành nghiện nặng. Vắng nó tôi không tài nào vui sống được ».

Gã trân trân nhìn tôi, ngờ vực. Rồi mắt chớp lia, gã nói : « Tôi tưởng đầu ông ghét nó chớ ».

— Không, tôi không ghét. Tôi thích nó vô cùng. Chú làm ơn làm phước thổi mãi đi. Cứ sáng sáng mà chú thổi thối nội hai giờ thôi, thì mỗi bữa tôi đền công chú một đồng ru-bi ».

Gã bằng lòng, nhưng tôi đề ý nhận thấy gã chỉ thổi có một giờ rưỡi.

MỘT THẮNG LỢI KHÔNG CẦN BẠO LỰC

Bữa sau gã bảo tôi — mà mắt gã không nhấp nháy nữa — gã bảo tôi đáng lẽ gã phải được thưởng nhiều hơn thế. Hai giờ đồng hồ mà vên vện một ru-bi có đủ đâu; hôm qua gã chỉ ra công dờn gót mà cũng đã được ngàn ấy tiền. Tối thiểu là hai ru-bi mới mong gã ưng thuận.

Tôi nói: « Này chú, tôi hoàn toàn đồng ý. Điệu nhạc của chú mà dứt đi, tôi chẳng thể nào làm xong việc của tôi được. Tôi tưởng chừng như ví phông tiếng sáo của chú ngưng thồi vėjo von, thì trái tim của tôi cũng ngưng đập nốt ».

— Thế tôi thồi quả tình hay đó chứ? » Gã vừa vênh bộ mặt cục mịch vừa nói: « Nhà tôi lại cứ bảo tôi thồi sáo y như mèo ngoao ấy ».

— Đâu có thế, chú. Chú thật là một bậc thiên tài — một ngôi sao sáng trong giới nhạc sĩ đó chứ. Đến cả bà Tây-Vương-Mẫu ở tận Côn-lôn-khuru cũng chưa bao giờ thồi tiêu hay bằng chú mà ».

Hôm ấy gã chỉ thồi có một giờ thôi.

Hai hôm sau tôi lại đến gặp mặt gã mà nói: « Này chú, tôi giờ không còn tiền. Nhưng tôi mê tiếng sáo của chú quá đấy. Vậy từ nay trở đi chú phải giùm chịu khó thồi cho tôi nghe mà đừng đòi hỏi lời thồi gì nữa ».

— « Không, không, nếu không trả công, tôi có thể nào thồi sáo cho ông nghe được. Tôi bỏ đi ngay bây giờ, không trễ một giây nào cả ».

— « Chú làm ơn làm phước đừng

bỏ đi. Xin chú thương giùm tôi ».

— « Ông cho tôi là hạng người gì, là một thằng ngu đay phông? Nếu ông muốn thưởng thức tài nghệ thồi sáo của tôi thì ông phải trả công tôi chứ; bằng không xin ông đành nhịn vậy. Tôi bỏ đi liền đây, mà chẳng bao giờ trở lại ».

Tôi vừa nén một tiếng thở dài, vừa lầm bầm: « Chú nỡ bỏ tôi mà đi sao! »

« Tôi không nỡ đi à? » Dứt tiếng, gã vội vàng quay gót. Tôi thấy tấm dạng gã lần ấy là lần cuối.

RANJEE SHAHANI

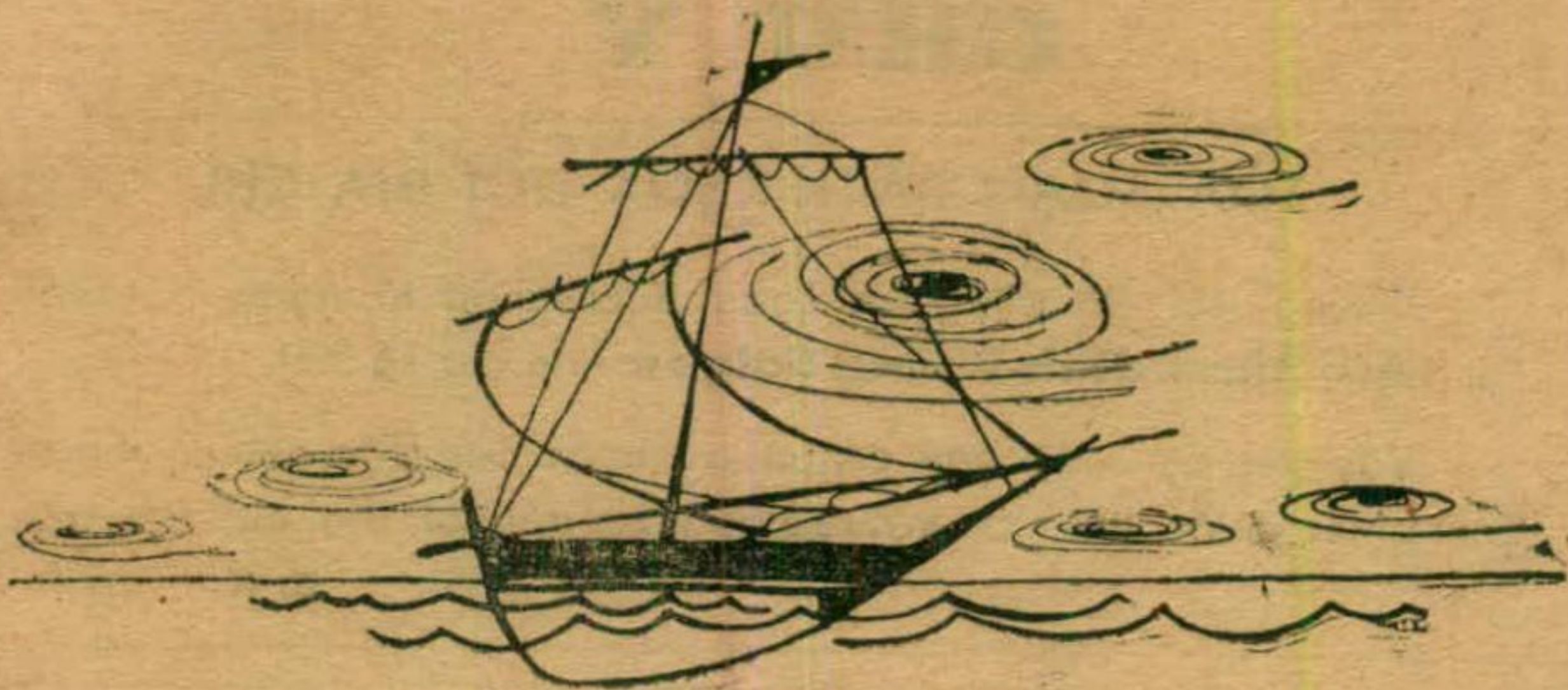
(Nguyên đề là Victory Without Violence đầu tiên đăng ở báo Time And Tide, 1951, ở Luân đôn, sau lại trích đăng vào tạp chí Mirror, V-1951, cũng xuất bản ở Luân-đôn).

1. Trong nguyên văn, đoạn này khá đẹp. Chép ra đây cho những bạn đọc biết Anh văn thường giám, tưởng không đến nỗi vô vị.

The next morning I sat down at the desk, prepared to turn out a chapter or two. Before me lay the valley, soft and undulating, shimmering in the golden sunlight. An unseen bird scattered three clear notes upon the still air. One by one other songsters joined in. Then sudden silence, as though Nature had paused for a breath; then a delicate murmur, like the vibration of light itself and the whole scene quivered with the lovely languorous trill of the cicadas. I was enchanted. Never felt in better mood for work.

2. Ru-bi: đơn vị hóa tệ của Ấn-độ trong thời kì Anh-thuộc. Mỗi ru-bi bằng 19 an-nã.

★ Dù chưa tìm được giải pháp cấp thời, phản ứng tích cực vẫn có lợi hơn vì hạn chế được tổn hại. Ngồi vẫn dùng được để xây cất, hột vẫn dùng được để gieo mầm.



ĐÔI MẮT

GỬI L.

Nhìn lên đôi mắt của em
Đại-dương xanh thăm ta thềm chuyển đi...
Buồn dâng nghiêng ngả hàng mi
Rưng rưng e ấp, những gì bên trong... ?
Một đôi mắt. Vạn triệu dòng,
Thuyền ta đắm đuối giữa lòng mắt xanh
Tôi bời sóng gió long lanh...
Ngày xưa nghiêng nước nghiêng thành mấy phen...



Nhìn lên đôi mắt của em
Đại-dương xanh thăm ta thềm chuyển đi...

Báo 4 - 58.

HUY - LỰC

(Trong « Thở bạn đầu »)

CHÚ Ý

TÒA SOẠN BÁCH-KHOA ĐÒI ĐỊA CHỈ

Chúng tôi đã dời tòa soạn Bách-Khoa từ ngày 1-9-1958, lại **160, Phan-dình-Phùng Saigon** hộp thư số 339.

Vậy yêu cầu các bạn có bài vở hoặc các độc giả có thư từ, bưu phiếu muốn liên lạc với tòa báo xin gửi tới địa chỉ nói trên.

B. K.

BÁCH KHOA ĐÓNG THÀNH TẬP

— Bách-Khoa đã đóng thành từng tập 12 số, bìa dày (carton) giấy chữ vàng, rất mỹ thuật, giá phổ thông mỗi tập 105\$. Tập I : từ số 1 đến 12, Tập II : từ số 13 đến 24, Tập III : từ số 25 đến 36.

Ở xa xin gửi thêm cước phí bảo đảm 45\$ ba tập.

Số sách đóng thành tập có hạn, xin gửi mua ngay kẻo hết.



★ **MỘT BỘ SÁCH QUÝ
TRONG TỦ SÁCH
GIA ĐÌNH.**

★ **MỘT TẶNG PHẨM
TRANG NHÀ.**

— Bách-Khoa đã in xong tập « Mục lục theo bộ môn » của Bách-Khoa từ số 1 đến số 24. Vậy những bạn nào mua Bách-Khoa dài hạn hoặc đã mua toàn tập Bách-Khoa, muốn có thêm tập « Mục lục » đó xin biên thư ngay về Tòa soạn Bách-Khoa, kèm theo tem (cò) 0\$50, chúng tôi sẽ gửi đến biểu các bạn.

HÔM NAY, NGÀY MAI

HUY-SƠN

L. T. G. — Xã hội hôm nay có hoàn toàn tươi đẹp không ?

— Tâm tình con Người có hoàn toàn lành mạnh, hoàn toàn hăng hái trước hàng trăm việc phải làm để kiến tạo xã hội không ?

— Chúng ta đã gắng hết sức để xây dựng cho Ngày Mai chưa ?...

Đó là những câu hỏi của chúng ta mà cũng là những câu hỏi của tác giả Truyện Ngắn này.

Truyện Ngắn này sẽ trình bày cùng quý bạn những hiện trạng tinh thần của một vài hạng người điển hình trong xã hội Hôm Nay.

Những trạng thái tâm hồn ấy, thực ra, không mới lạ, nó chỉ mới lạ với những con người quá lạc quan mà thôi. Tuy nhiên, đối với các bạn có ý tưởng xây dựng Hôm nay cho Ngày Mai, truyện ngắn này cũng nhắc lại với các bạn những vấn đề tinh thần cần phải lưu ý tới.

B. K.

MINH đưa tay làm dấu từ chối, Long không mời thêm, anh quay dọc tàu và hút tiếp. Minh lặng yên nghe tiếng thuốc cháy ròn trên ngọn đèn dầu nhấp nháy. Anh rút thuốc châm hút, qua khói thuốc, anh thấy nét mặt Long thực là say mê.

Hết điếu, Long quàng tay, vơ vội ly trà Tàu bốc khói, uống một ngụm nhỏ và nằm ngửa hẳn ra, vắt tay lên trán, mắt nhắm lại.

Hơi thở Long đều đều, Minh nhìn thấy rõ lồng ngực bạn phập phồng trong chiếc áo may-ô đã ngả màu vàng úa.

Cặp chân Long duỗi dài ra, cặp chân quá nhỏ so với chiếc quần đùi cháo lòng, rộng ống.

Minh khẽ chép miệng, thầm nghĩ :

— Lúc nó khoái nhất là lúc trông nó bần mắt nhất !

Minh mến Long vì tính nết, nhưng anh phản đối Long vì Long nghiện ngập quá độ, một cái khoái độc nhất mà Minh không ưa.

Minh ngồi nhòm dáy, tỉ khuỷu tay trên mặt ấm gối. Anh nhắm ngụm trà Tàu, cất tiếng :



— Màỵ không tính gì à ?

Long mở choàng mắt, ngơ ngác nhìn Minh :

— Tính gì ?

Minh nheo màỵ :

— Màỵ đề vợ con màỵ rách rưới quá !

Long « À » một tiếng dài rồi lại nằm yên. Một lúc sau, Long ngồi dậy và bắt đầu nạo sái. Long nói, tiếng anh nhỏ nhỏ lẫn vào tiếng kêu lạo sạo trong khi anh nạo sái :

— Màỵ thấy thế nào ? Tao thì tao nghĩ rằng chúng nó còn sướng chán, này nhé : cơm ngày hai bữa không thiếu thức ăn, quần áo rách một chút thôi, con tao đã đi học, vợ tao chỉ có việc ngày hai bữa, còn muốn gì nữa ? Ồi giờ ! Hồi chạy loạn còn khổ như chó ấy chứ...

Minh chép miệng, khoát tay :

— Chuyện !

Long ngược cặp mắt đục ngầu nhìn Minh :

— Chuyện gì ?

— Màỵ lại so sánh với hồi chạy loạn thì nói làm quái gì. Tao, tao nghĩ rằng, nếu màỵ không hút sách, thì với số tiền màỵ kiếm ra, có thể... có thể là cửa cao nhà rộng, vợ con đang hoàng ấy chứ, đâu có đến nỗi dấp dúi trong căn nhà gỗ này...

Long chau màỵ, gắt gỏng :

— Thôi ! Ông ơi ! Ông đừng mang sách luân lý giáo khoa thư lớp đồng ấu ra ông đọc cho con nghe nữa, Ông ạ ! Nếu... nếu... tao cũng nghĩ chán rồi chứ, nhưng mà... thời buổi này... màỵ bảo... nghĩa lý quái gì...

Long hạ giọng, Anh nhìn bạn với cặp mắt đầy tha thiết và chân thành :

— Nói thì nói chứ... Tao cũng hết lòng muốn « cai » đấy, muốn gây dựng lại cơ đồ đấy, nhưng mà... để chờ xem tình thế ra sao đã...

Minh thở dài yên lặng, ánh điện yếu vàng kệch trong căn phòng nhỏ hẹp và kín mít này làm Minh cảm thấy nặng nề. Long lại nằm xuống và đều tay làm sái trên mặt tàu.

Minh ngồi thẳng dậy, thất lại chiếc ca vát :

— Tao về đây.

Long nhìn bạn :

— Về thực à ?

— Ừ !

Minh đi giày rồi bước ra nhà ngoài, trên chiếc giường gỗ cũ kỹ, bên trong lá màn bản thiu, vợ và ba con của Long nằm ngủ như một bầy lợn.

— Mày về nhé !

Minh thở dài, không đáp. Long đóng vội cửa và cài then.

Minh uể oải bước trên đường đất, lối đất gồ ghề, tối tăm trong lòng hẻm không tên này làm anh khó chịu.

Anh đã bước ra gần đường phố, ánh đèn ngoài kia rực lên, trong một dãy quán giải khát gần đầu ngõ phát ra những tiếng ồn ào sắc hơi men của đám người nhậu nhẹt.

Tới ngoài đường, Minh hít mạnh một hơi thở thực dài. Lúc trong nhà Long, anh cảm thấy khuya quá rồi, nhưng bây giờ, ánh đèn màu rực rỡ của đường phố lại làm anh thấy rằng hãy còn sớm quá !

Minh giơ tay nhìn đồng hồ :

Mới có hơn 10 giờ.

Hơn 10 giờ khuya, xe cộ hãy còn tấp nập, người ta chưa đi ngủ vì người ta sợ ngày hôm nay mau tàn.

Minh, với dáng điệu lơ đãng, anh gọi một chiếc Taxi, mở cửa bước lên, vài phút sau khi xe chạy, người tài-xế mới hỏi :

— Thầy đi đâu ?

Câu hỏi của người tài-xế vang lên trong khối óc chổng rỗng của Minh, anh đáp không suy nghĩ :

— Vào Chợ-lớn.

Chợ-lớn ban đêm, vui như chợ đang phiên. Mắt Minh dính liền vào các cô gái Tàu có những cánh tay trắng nuột nà và thân hình nổi rõ những đường cong duyên dáng.

— Đổ đây !

Minh trả tiền xe, anh lững thững bước vào một tiệm mì đông khách, ồn ào, anh không đói, song anh cảm thấy cần phải ăn một bát mì ở tiệm mì danh tiếng này.

Ba mươi phút sau Minh đã ung dung bước trên hè đại lộ Đồng-Khánh, anh khoan khoái ngàng nhìn dãy nhà cao vót, nhiều tầng, những cửa hiệu sáng đèn, đông khách và các cô gái Tàu nhớn nhoe trên hè phố.

Bỗng có tiếng trẻ con khóc, Minh nhìn về phía trước : một cặp vợ chồng còn trẻ, người vợ đang ra công đỡ đứa con nhỏ đang chu chéo khóc, người chồng vẻ khó chịu hiện ra nét mặt.

Minh phì cười, nhớ tới Hoàng, một người bạn mới lấy vợ chưa đầy một năm. Minh thầm nghĩ :

— Chắc bây giờ nó đang bó gối ngồi xem báo bên cô vợ trẻ, có lẽ nó ngủ rồi! Tội nghiệp cho những thằng lấy vợ, thui thủi nằm nhà trong khi thiên hạ vui như tết thế này.

Minh chợt chau mày, anh nhớ tới Hương, tới khuôn mặt đẹp dịu hiền, làn môi hồng thắm, "dáng điệu ngoan ngoan, bước đi tha thướt của cô nhân tình bé. Cách đây sáu tháng, chính những nét đẹp ấy của Hương đã làm anh say mê, đã khiến cho anh sống trong mấy tháng trời tràn ngập tình yêu kỳ ảo. Song, từ hơn một tháng nay, những vẻ đẹp của Hương không làm anh quá tha thiết nữa, là vì, Hương đã đòi anh cưới nàng, Hương đã muốn anh trả giá tình yêu ấy bằng cuộc đời tự do hiện tại của anh.

Hơn mười năm nay rồi, từ ngày chinh chiến cướp mất gia đình thân yêu của anh, anh đã sống cô độc, sự vắng lặng trong cuộc đời hình như đã quá quen thuộc đối với anh. Tuy nhiên, trong những khi mà nỗi buồn vô cớ ngự trị, dấy vò trái tim anh, trong những đêm mưa buồn thảm, anh đột nhiên nhận thấy mình quá cô độc, quá lẻ loi; những lúc ấy, chỉ những lúc ấy thôi, anh muốn có một người vợ để cho đời đỡ nhạt.

Thế mà, chả hiểu sao, Minh vẫn sợ hôn nhân, vẫn không muốn cưới Hương tuy anh yêu Hương tha thiết.

— Ờ! Thời buổi này...

Chỉ một câu ngắn ngủi ấy thôi cũng đủ làm Minh quên hết.

Có tiếng nhạc rít lên, dồn dập trong không gian, Minh ngẩng nhìn trời đầy sao, nhìn hàng chữ điện đồ lập lờ của một tiệm khiêu vũ.

Điệu nhạc Mambo rít lên, Minh thấy dật hai gót chân. Khúc nhạc cuồng loạn làm tinh thần anh phấn khởi. Minh tự nhiên bước vào tiệm nhày. Anh bước vội lên thang. Một khung cảnh tung bừng hiện ra trước mắt anh: người ta đang nín nhau nhày điệu Mambo, tiếng nhạc đậm dật làm đôi vai Minh rung động.

Người bồi bàn kéo ghế mời ngồi, nhạc điệu vẫn xôn xao, mắt anh dõi về phía sàn nhày, tâm hồn anh hưng khởi.

Anh mời một vũ nữ.

Người ta mang tới cho anh một người con gái, nàng bắt tay anh trong khi mắt anh vẫn không rời một cặp thanh niên nam nữ ăn vận lố lằng đang nhày Mambo với những bước thực là « tân kỳ ».

— Nhày bản này không anh?

Giọng nói của người con gái làm anh giật mình quay lại, mắt anh bừng sáng như khi nhìn thấy một người thân xa cách lâu ngày:

— Kìa Cúc!

Anh chớp mau cặp mắt trong khi cô nàng vẫn cười một cách bình tĩnh và dễ dàng:

— Anh biết tên « cúng cơm » của em à, nhưng đừng gọi em là Cúc nhé, bây giờ em là Kiều-Nga đấy anh ạ...

Cúc lại cười. Minh, giọng đầy kinh ngạc:

— Sao cô... à Em lại ở đây?

Cúc khôi hài:

— Không ở đây thì ở nhà anh sao? Ró khéo!

Minh nhúm mày:

— Em không nhận ra anh à ? Minh đây mà ! Minh ngày xưa ở Hà-Nội là hàng xóm của nhà em ấy mà. Có phải em là con gái yêu của bà Quảng-Đức không ?

Cúc không cười nữa, nàng nhìn Minh, vẻ lạ lùng :

— Vâng, em là con bà Quảng-Đức, Anh là Minh... Có phải Minh anh ruột cô Lan ấy không ? Em... Em quên rồi đấy !...

Nàng chợt cười, nụ cười của nàng là một dấu hiệu giản dị hóa cuộc đời :

— Nhưng mà thôi... chuyện cũ quá rồi anh ơi !

Minh yên lặng, hình ảnh Cúc : người thiếu nữ năm xưa, con nhà gia giáo, ngoan, đẹp, học giỏi, hiện ra trong óc anh, anh nhẹ lắc đầu, ngược nhìn Cúc, người thiếu nữ năm xưa ấy bây giờ đang ngồi trước mắt anh, lẳng lơ và hư hỏng :

— Không ngờ...

Cúc cười át đi :

— Không ngờ hai đứa lại gặp nhau ở đây có phải không ? Thối... ra nhầy với em cái Boston này đi anh... vợ vắn mãi !

Minh thần thờ đứng dậy theo Cúc. Anh ôm gọn trong vòng tay người thiếu nữ mà xưa kia, anh đã nghĩ rằng thực là diễm phúc cho người thanh niên nào được nâng lấy tấm thân nàng.

Hương tóc, hơi thở nồng nàn ấm áp của Cúc làm anh say mê ngây ngất, anh cúi xuống : ánh mắt đen láy của Cúc thực là kỳ ảo, gò má nàng mịn hồng, cặp môi nàng mọng đỏ, ngực nàng căng

lên. Minh áp mình vào má Cúc, nhẹ giọng :

— Tại sao em lại ở đây ? Thầy mẹ em đâu ? Cúc !

Cúc yên lặng.

Điệu nhạc Boston nhẹ nhàng, thướt tha, gót bước nhịp nhàng của Minh lướt theo nhạc khúc.

Minh thấy Cúc thở dài ; Minh nhẹ giọng :

— Sao em ?

Cúc cắt lời :

— Thầy mẹ em ở ngoài Bắc, không vào... em vào đây với chồng em...

Minh vội :

— Chồng em à ? ... Thế chồng em đâu ?

Giọng Cúc trở nên khô hài :

— Ông ấy giầy học, em chả hiểu sao ông ấy lại giầy Pháp văn, đáng lẽ ông ấy phải giầy Hán-Văn thì mới đúng. Nó « cồ lỗ sĩ » lắm anh ạ...

Ai lại...

Cúc bỗng rú lên cười nói tiếp :

— Thời buổi này mà Ông ấy cứ lôi mãi tứ đức tam tòng ra dọa em, chả cho em đi chơi, đi giải trí lành mạnh bao giờ cả, cứ làm em như là... tù nhân khổ sai chung thân của Ông ấy...

Cúc lại cười vang lên, nàng ngược nhìn Minh :

— Anh lấy vợ chưa ?

Minh lắc đầu, anh chợt hỏi :

— Cúc học khá lắm cơ mà, sao em không đi làm ?

Cúc cười nhoen :

— Kề đi làm cũng được, nhưng, ngày hai buổi kéo cày, buồn đứt ruột anh ạ... với lại...

Cúc ngừng lại, nàng chột thở dài, một tiếng thở dài không vui mà cũng không buồn:

— Với lại... Thời buổi này... Anh bảo...

Minh yên lặng, bản Bosron chấm dứt, dàn nhạc chỗi một bản Swing thực là ồn ào. Minh dìu Cúc về bàn. Nàng ngạc nhiên:

— Anh không thích Swing à?

Minh lắc đầu, Cúc tự nhiên gọi lớn:

— « Lìn-Hoóng » ! « Lìn-Hoóng » à !

Một thiếu nữ mặc Tàu rất khiêu gợi, ông ẹo bước tới phía Cúc. Cúc lớn giọng:

— Nhảy Swing, mày !

Minh ngồi vào bàn, lặng lẽ nhìn Cúc và cô gái mặc Tàu nhảy tưng bưng. Bên tai Minh vang lên những lời đối thoại của Các và « Lìn-Hoóng »:

— Lìn-Hoóng à, mày có tiền không ?

— Làm gì ?

— Cho tao vay một ngàn.

— Làm gì ?

— Tao tiêu, mai tao đi Cáp mày ời !

— Tao hết rồi, mày vay con Dung ấy, nó có tiền, nó vừa hốt cái hui mười ngàn.

Cúc cười rú lên:

— Gì ? Nó chơi hui hả ? Trời ời ! Tính toán cho tương lai mai hậu ghê quá nhỉ !

Nhạc rít lên, Minh bỗng thấy choáng óc vì tiếng cười nói ồn ào, tiếng nhạc

man rợ, ánh hoa mắt vì ánh đèn nhiều màu, vì áo quần diêm dúa của trai gái trong tiệm nhảy này.

Đột nhiên, Minh đứng dậy, trả tiền và bước xuống lầu.

Đêm đã khuya lắm rồi. Trời dỗi gió, nên trời trở nên tăm tối, không một ánh sao.

Minh thọc tay vào túi quần, miệng ngậm thuốc lá, một mình anh đi trên hè phố vắng. Minh chột thấy tâm hồn mình lắng một niềm yên tĩnh lạ thường.

Bây giờ Minh trở về đi ngủ, một ngày đã hết, không nghĩa lý gì cả ! Minh thấy cuộc sống thực là tầm thường. Chỉ có thể thôi sao ? Lần này, không biết là lần thứ mấy mươi rồi, Minh cảm thấy cuộc đời vô lý quá, Minh thấy thiếu thốn một cái gì và một sự đợi chờ vô cớ, một sự đợi chờ triền miên cứ ôm bọc lấy trí óc, lấy cuộc sống tinh thần của anh.

Trời gió trở nên lạnh lạnh, những làn mưa bay nhẹ nhẹ bắt đầu giãi trên hè phố. Giây phở đêm khuya buồn như một trái tim cứng lạnh.

Minh rít một hơi thuốc lá dài, thở khói vào mưa lạnh, chàng nghĩ tới Long, tới Cúc, tới mình, tới đám thanh niên nam nữ diên cuồng trong tiệm nhảy, Minh nhớ tới nhạc điệu Mambo, Samba, Rumba, Rock 'n Roll và chàng liên tưởng tới đám thanh niên nam nữ lỗ lã; tự mệnh danh là đồ đệ của J. P. Sartre, suốt ngày hội họp, nhảy nhót, đàn hát trong những hộp đêm tại Saint Germain des Prés.

Tự nhiên, Minh lại thấy mình tội lỗi, lại thấy thiên hạ còn nhiều tội lỗi. Giờ phút này, thời gian này, có phải là cuộc đời chỉ có thể thôi đâu ?

Trong một phút, Minh muốn sống những ngày thừa, không trống rỗng và không vô nghĩa...

Ngả lưng trên ghế dựa, Minh khoan khoái nghe một bản dân ca tươi vui và hùng tráng của đài phát thanh.

Từ sáng đến giờ, Anh tự nhận là mình đáng khen lắm. Minh đã đặt cho mình một thời khắc biểu hàng ngày, đã hăng hái sống với tất cả sự yêu đời, yêu làm việc. Anh nghĩ tới cái thời khắc biểu mà anh vạch ra như nghĩ tới giai đoạn đầu của một cuộc cách mạng.

Thở một hơi thuốc lá dài, Minh vớ tờ báo trên mặt bàn. Bỗng nhiên, mắt anh tối hân lại khi nhìn thấy các hàng «tít» lớn:

— Chiến tranh lạnh phát khởi mạnh...

.....

— Chiến tranh lan rộng ở Liban, một hạm đội Nga tiến về phía Tây trong khi đệ lục hạm đội Mỹ đã sẵn sàng...

— Đài-Loan phong-tỏa bờ bề Trung Cộng sau khi trọng pháo hai bên bắn nhau dữ dội.

.....

— Mỹ thử một trái bom Khinh-khí mà sức mạnh có thể tiêu diệt cả

thành phố Moscou hay Nữu-ước.

.....

Những hàng chữ kinh hoàng ấy quay tít lên trong óc anh.

Anh mệt mỏi buông rơi tờ báo, ngả hân đầu vào thành ghế.

Ngoài kia, thiên hạ vẫn tấp nập, ồn ào.

Một lúc sau, Minh quay nhìn tờ báo nằm dưới đất, mắt anh đụng phải một khung quảng cáo:

.....

Tại rạp Majestic Sài Gòn;
hân hạnh trình bày cùng quý vị:

Yêu-Nữ Yambao.

— Với tài tử Ninon Sevilla thủ vai chính.

— Một phim ca nhạc với những điệu nhảy hòa hợp trong những khung cảnh huyền ảo.

— Một cốt truyện hấp dẫn.

— Một Ninon Sevilla khiêu gợi...

.....

Minh mỉm cười khi mắt anh đập phải tấm hình gần như khỏa thân của Ninon Sevilla in trên cột báo.

Tân-Sơn-Nhất, Đêm 10-7-1958

HUY-SƠN

★ Người thủ lãnh phải khiêm tốn và chân thật mà tin cậy ở mình; tin cậy ở tài năng và khả năng mình một cách hữu lý chứ không vô lý. Khiêm tốn không phải là bảo mình: « Tôi không là gì, tôi không có gì, tôi không có thể », vì kết luận của nhận xét ấy sẽ là: « Tôi không làm gì được hết ». Khiêm tốn chính là bảo mình: « Tôi có tài năng, tôi không có quyền dùng tài năng để tự dương, tự đắc, mà có nghĩa vụ phát huy, tận dụng tài năng để phụng sự anh em.

THU PHONG OÁN

Nói đến Chiêu-Quân, một người đẹp nghiêng nước nghiêng thành đời Nguyên-Đế nhà Hán, hẳn không còn ai là không biết qua về sự tích của nàng và tội phạt cho nàng phải đem thân ngàn vàng đi cống Hung-nô... Nhưng nghe đến vẻ đẹp của nàng thì nhiều, mà đã mấy ai biết đến cái tài về văn thơ của người hồng nhan bạc mệnh, soi gương kìm cò ấy.

Nay nhân mùa thu đến chúng tôi xin trích bài "Thu-phong oán" của nàng làm trên đường khi sang cống Hung-nô và đồng thời xin tạm dịch ra đề hiễn quý độc giả.

T. B.

Thu mộc thê thê,
Kỳ điệp nuy hoàng.
Hữu điều xử sơn,
Tập ư bào tang.
Dưỡng dục mao vũ,
Hình dong sinh quang,
Ký đặc thanh vân,
Thượng du khúc phượng.
Ly cung tuyệt khoáng,
Thân thể tồi tàng.
Chí niệm ức chăm,
Bất đặc hiệt ngoan.
Tuy đặc ảm thực,

Tâm hữu hồi hoàng
Y hà ngã độc,
Vãng lai biến thường !
Phiên phiên chi yển,
Viễn tập Tây-khương.
Cao sơn nga nga,
Hà thủy ương ương !
Phụ hề mẫu hề,
Đạo lý du trường.
Ô hô ai tai,
Ưu tâm trắc thương !

CHIỆU-QUÂN

Dịch :

Cành thu heo hắt lá thu vàng.
Trên đỉnh non cao, đỏ rõ ràng,
Có một chim kìa hay đáo đề,
Ở ăn tự lúc mới ra dăng.



Ra dăng đã đủ cánh lông bay,
Thấy rõ hình dung quý giá thay !
Trên nóc lầu cao đà đổ xuống,
Chín từng mây thăm đã tung bay.



Tung bay, nhưng khốn biết sao rầy ;
Sự thế than ôi, nổi nước này !
Nỗi nọ đường kia khôn tả xiết ;
Gan sâu ruột héo, ngổ ai hay !



Ai hay cho khúc đoạn trường này,
Cho nỗi quan hoài ở chốn đây !
Uống uống ăn ăn khôn đắp lại,
Những hờn những oán, những sầu cay !



Sầu cay, riêng nghĩ xiết bàng hoàng,
Biết đến bao giờ hận mới tan !
Én nọ tung bay xập xoè cánh,
Đường xa mấy mấy dặm quan san !



Quan san thăm thăm nỗi lòng đau !
Biển rộng non cao chất tủi sầu.
Vội vội đường xa muôn dặm cách.
Mưa nắng sân Lai, sót dãi dầu !



Dãi dầu ai hơi thấu cho chẳng ?
Lắp đặt cho ai những bất bằng.
Những nhớ những thương tây núi biển.
Tình thu chan chứa hận sầu vương ! ...

THÁI-BẠCH



MỘT TRUYỆN LIÊU-TRAI.

SEN LÔNG BÓNG NGUYỆT

KIỀU-YIÊU dịch

CHỢ Tể-nam (tỉnh hội tỉnh Sơn-đông) có vị đạo nhân, không biết quê quán nơi đâu, cũng chẳng rõ họ gì. Đông hè gì cũng vậy, chỉ mặc vắn vện một chiếc áo kép, buộc dây thao màu vàng lòng thòng, ngoài ra chẳng có quần áo nào khác. Thường dùng chiếc lược gầy mất một nửa mà chải tóc, rồi giắt răng lên mép búi tóc, trông như chóp mũ. Ban ngày đi chân không ra chợ, đêm nằm càn ở đầu đường. Quanh mình y tan rã một khoảng băng giá chừng vài thước (1 thước = 0,32 m).

Lúc mới lại, liền tìm chỗ đông người làm trò huyền thuật, người trong chợ

tranh nhau thưởng y. Có kẻ vô lại, là Tinh-Khúc, đem rượu đến tặng, xin truyền đạo thuật; nhất định không chịu. Gặp đạo nhân lợi tắm ở ven sông, vùng chụp lấy áo để bắt chẹt. Đạo nhân chấp tay thưa: « Xin làm ơn đưa lại cho, sẽ không giấu nghề đâu. » Gã lưu manh sợ nói gạt, nên chẳng chịu buông trả.

Đạo nhân nói: « Thật không đưa lại sao? » Đáp: « Thật chứ, còn gì nữa. » Đạo nhân làm thinh không nói thêm một tiếng. Phút chốc thấy dây thao hóa thành rắn, bề tròn đến mấy gang tay, cuốn quanh đầu gã sáu bảy

vòng, tròng mắt, nghênh cổ, thè lưỡi, nhón thẳng vào mặt gã. Gã hết hồn hết vía, sụp quỳ khom lưng, mặt xanh ngắt, hơi thở hồn hèn, hết lời xin dung mạng. Đạo nhân bèn tháo dây tháo về mình, mà dây tháo không phải là rắn. Lại có một con rắn ngoằn ngoèo bò nhanh vào thành.

Từ đó thanh danh của đạo nhân lừng lẫy. Các thân sĩ, hào gia nghe đồn sự kì quái của y bèn mời đến giao du. Từ đó thường lui tới nhà những bậc trưởng thượng trong hương thôn. Bao nhiêu quan cao cấp đều nghe tiếng y, hễ có tiệc họp vui, là kèm đạo nhân theo.

Một hôm đạo nhân mời khách sẽ họp tại nhà mát cất trên mặt nước, để báo đáp những bữa rượu uống bấy lâu ở các nhà quyền quý. Đến ngày, mỗi người đều nhận được thiệp mời của đạo nhân, nằm sẵn trên bàn giấy, mà chẳng rõ do ai đưa lại. Lúc khách đến chỗ thết yến, đạo nhân loay khom ra đón rước. Vào thì thấy thủy tạ lặng ngắt, bàn ghế chưa sắp đặt, đều ngờ y nói láo. Đạo nhân quay nhìn các quan viên mà rằng : « Bần đạo vốn không có đây tớ. Cảm phiền các ngài cho mượn những anh em tùy tùng, để giùm chạy bận ».

Các quan viên đều sẵn lòng. Đạo nhân vẽ lên vách hai cánh cửa, lấy tay đập vào đó, bên trong liền có người canh khua chìa khóa lách cách đứng lên mở. Ai nấy đều đồ xô lại xem, thấy nhiều người xung xăng qua lại bên trong ; nào bình phong, màn trướng, nào giường ghế, cái gì cũng đủ cả. Liền đó, có người chèo đưa mọi

vật ra khỏi cửa. Đạo nhân bảo bọn lại theo hầu hạ, tiếp lấy đem sắp giữa thủy tạ. Và dặn họ đừng nói chuyện với những người bên trong. Kẻ trao qua, người đón lấy, hai đảng chỉ nhìn nhau mà cười.

Khoảnh khắc, trang trí đầy cả thủy tạ, sang trọng vô cùng. Rồi thì rượu ngon tỏa hương ngát, thịt nóng bốc mùi thơm đều từ trong vách chuyễn tay bưng ra. Tân khách không người nào là chẳng lấy làm kinh dị.

Thủy tạ day lưng ra mặt hồ. Cứ đến tháng sáu, hoa sen mấy mươi khoảnh (1 khoảnh = 100 mẫu = 6,1440 ha) dóm xa bát ngát không bờ bến. Yến hội nhằm giữa mùa đông giá ngắt. Bên ngoài cửa sò, chỉ có sa mù biêng biếc hòa cùng bóng nguyệt mang mang. Chợt có một ông quan buột miệng than rằng : « Cảnh đẹp hôm nay tiếc không có hoa sen tô điểm. » Ai nấy đều gật đầu cho là phải. Giây lát một tên lại áo xanh chạy vào thưa : « Lá sen mọc phủ đầy đầm rồi. » Cả phòng kinh ngạc vô cùng, mở toang các cửa sò dóm xem. Quả thấy mình mông một màu xanh ngắt, lộ nhô những búp sen. Trong nháy mắt muôn cành nghìn đóa cùng nở một lượt. Gió bắc thoảng lại, hương sen thấm tận não.

Mọi người đều lấy làm lạ, sai kẻ hầu bới xuống đi hái sen. Vội trông, thấy y sẵn vào chỗ rậm hoa. Một lát bới trở về, đưa tay không trình chủ. Viên quan cật vấn, tên lại thưa : « Tôi chống xuống ra đi, nhìn thấy hoa ở đằng xa. Tiến dần đến phía bắc, lại thấy

hoa dờn đi xa tít, mãi tận mé nam. » Đạo nhân cười rằng : « Đó chỉ là những bóng hoa trong huyền mộng mà thôi. » Chẳng bao lâu, tiệc rượu chấm dứt. Và sen cũng tàn tạ. Gió bắc vụt nổi lên, bẻ gãy cả cành lá, không còn sót một cái nào.

Tỉnh Sơn-dông, có vị trưởng quan hâm mộ y lắm, rước đem về dinh, ngày ngày cùng bày trò vui. Một hôm, quan đánh chén với khách. Nhà quan vốn có thứ rượu gia truyền ngon tuyệt, cứ mỗi lần đãi, lấy một đấu (=10,354l) làm mức tối đa, chớ không thích lãng phí của quý vì khách. Hôm ấy khách uống, khen nức nở, cổ nài rót thêm nữa. Quan kiên quyết từ chối, nói thác là đã hết. Đạo nhân cười bảo khách : « Bác có muốn cho bao nhiêu lòng thềm ở đây được thỏa mãn, thì hẵng đòi bản đạo là được liền. » Khách năn nỉ. Đạo nhân bèn lấy nhạo dứt vào tay áo, một lát lại đem ra, rót đầy hết thảy. So với

rượu còn sót của nhà quan, không khác nhau một chút nào cả. Cuộc vui được trọn vẹn mới chịu thôi.

Quan sanh nghi, bước vào trong xem xét vò rượu, thấy nắp y nguyên chư cũ, nhưng hoàn toàn rỗng không. Trong dạ thăm xấu hổ, tức giận, cho đạo nhân là yêu, truyền lệnh đánh đòn. Roi vừa nện xuống, quan thấy bắp vế đau lạ thường. Quất thêm nữa, thịt mông của quan thiếu điều nứt. Đạo nhân tuy khản tiếng kêu gào ở dưới thềm, nhưng vị trưởng quan nhà ta đã bẻ bết máu đào trên mặt ghế. Bấy giờ mới ngưng không đánh nữa, mà đuổi đi ngay.

Đạo nhân bèn rời khỏi Tế-nam. Sau, có người gặp y ở Kim-lăng (nay đổi tên ra Nam-kinh, thuộc tỉnh Giang-tô), cách ăn mặc cũng vẫn như xưa. Hỏi y, chỉ cười mà chẳng đáp.

BỒ-TÙNG-LINH

(1640-1715)

Bản dịch của KIỀU-YIÊU

- ★ Thế gian chỉ thật sung sướng khi nào mọi người đều có tâm hồn nghệ sĩ, nghĩa là đều vui vẻ làm việc của mình. (Rodin)
- ★ Người thủ lãnh không hề ngạc nhiên khi gặp nghịch cảnh, mâu thuẫn, khó khăn.

Một việc bất tường xảy đến, phản ứng đầu tiên của người ta thường là oán trách, than van hoặc giận dữ. Đó là điều bất lợi vì làm hao phí mất nhiều nghị lực. Tốt hơn là lạnh lùng nhìn thẳng vào việc, cố gắng biến rủi thành may và nhảy vọt lên.

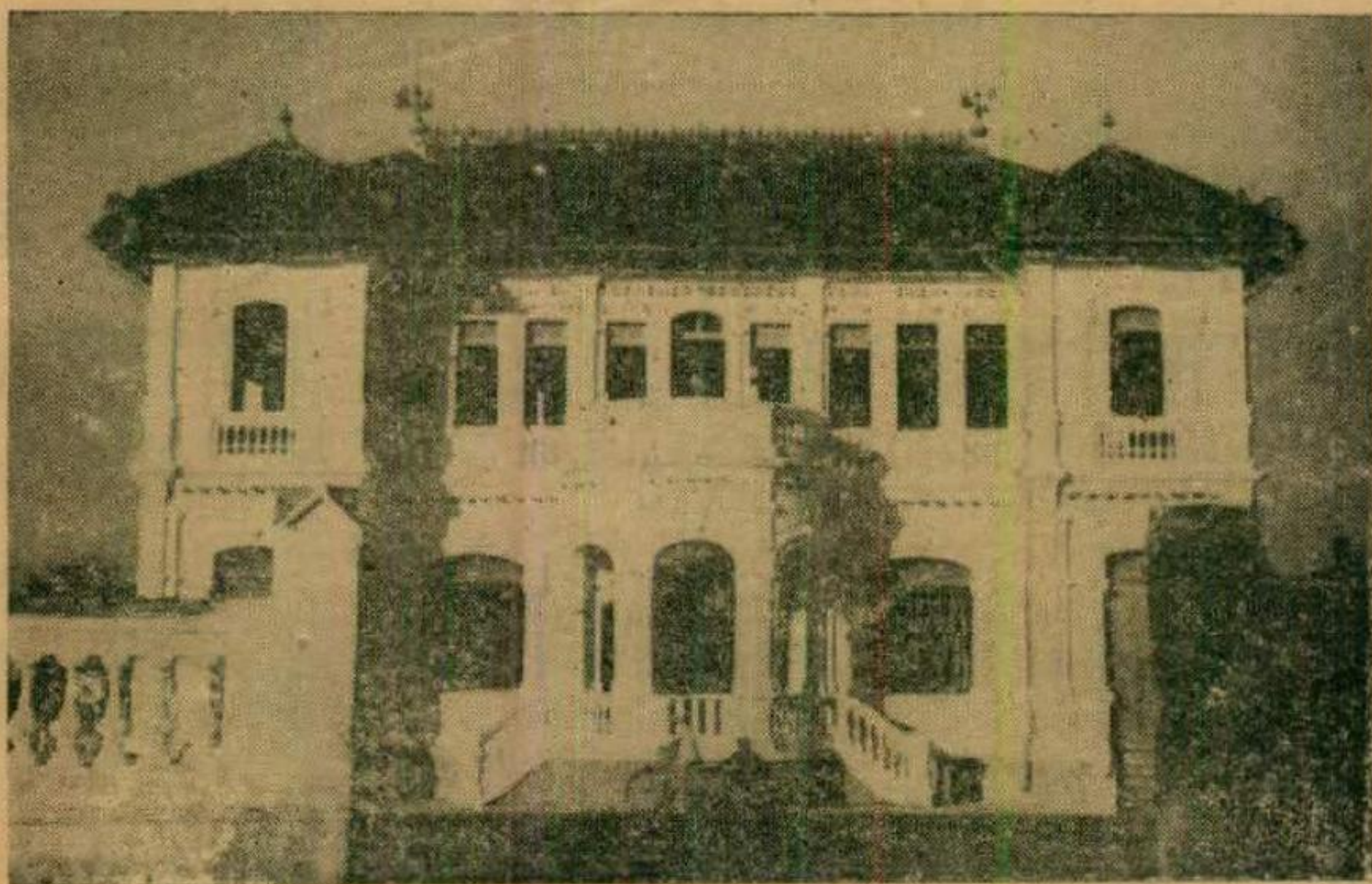
TRUNG-HỌC TƯ-THỰC

« TÂN - PHƯƠNG »

341. — LÊ-QUANG-ĐÌNH — GIA-ĐÌNH. — 341

Mẫu giáo — Tiểu-học — Trung-học đệ nhất cấp và
Chuyên-khoa.

TỔNG KHAI GIẢNG : 1-10-1958.



Đây, ảnh ngôi biệt thự dùng làm trường sở
(Với nhiều dãy nhà bị che phía sau)
trên một khu đất rộng 6.000m²

— Một cơ sở giáo dục quan trọng, xứng đáng với địa vị lịch sử, văn hóa, xã hội của tỉnh Gia-định là tượng trưng cho Sinh-lực phong phú của giống nòi.

— Một sự hợp lực của giáo giới chuyên nghiệp đánh dấu một tiến bộ về tinh thần cộng đồng vạn năng.

— Giáo ban sáng lập : Ô.Ô. Lâm Tô-Bông, Nguyễn-V.Chữ, Bùi-Văn-Giai, Nguyễn-Lương-Hưng, Nguyễn-Hữu-Ngự, Phan-Ngô, Thiên-Giang.

ĐÔI LỜI GIỚI THIỆU

Chúng tôi là một nhóm giáo sư chuyên nghiệp, tin tưởng ở thiện chí, kinh nghiệm, nhiệt huyết và nghĩa vụ của mình nên sáng lập ra trường TÂN-PHƯƠNG với :

Mục đích : giúp vào sự phát triển và phổ biến giáo dục của Chính phủ Cộng-hòa Việt-nam.

Tôn chỉ : chấn chỉnh học phong theo tinh thần mới :

NHÂN BẢN — DÂN TỘC — KHAI PHÓNG

Ban Cố vấn và Giáo ban

Quốc văn — Sử-Địa :

Ô.Ô. Bình-Nguyên-Lộc	Nguyễn-Hữu-Ngư	Thiên-Giang
Đồng-Tuy	Nguyễn-Lương-Hưng	Bà Tùng-Long
Đỗ-Thiệu	Nguyễn-Thùy	Trần-Đình-Sung
Hư-Chu	Phan-Ngô	Vũ-Ký
Nguyễn-Hiến-Lê	Tạ-Ký	Lê-Thương

Hợp — Anh văn :

Ô.Ô. Bùi-Thường	Lê-Văn-Lương	Bà Công-Tôn Nữ-Đức
Hoàng-Xuân-Chi	Lê-Vân	Vũ-Phương
Huỳnh-Hòa		

Toán Lý Hóa Vạn vật :

Ô.Ô. Bùi-Ngọc-Mai	Lương-Duyên-Trinh	Nguyễn-Nhật-Thắng
Bùi-Văn-Giai	Nguyễn-Khai	Trần-Kim-Thạch
Đỗ-Trợ		

Âm nhạc — Hội họa — Nữ công :

Ô.Ô. Dương-Minh-Hòa	Minh-Tuyền	Bà Văn-Trang
Lê-Thương		

Đặc biệt : « Nhóm bạn trẻ em Việt-Nam » làm cổ vấn cho
ban **Mẫu-giáo.**

Cô TRẦN-THỊ-HÀNG : Tốt-nghiệp Tân-học-đường nước Bỉ (Belgique), từng thực-tập tại những trường Mẫu-giáo lớn Âu-châu ; nguyên hiệu-trưởng trường Mẫu-giáo *Sancta - Lucia*.

Cô HỢP-PHỐ : Hiện điều-khiển các lớp Tân-giáo-dục của *Ấu-trí-viện* tỉnh Gia-dịnh.

Cô TRẦN-THỊ-KIM-THẢO : Giáo-viên các trường Mẫu-giáo *Sancta - Lucia*, *Thévenet*.

Cô THOẠI-NGUYỄN (Nguyễn-Thị-Thoại-Dung) : Nguyên hiệu-trưởng trường Mẫu-giáo *Họa-Mĩ*, giáo-viên *Tơ-Vàng* (1945-46) *Aurore*, Nguyễn-Hiến-Lê (từ 1952).

TỪ ĐIỂN Y NGỮ VIỆT-NAM

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

(khởi đăng từ B. K số 39)

A

accommodation :

(T) : — Điều tiết, —

— Thích ứng.

(N) : Điều tiết tác dụng, —

— Viễn cận điều tiết.

(V) : — Sự điều tiết viễn cận (của mắt.

— Sự thuận thai (về sản khoa).

accommodomètre :

(T) : Nhãn điều tiết kế.

(N) : — Điều tiết kiểm tra khí.

— Cận điểm kế, — Cận điểm trắc định khí.

(V) : Máy đo điều tiết.

accouchement :

(T) : Phân miễn, — sinh sản.

(N) : Phân miễn.

(V) : Đẻ, — sinh đẻ.

accouchement artificiel :

(T, N) ; Nhân công lưu sản.

(V) : Lấy thai.

accouchement au forceps :

(N) : Kiểm tử phân miễn.

(V) : Lấy thai bằng kềm, bằng cặp, bằng phóc xép.

accouchement aux fers : x. c ; accouchement au forceps.

accouchement dirigé : x. c. Accouchement médical.

accouchement électrique : đỡ đẻ điện, — Tên một phép đỡ đẻ không đau bằng cách dùng điện.

accouchement facile :

(N) : An sản.

(V) : Đẻ dễ.

accouchement forcé :

(T) : Cường sức phân miễn.

(N) : Cường lực phân miễn pháp.

(V) : Đỡ đẻ theo phép cường sức.

accouchement gémellaire :

(N) : Song thai phân miễn.

(V) : Đẻ sinh đôi.

accouchement laborieux :

(N) : Nan sản.

(V) : Đẻ khó.

accouchement médical (dirigé) : Cách
dễ đẻ chóng và bớt đau.

accouchement par le siège :

(N) : Đỉnh vị phân miễn.

(V) : Đẻ ngược, dít ra trước.

accouchement par les pieds :

(N) : Túc vị phân miễn.

(V) : Đẻ ngược, chân ra trước.

accouchement post-mortem :

(Birth still) :

(T) : Tử sản.

(V) : Tử sản.

accouchement précipité :

(N) : Truy lạc phân miễn.

(V) : Đẻ gấp, đẻ hối.

accouchement prématuré :

(N) : Tảo sản.

(V) : Đẻ non.

accouchement prolongé :

(N) : Thiên diên phân miễn.

(V) : Đẻ lâu, đẻ rặng rai.

accouchement retardé :

(N) : Vãn kỳ sản.

(V) : Đẻ chậm, đẻ hoãn.

accouchement sans douleur :

Đẻ không đau.

accouchement transversal (Birth
cross) :

(T) : Hoành sản.

(V) : Đẻ ngang.

accouchement trigémellaire :

(N) : Tam thai phân miễn.

(V) : Đẻ sinh ba.

accoucher

(N) : Phân miễn, —

(V) : Đẻ. — Đỡ đẻ.

accoucheur

(T) : Sản khoa y sư.

(N) : Sản khoa y.

(V) : Người đỡ đẻ.

accouplement :

(N) : Giao vĩ, giao tiếp.

(V) : — Sự giao cấu, sự phối hợp ;

— Sự bắt cặp, — sự mắc lẹo.

accoutumance :

(N) : Tập quán.

(V) : Sự nại thuốc.

accoupage :

(N) : Nhân công phụ noãn.

(V) : Sự ấp trứng (bằng lò).

accroissement :

(N) : Thành trưởng, — Phát dục, —
Tăng gia.

(V) : Sự tăng thêm, sự nhón lên.

accroupissement : Sự ngồi xòm, — ngồi
chồm hòm.

accumulateur :

(T) : Súc điện chì.

(V) : ắc-quy.

accumulation :

(T) : Súc tích. — Lũy tích.

(N) : Súc tích.

(V) : Sự thâu góp, — sự tích đọng, ứ
dồn.

acedia :

(T) : Chú ý bất năng.

(N) : Vô quan tâm, — Bất cảm chứng.

(V) : Bệnh lơ dểnh, — đãng trí.

acelia (acoelia) :

(T) : Vô phúc.

(N) : Thê xoang khiếm như.

(V) : Không có bụng (quái thai).

acéognosie :

(N) : Dược tế học.

(V) : Dược tế học.

acéologie :

(T) : Dược liệu học.

(N) : Trị liệu học.

(V) : Dược liệu học.

acéphalémie :

(T) : Đầu bộ huyết dịch khuyết pháp.

(V) : Chứng thiếu máu trong đầu.

acéphalie (acephalia, acephalism) .

(T) : Vô đầu.

(N) : Vô đầu nhi.

(V) : Quái thai không đầu, hoặc thiếu một máng đầu.

acephalobrachia :

(T) : Vô đầu tí.

(N) : Vô đầu, vô uyển kỳ hình.

(V) : Quái thai không đầu và tay.

acephalocardia :

(T) : Vô đầu tâm.

(N) : Vô đầu vô tâm kỳ hình.

(V) : Quái thai không đầu và tim.

acephalochiria :

(T) : Vô đầu vô thủ kỳ hình.

(N) : Vô đầu vô thủ kỳ hình.

(V) : Quái thai không đầu và bàn tay.

acéphalocyste :

(T) : Vô đầu nang.

(N) : Vô đầu bào tử.

(V) : Loại sản không đầu.

acéphalogastre :

(T) : Vô đầu hung thượng phúc kỳ thai.

(N) : Vô đầu vô khu can kỳ hình nhi.

(V) : Quái thai không đầu và ngực bụng.

acephalopodia :

(T) : Vô đầu vô túc kỳ hình.

(N) : kỳ . .

(V) : Không đầu và bàn chân.

acephalopodius :

(T) : Vô đầu vô túc kỳ thai.

(N) : kỳ hình nhi.

(V) : Quái thai không đầu và bàn chân.

acephalorachia : (acéphalorrhachie) :

(T) : Vô đầu vô tích.

(N) : truy kỳ hình.

(V) : Quái thai không đầu và xương sống.

acephalostomia (acephalostomy) =

(T) : Vô đầu vô khẩu kỳ hình.

(V) : Quái thai không đầu và mồm.

acephalothoracia :

(T) : Vô đầu hung.

(N) : vô hung kỳ hình.

(V) : Quái thai không đầu và ngực.

acephalus (headless monster) :

(T) : Vô đầu kỳ thai.

(N) : Vô đầu thê, — vô đầu nhi.

(V) : Không có đầu, — quái thai không đầu.

acephalus dibrachius :

(T) : Song tí vô đầu kỳ thay.

(N) : Nhị uyển vô đầu nhi.

(V) : Quái thai không đầu và có hai tay.

acephalus dipus :

(T) : Song túc vô đầu ky thai.

(N) : Nhị túc vô đầu nhi.

(V) : Quái thai không đầu và có hai chân.

acephalus monobrachius :

(T) : Đơn tí vô đầu thai.

(N) : Nhất uyên vô đầu nhi.

(V) : Quái thai không đầu và có một tay.

acephalus monopus :

(T) : Đơn túc vô đầu ky thai.

(N) : Nhất túc vô đầu nhi.

(V) : Quái thai không đầu và có một chân.

acephalus paracephalus :

(T) : Bất toàn lô vô đầu kỳ thai.

(N) : Đầu lô phát dục bất toàn tính vô đầu nhi.

(V) : Quái thai không đầu, sợ dứa chưa hoàn thành.

acephalus sympus :

(T) : Tính túc vô đầu ky thai.

(N) : Hạ thê du hợp vô đầu nhi.

(V) : Quái thai không đầu và có hai chân dính làm một.

aceratose (akeratosis, acératosis) :

(T) : Giác hóa bất toàn

(N) : Giác chất hình thành bất toàn, — giác chất khiếm như.

(V) : chưa hoàn toàn hóa sừng.

acerbe :

(T) : Toan vị.

(N) : Toan.

(V) : Chua chát.

acerbophobia (acerbophobie) :

(T) : Toan vị khủng bố.

(V) : Chứng sợ của chua.

acervule (pineal calculus, brain sand acervulus cerebri) :

(T, N) : Não sa.

(V) : Cát óc, sạn óc.

acervuloma (acervulom, psammoma) :

(T) : Sa dạng lưu.

(N) : Não sa chủng.

(V) : Bướu cát óc.

acescence :

(T) : Biến toan.

(N) : Toan bại, — Toan vị.

(V) : Sự hóa chua, ngả chua, — Vị chua.

acesodyne :

(T) : Chỉ thống, — chỉ thống dược.

(N) : Trấn thống, — trấn thống tể.

(V) : khỏi đau, — thuốc chữa đau.

acet (aceto, aceta, vinegars) :

(T) : Toan tể.

(N) : Thố toan.

(V) : Chát chua, chát giấm, — Thuốc chua.

acétabulum (cavité cotyloide) :

(T) : Bì cứu, — Khoan cứu.

(N) : Khoan cốt cứu.

(V) : Hốc xương hông.

acétabulectomie :

(T, N) : Khoan cứu thiết trừ thuật.

(V) : Thuật bỏ hốc xương hông.

acétabuloplastie :

(T, N) : Khoan cứu thành hình thuật

(V) : Thuật gây lại hốc hông.

(Còn tiếp)

Giáo - Dục Phổ - Thông

Bán nguyệt-san xuất bản vào những ngày
mồng 1 và 15 mỗi tháng

Chủ nhiệm : PHẠM-QUANG-LỘC

với 3 đặc - điểm

- Tài-liệu chính-xác và độc-đáo về văn-học bổ ích chung cho những ai tha thiết đến vấn đề văn-học nước nhà.
- Biên - khảo công phu về âm - nhạc, khoa - học, luật - học cần yếu.
- Sáng-tác hấp-dẫn lành-mạnh.

Bộ Biên Tập

- | | |
|-------------------|---------------------|
| — Bình-Nguyên-Lộc | — Nguyễn-Hiền |
| — Châu-Hải-Kỳ | — Nguyễn-Trường-Sơn |
| — Giang-Tân | — Nguyễn-Văn-Thanh |
| — Hoài-Khanh | — Phạm-Quang-Lộc |
| — Huy-Sơn | — Phùng-Bá-Khanh |
| — Kiêm-Đạt | — Thái-Bạch |
| — Kim-Tuấn | — Võ-Liệu |
| — Lê-Thành-Nhân | — Vũ-Anh-Tuấn. |
| — Nguyễn-Ngu-Í | — Vũ-Đằng |

Giá mỗi số : 8 \$

Sáu tháng (12 số) : 90 \$

Một năm (24 số) : 180 \$

- Thư từ, bài vở xin gửi về :

Tòa soạn « Giáo-Dục Phổ-Thông » 8 Ngô-Đức-Kể — Saigon

- Tiền bạc, ngân phiếu, xin đề tên : Ô. Nguyễn-Văn-Thanh.

« Hộp thư Danh từ địa phương »

- ★ **Bạn Lương-Huy.**— *xã Hòa-thành, quận Quán-long, An-xuyên.*— Đúng như ý nghĩ của bạn: nếu tất tất cả đều ngại ngùng, thì việc làm của hai tôi làm sao mà đủ, mà rõ, mà đúng được. Việc chúng tôi làm không lệ thuộc thời gian, và cần được sửa chữa, bồi bổ mãi. Về tiếng « *đăm* », trong số 41, chúng tôi có nói qua, và kì này có nói rõ. Còn về « *nò* » thì đính chánh ở số 40, song vì không còn chỗ nên phải để vào số 41, hân giờ bạn đã hết thắc mắc. Rất cảm ơn lòng sốt sắng của bạn. Mong được hình vẽ các thứ nò nơi quê bạn (bằng mực **đen**) và cùng mong bạn góp sức cho đến khi nào miền An-xuyên hết... danh từ địa phương để bạn sưu tầm.
- ★ **Ông Lương-Tài.**— *Kiến-hòa.*— Việc làm của chúng tôi dài hơi, khó khăn, sức đôi người đảm đương sao cho trọn vẹn, hoàn toàn. Điều này, chúng tôi đã hơn một lần thưa cùng bạn đọc — ngay trong bài mở đầu — và mong sự góp ý, góp sức của tất cả đọc giả « *Bách-khoa* ». Có lẽ ông không đề ý nên mới cho rằng hai chúng tôi làm sao mà làm cho đủ, cho đúng, cho hay được. Vì nhiều bức đàn anh bận việc nhiều, vì quá dấn đo, không chịu làm, nên chúng tôi buộc lòng phải « *đi trước* » đấy thôi. Còn về định nghĩa chữ « *chích* », thì chúng tôi đã từng thưa rằng, chúng tôi chỉ nói đến cái nghĩa « *địa phương* » thôi, còn tất cả nghĩa của mỗi chữ, thì xin đề cho các nhà làm đại từ điển. Mong Ô. đọc lại kỹ những bài trước của chúng tôi.
- ★ **Bạn Cô-Liêu.**— *Đa-ca-o.*— Cảm ơn bạn đã góp ý về khoảng danh từ tương đương Bắc và Nam. Sẽ bàn lại với bạn trong bài kỳ VI.
- ★ **Ông Huỳnh-Nhâm,** *Hội-an.*— Cảm ơn ông đã góp ý về « *cái nò* » và « *chỗ nò* ». Những tiếng khác, chúng tôi xin đợi gặp dịp sẽ công bố. Rất mong ông vui lòng tiếp tục.

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

ĐÍNH CHÁNH « DANH TỪ ĐỊA PHƯƠNG »

B. K. số 39, trang 60, cột 2, dòng áp chót: « *bã, bã này* », xin sửa lại: *bả*; *bả này* (dấu hỏi). trang 62, cột 2, dòng 29: « *ốp vô* », xin sửa: « *áp vô, a vô* ».— Số 41, trang 56, cột 1, dòng 17: « *treo mún* », xin sửa lại: « *treo mùng* »; trang 59 cột 2, dòng đầu: « *ống ngoài* », xin sửa lại: « *ống ngoài* »; trang 60 cột 1, phần « *Phụ* », dòng 6, xin thêm chữ *ông* trước *Lê-Thọ-Xuân*.

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

Trong khi đó, bên Tăng-phủ rất đổi mang loạn, náo nhiệt. Trù bị được đủ mọi việc, thực là trăm đầu, ngàn mối. Nào ken hoa, kết lá, treo đèn; cả cái phòng bệnh của tân lang cũng được trang sức hân hoan; từ bàn, ghế, đài nến, chậu rửa mặt, bình phóng, cho tới cái màn cửa, nhất nhất, cái gì cũng là mới hết; cả chăn, màn cũng đều thay bằng thứ mới, duy có chiếc giường bệnh thì để nguyên cũ thôi.

Nhân dịp tết đoàn ngũ vừa qua, ở trên cửa ra vào, có treo một bó cỏ « xương-bò », nay cũng bỏ đi, và thay thế bằng một đóa hoa tết toàn nhiều đỏ, mà hai cái dải thì căng ra hai bên cột cửa, rồi bỏ thông xuống.

Để đuổi sạch hơi hướng và tà khí đi, người ta đưa tạm bệnh nhân sang phòng bên, rồi đốt cỏ « xương-bò » để xông; xong đâu đấy, mới lại đem Sam-A về. Bây giờ, gian phòng đã đổi hẳn cảnh tượng, vì cái gì cũng mới; vì màu hồng, màu đỏ, nó ánh lên, mà làm cho toàn thể khởi sắc hẳn lên, trông rất vui tươi, lộng lẫy.

— Có lẽ, vì sự tấp nập, rộn rịp mà Bản-A thấy mệt hơn, đầu nhức, mắt hoa, bụng cồn cào, lưỡi cứ dày cộp lên;

người cậu thì nóng bừng bừng, mà chân tay lại giá lạnh; mạch lạc thì vừa chậm, vừa yếu; như vậy, đủ rõ, cậu thiếu máu và con tim rất đổi suy nhược. Vị thái y phải nhấn mạnh vào cổ tay mới thấy được mạch. Theo đông y thì lấy sự chẩn mạch để xem bệnh trạng, cũng như tây y thì căn cứ vào tờ biểu nhiệt độ của bệnh nhân. Tuy thế, Bản-A vẫn tỉnh; ai nói gì cậu vẫn nghe rõ; thần chí của cậu không đến nỗi rối loạn, nhưng cậu hết sức mệt mỏi, nên cậu không muốn nói, không muốn cự quạ, lúc nào cậu cũng lim dim cặp mắt, ngủ gà, ngủ vệt. Hình như cậu cũng mơ hồ nhận thấy rằng, hôm nay là ngày cưới của cậu.

Ở ngoài mặt Tăng-công-quán thì không trang hoàng, phô trương một tí gì cả, chỉ ở trong, thì tung bừng, nhộn nhịp; tất cả a hoàn, bộc dịch đều xúng xính, mỗi người một bộ quần áo mới. Chị Tuyết-Hoa cũng gài thêm một cành trâm ở trên đầu, và đeo vào tai một đôi hoa tai mới.

— Chiều nay, ông Tăng-Văn-Phác cũng nghỉ ở nhà, không đi hầu; Khâm-A và Tân-A cũng không đi học; hai anh em được sai đi mua một vài thứ vật vãnh, mua pháo và đi kêu phường bát âm,

KHOÍ LỬA KINH THÀNH

cùng là đặt sẵn họ ở cửa để đón dâu. Ở cái sân, trước phòng của Bàn-A, đã đặt một ban « tiểu-đường », trong đó gồm có mấy ống tiêu, ống sáo, mấy cái hồ, cái nhị, và vài cây đàn, để tấu những bản nhạc êm dịu, nhẹ nhàng khi hành lễ; về việc này cũng đã có thuê một người xướng lễ và một người « bạn nương » tức là một thứ phù dâu, nhưng người phù dâu này là một người chuyên nghiệp giữ cái trọng trách giúp đỡ cô dâu trong các cuộc hành lễ, chứ không phải chỉ đi kèm cô dâu để cho cô dâu đỡ ngượng mà thôi.

Nguyên do, việc gỡ đầu, chải tóc và kết tóc cũng là gài trâm, cho cô dâu, mất rất nhiều thời giờ, nên bữa cơm sáng hôm đó, phải dùng thật sớm.

Khi kiệu hoa tới nơi, thì cô dâu chỉ việc đội cái mũ hoa lên, rồi người ta lấy một cái mạng bằng nhiều điều che trước mặt cho cô dâu, che thật kín mít để cho người ngoài không thể nào nhìn thấy được một tí nào mặt của cô dâu.

Bà thân mẫu của cô dâu đã lên kiệu, đi tới Tăng-phủ trước.

Còn bà mẹ cô Mộc-Lan thì ngồi vào cái kiệu của bà mối, kiệu này cũng đi vào hàng ngũ của đám rước dâu.

Khi cô dâu bước lên, ngồi vào kiệu xong, người ta liền buông rèm xuống kín mít như bưng, kín cho đến nỗi, cô dâu cũng không thể nhìn thấy đường đi, thế nghĩa là cô dâu cứ ngồi « thúc thủ » ở trong kiệu, rồi người ta muốn khiêng đi đâu thì đi. Trong khi ấy, người đi lại ở đường cũng không thể nhìn thấy bóng của cô dâu ở trong kiệu.

Ở bên nhà trai, thì cả nhà, cho tới cả người tôi tớ cũng đều đón đợi ở

cổng. Còn trong nhà, thì đầy một nhà người nào các vị thái-thái, các cô tiểu thư, các cô bé, cậu bé và a-hoàn, trong số đó, một phần là người bên nhà họ Ngưu, và Ngưu-tiên-sinh vốn là bạn đồng liêu của Tăng-tiên-sinh.

Ái-Liên và em nó là Lệ-Liên, hai đứa con gái do Quế-Cò sinh hạ cùng quần áo xênh xang, dắt nhau ra tận cửa để đón dâu.

Không bao lâu, đám rước đã tới nơi, đi trước là phường bát-âm. Pháo nổ inh ỏi. Ban nhạc nhà trai nổi tấu. Hai cánh cổng đã được mở rộng ra. Người ta đã trải một cái thảm bằng vải đỏ, suốt dọc cả lối đi của cô dâu, từ cổng vào cho tới sảnh đường.

Ái-Liên và Lệ-Liên cố len lách để xem cho bằng được mặt cô dâu, nhưng, không sao thấy được, vì cô dâu vẫn ở trong kiệu hoa, mà ở bên ngoài, người ta đã trùm kín đi bằng cái áo kiệu, áo kiệu làm bằng vóc thêu toàn những con thiên nga. Trẻ con hàng xóm và các người con gái, đàn bà, ở lân cận đều xúm xít, chen chúc, ở sau cái kiệu hoa, nên hai chị em Ái-Liên cơ hồ như bị đẩy bật hẳn ra mãi tận đằng xa.

Khi cái kiệu hoa vào tới thềm của nếp nhà thứ hai, thì dừng lại, người khiêng kiệu phải thay những cái đòn bằng tre nó vướng, vì dài quá. Họ dùng những đòn gỗ, sơn đỏ, ngắn hơn, thay vào.

Điều-phu-nhân, ở địa vị bà mai, ở trên kiệu bước xuống trước nhất. Theo tục lệ người ta đưa mời bà uống một chén nước chè « quế-viên ».

Cô dâu vẫn núp kín ở trong hoa kiệu, cô vừa thấy nóng bức, vừa thấy nhức cả đầu, hoa cả mắt và cũng mù mịt, chẳng còn rõ ở đây, là nơi nào nữa.

Điều-phu nhân đã được biết rằng hôn lễ bắt đầu ở từ đường ; thường thường thì cô dâu và chú rể phải bái tổ ở đây trước tiên, nhưng trong trường hợp này, vì chú rể ngoại bệnh, nên chỉ có một mình cô dâu làm lễ thôi.

Tất cả người dự lễ cùng là người tò mò ở lân bang đều kéo nhau chực sẵn cả ở từ đường. Họ đi lát đề tới đó trước, chứ không đi theo hoa kiệu vì hoa kiệu phải noi theo đường chính nên phải đi quanh nhiều nếp nhà, và dỗi theo mấy cái hành lang cực dài.

Ban nhạc khởi tấu. Người tán lễ đầu đội mũ « hồng-anh » có dát kim diệp, cất giọng, xướng : « Thỉnh tân nương thăng đường !... Bộ, bộ, cao thăng !... Thỉnh !... »

Điều-phu-nhân và người phụ dâu tiến tới, mỗi người một bên hoa kiệu, vén rèm lên, rút cái ngang ti tay ở cửa ra, rồi đỡ cô dâu ra khỏi kiệu. Man-Ni, vừa ngạt thở, vừa bị cái mũ phượng quá nặng, nó đè trĩu lên đầu, khó chịu đến sắp sửa ngã xỉu đi, thì vừa may, nàng được người ta đỡ ra khỏi kiệu. Nàng thở mạnh, vô cùng khoan khoái, nhưng trước mặt nàng vẫn còn cái mạng đỏ nó bung kín lấy mắt, nên, bà mai và người bạn nương phải dìu nàng đi đâu, thì nàng cứ bước theo, chứ quả thiệt, đường đi, nàng cũng không trông thấy.

Trong những tiếng đàn, tiếng sáo diu dặt, cùng những tiếng pháo nổ inh ỏi, cô dâu được dìu dặt, bước lên bậc thềm nhà từ đường.

Mộc-Lan chạy lại bên nàng và rí vào tai nàng : « Tỉ tỉ ơi ! cứ vững tâm nhá, mà em đương dắt chị đi đấy... Và em cũng ở bên chị đây !... » Man-Ni vẫn nhìn xuống đất và chỉ trông thấy chân

của Điều-phu-nhân và của người bạn nương thôi. Nàng cũng nhận ra cả hai bàn chân to, không bó, của Mộc-Lan nữa.

Mộc-Lan có cái cảm giác là bao nhiêu con mắt đều đổ dồn cả vào chính mình. Nào các vị thái-thái, các tiểu-thư, các chị a-hoàn đều chú mục vào cô, nhưng cô chẳng hề thấy thẹn thùng một tí nào cả. Vả, trong những đám cưới như thế này, cái giới hạn nó thường ngăn các nam, nữ, tạm thời được cởi mở. Chỉ trong lúc này, các cậu con trai lạ, mới có cơ hội để « hồ thị » các cô con gái, vì bình nhật, các cô đều núp kín ở trong thâm khuê. Trái lại, các cô tiểu thư cũng không bỏ qua cái dịp hiếm có đó, để ngắm các trang thanh niên tuấn tú. Bởi vậy, mỗi cái quan sát của Mộc-Lan đều hoạt động một cách miễn-nhuệ. Không những cô chỉ đưa mắt nhìn các người mà thôi ; cô lợi dụng cả thính giác, khứu giác, cả các lỗ chân lông và cả từng sợi dây thần kinh. Cái cảm giác của Mộc-Lan cũng là cái cảm giác của Mạc-Sầu và của tất cả các cô thiếu nữ khác, vậy. Đối với toàn thể phụ nữ, hình như họ được trời phú cho một cái quan năng đặc biệt, là họ không cần phải trở mắt nhìn chăm chăm vào mặt ai, để nhận ra ai là người thân, ai là kẻ sơ, ai là người yêu mình, ai là kẻ ghét mình, cái quan năng thần bí đó, người tây-phương đã mệnh danh nó là cái « quan năng thứ sáu ». Đối với phụ nữ, nó rất đối chính thường, nghĩa là nó tự nhiên sẵn có, không cần phải học tập hay rèn luyện. Thiệt tình, ở trong nhiều trường hợp, người đàn bà có thể, vừa nghe hai người nói chuyện, vừa để mắt nhìn các người khác, từ đầu, tới chân, rồi áo quần, vành cánh, giày dép, họ

chỉ nhìn gộp một cái là nhận rõ hết, không khác gì có những người đọc sách, họ có cái khiếu chỉ nhìn một cái, mà quán hẳn được cả mười dòng chữ ngay một loạt. Ấy cũng vì sự kích động đầy hứng vị đó, mà phụ nữ rất ưa, hoặc đi xem, hoặc đi dự, các đám ma, cũng như các đám cưới.

Nội trong tất cả cái đám người dự lễ cưới, Mộc-Lan chú ý nhất là Ngưu-phu-nhân. Bà là một người đã đứng tuổi, mặt vuông, trán hẹp và thấp, mồm rộng và luôn luôn cử động với cái môi trên dài ra. Cứ theo sự kinh nghiệm thì cái tướng đó là tướng của những bà mẹ chồng đão đề, khôn ngoan đủ vánh, hoặc của những thống trị gia có tài nhưng rất mực chuyên chế và độc đoán như thái hậu Từ-Hi, chẳng hạn. Một người nam nhân mà có cái lối « mặt ngựa » đó thì, phi làm tới nhân thần cực phẩm, cũng đảm đương những uy quyền hống hống, hách hách, chứ chẳng không. Còn như, phụ nhân, mà có cái tướng mạo đó, thì sự thông tuệ của họ trộn lẫn với một bộ óc vô cùng thực tiễn, sẽ cấu thành những thứ kết quả khốc hại, hoặc những quái vật kinh nhân. Cái hạng người đó, thường thường có một thứ ngôn ngữ rất mềm mỏng, dịu ngọt, với cái bề ngoài thơn thớt dễ dàng nhưng ở trong những cái đó, có tiềm tàng không biết bao nhiêu nham hiểm và ác độc. Một khi đã đề tâm tranh quyền, đoạt vị, thì không còn có ai, không còn có sức gì ngăn cản nổi. Tự ngàn ta đã thấy xưa bao vị phi hậu có cái sắc khuynh quốc, khuynh thành, bao vị vua chúa có quyền thế hẳn hoi đã bị cái hạng đàn bà nói trên đây ám hại hay lật đổ, một cách dễ dàng như trở bàn tay, vậy !

Man-Ni chẳng đề ý tới một ai cả. Nàng

chỉ mong sao cho các việc hoàn thành mau chóng, những việc mà chính nàng, nàng không kiểm điểm, không quán xuyến nổi, những việc mà nàng cho rằng mệnh vận đã chú định ; đối với nó, nàng không thể nào trốn chạy được mà chỉ có việc vâng theo. Nàng tin rằng, cái mệnh vận do trời đã an bài từ ngay trước khi mình sinh ra làm người ; cho nên, nàng không hồ nghi, không do dự, nàng nhất nhất vâng theo số mệnh !

Bắt đầu, người bạn nương cầm một góc cái mạng đỏ che mặt cô dâu, và sẽ nhắc lên ; Tăng-phu-nhân mới lấy cái cán của một chiếc cân còn mới nguyên, gói vào trong giấy hồng điều, rồi nhẹ nhàng khều cái mạng đỏ, và hất nó lên hẳn tận đỉnh đầu cô dâu. Sở dĩ người ta dùng cái cán cân là vì cái cân là ý nghĩa của bốn chữ « xứng tâm như ý », muốn sao, được vậy, cầu được, ước thấy. Tất cả đều yên lặng. Khi cái mạng đã được khều lên rồi thì bao nhiêu lời tán thưởng ầm ầm nổi dậy, thiệt không khác gì khi người ta mở cái màn bao phủ của một pho tượng tuyệt tác trong một cuộc lễ khánh thành, vậy.

Man-Ni, lúc ấy thiệt không khác gì một cái máy, nàng cứ nghe người ta bảo sao, thì làm theo. Người tán lễ xưng :

« Quí ! » Cô quí xuống.

« Khấu thủ ! » Cô cúi đầu, lễ.

« Tái khấu thủ ! » Cô lại cúi đầu, lễ.

« Tam khấu thủ ! » Cô cúi đầu đủ ba lần.

(còn nữa)

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG



PHỎ-THÔNG

TẠP - CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đốc : NGUYỄN-VỸ



với sự Cộng - tác của rất nhiều nhà Văn, nhà thơ có tiếng tăm, các nhà Bác-học, Giáo - sư Trung - học, Đại - học, Bác - sĩ, Họa-sĩ, Nhạc-sĩ, các nhà trí thức lão thành và thanh niên, có chân tài và uy-danh trong Nước và Hải ngoại.



Một tạp - chí Văn - hóa duy - nhất, đầy đủ, rất hấp - dẫn, về tất cả các bộ môn Văn-nghệ và các ngành Văn-hóa. Kỹ thuật ấn-loát tân-tiến.

Số 1 phát hành đầu tháng 10 d. l.

Tòa soạn : 227 Phạm-Ngũ-Lão Saigon

Nhân dịp khai giảng 1958

Các bạn học sinh nhớ đón mua :

BÀI DỊCH THI ANH - VĂN

(Trung - Học Đệ - Nhất Cấp)

Gồm có 80 bài dịch Anh-Việt đã được chọn làm đề thi cho B.E.P.C. ở Pháp.

của TRƯƠNG-VĂN-TÂN
và NGUYỄN-VĂN-XUNG

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

✱ **Tập kỷ yếu hội Khuyến-học Nam-Việt**, do hội Khuyến-học Nam-Việt gởi tặng.

✱ *Luận án thi Tiến-sĩ Văn-chương Pháp* của bạn Trần - Văn - Khê, nhan đề :

« **La musique vietnamienne traditionnelle** »

(Thèse pour le Doctorat d'Université présentée à la Faculté des Lettres de Paris).

Luận án này gồm hai quyển, cỡ 21 x 28; 480 trang, in ronéo.

✱ « **Hỏi ngã Tự-vị** » của giáo sư Từ-Phát, do tác giả gởi tặng, gồm có phần lý thuyết về mẹo luật và phần tự vựng đầy đủ những tiếng hỏi ngã, rất ích lợi cho mọi người muốn viết đúng hỏi ngã.

Sách dày 334 trang, giá 33\$

Trân trọng cảm ơn Hội Khuyến-học Nam-Việt, các tác giả và xin ân cần giới thiệu với bạn đọc thân mến.



Chúng tôi vừa nhận được :

« **Hiển-Pháp Hồi-Quốc** » của Ô. Đoàn-Thêm, do tác giả gởi tặng. Đây là một trong loạt bài nghiên cứu, về Hiển-Pháp lấy tên chung là « **Lược khảo về Hiển-Pháp các nước Á-châu** » của ông Đoàn-Thêm.

Xin trân trọng cảm ơn tác giả và ân cần giới thiệu với các bạn đọc thân mến.

Các nhà giáo dục !

Phụ huynh học sinh !

Xin xem :

Đặc san **Trung thu**

(Số đặc biệt đầu năm về tranh thu của tạp chí **Thống-Tiến**, cơ quan văn Lộc của **Hiệu-đoàn Tân-thịnh**).

Ở xa xin gởi 10đ. bạc tem cho.

Ô. Phan-Ngô, trường Tân-thịnh 2-8 và 49, đường Đinh-Công-Tráng, Sài Gòn - Tân-dịnh.

BÁO MỚI

Chúng tôi vừa nhận được tin tập san « **Giáo-dục phổ thông** » đến số 24, phát hành ngày 1-10-1958, khuôn khổ rút nhỏ lại cỡ 16 x 24,5, dày 76 trang, và nội dung khởi sắc, với bộ biên tập gồm có :

Phạm - Quang - Lộc, Kiêm - Đạt, Nguyễn-Hiền, Võ - Liệu, Nguyễn-Trường-Sơn, Hoài-Khanh, Giang-Tàn, Lê - Thành - Nhân, Huy - Sơn, Phùng - Bá - Khanh, Vũ - Đăng, Nguyễn-Văn-Thanh, Vũ-Anh-Tuân, Châu-Hải-Kỳ, Nguyễn-Ngu-Í...

Xin chúc bạn đồng nghiệp thu nhiều kết quả với hình thức và nội dung đổi mới.

Giá vẫn bán 8\$.

Chúng tôi vừa nhận được :

— **Việt-Nam Tam giáo sử đại cương** của Ô. Nguyễn - Văn-Hầu do tác giả gởi tặng. Tác giả lần lượt trình bày nguồn gốc, học thuyết và sự truyền bá của đạo Nho, đạo Lão, đạo Phật cùng sự thịnh suy của Tam-giáo đó đã biến diễn tại Việt-Nam ra sao.

Sách dày 108 trang giá 39\$

— **Việt sử kinh nghiệm** do Lạc-Tử và Nguyễn-Văn-Hầu soạn, Tác giả lần lượt trình bày những cuộc đấu tranh, cách mạng từ các thời Bắc thuộc tới thời Pháp thuộc, mỗi chương đều kèm thêm một bài học kinh nghiệm.

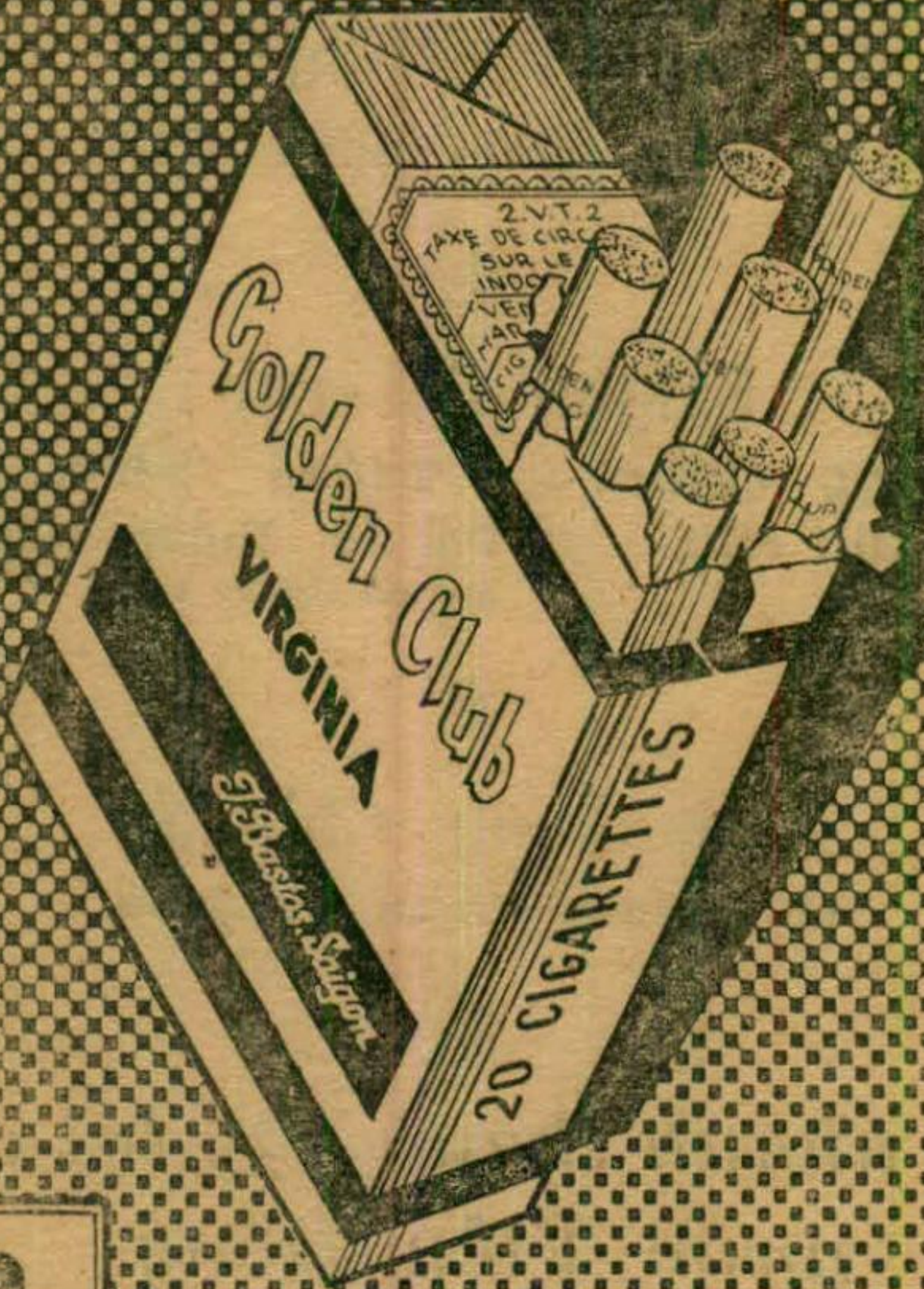
Sách dày 150 trang giá bán 40\$.

— **Bình giảng về Tự lực Văn Đoàn** của Ô. Nguyễn-Văn-Xung, do tác giả gởi tặng.

Sách dày 126 trang, giá bán 30\$.

Bách-Khoa xin trân trọng cảm ơn các tác giả và ân cần giới thiệu cùng đọc giả thân mến.

Golden Club



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

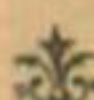
(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 4.400.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac


*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Vappo

1958

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

điện thoại - 21.670



Thuốc thơm
hảo hạng

**Gauls
King**

CIGARETTES

SAIGON

**Gauls
King**

AIP. 56

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ: Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

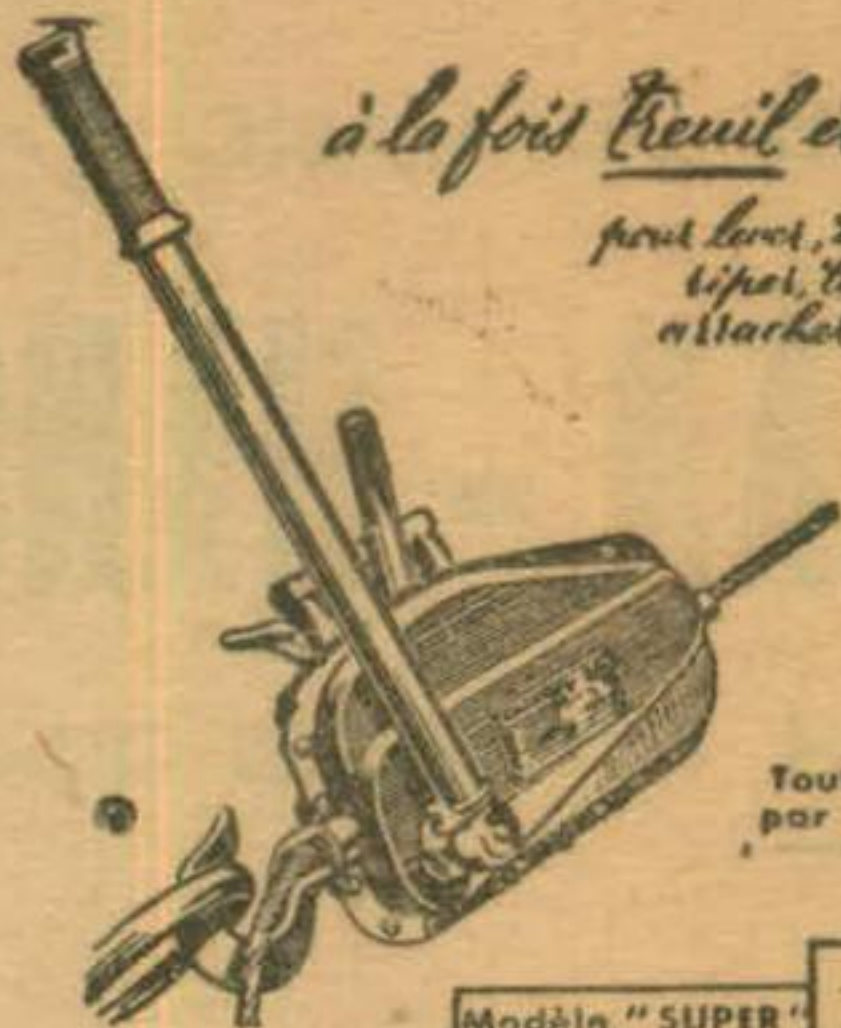


*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



à la fois Treuil et palan!

*pour lever, tirer
liger, tendre
attacher etc...*

6
avantages du
TIRFOR
(2^e série)

Toutes forces
par mouflage
facile

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kg
Poids : 18 kg



Modèle "MINES"
(Traction seule)
Forces : 1.500 et 3.000 kg
Poids : 18 et 21 kg

Tirfor rend
1000 services!
Demandez-nous le
brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài Gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



BLUE BIRD
Dùng Hộp Quẹt là
phụng-sự nền kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tín Forestière

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

ENCORE UNE FOIS... 1958 - 1959

M. G. M. AU SOMMET

Avec joie et fierté
nous vous présentons

notre production 1958-59 (SUITE)

L'ARBRE DE VIE
RAINTRÉE COUNTY

Montgomery Clift, Elisabeth Taylor
Eva Marie Saint

LE FIER REBELLE
THE PROUD REBEL

Alan Ladd, Olivia de Havilland
Dean Jagger, David Ladd

LA CHATTE SUR UN TOIT BRULANT
CAT ON A HOT TIN ROOF

Elisabeth Taylor, Paul Newman,
Burl Ives Jack Carson

LE VOYAGE
THE JOURNEY

Yul Brynner, Deborah Kerr,
Robert Morley

LA MAYA NUE
THE NAKED MAJA

Ava Gardner, Anthony Franciosa

LE TRÉSOR DU PENDU
THE LAW & JAKE WIND

Robert Taylor, Richard Widmark,
Patricia Owens

(À SUIVRE)

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

A circular embossed seal featuring a caduceus (a staff with two snakes entwined and wings at the top) in the center. The seal is surrounded by a decorative border.

B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

ໂອກາດ ນິວ ກາດ ລາວ AIR LAOS



SAMNEUA

Tél. 22102 et Cardî 34



MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỂ BAN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « HERMÈS »



ĐÃ RẺ LẠI TỐT — BÁN ST VÀ LỀ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT
(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :
2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON
Tél. : 23.741 — 23.742

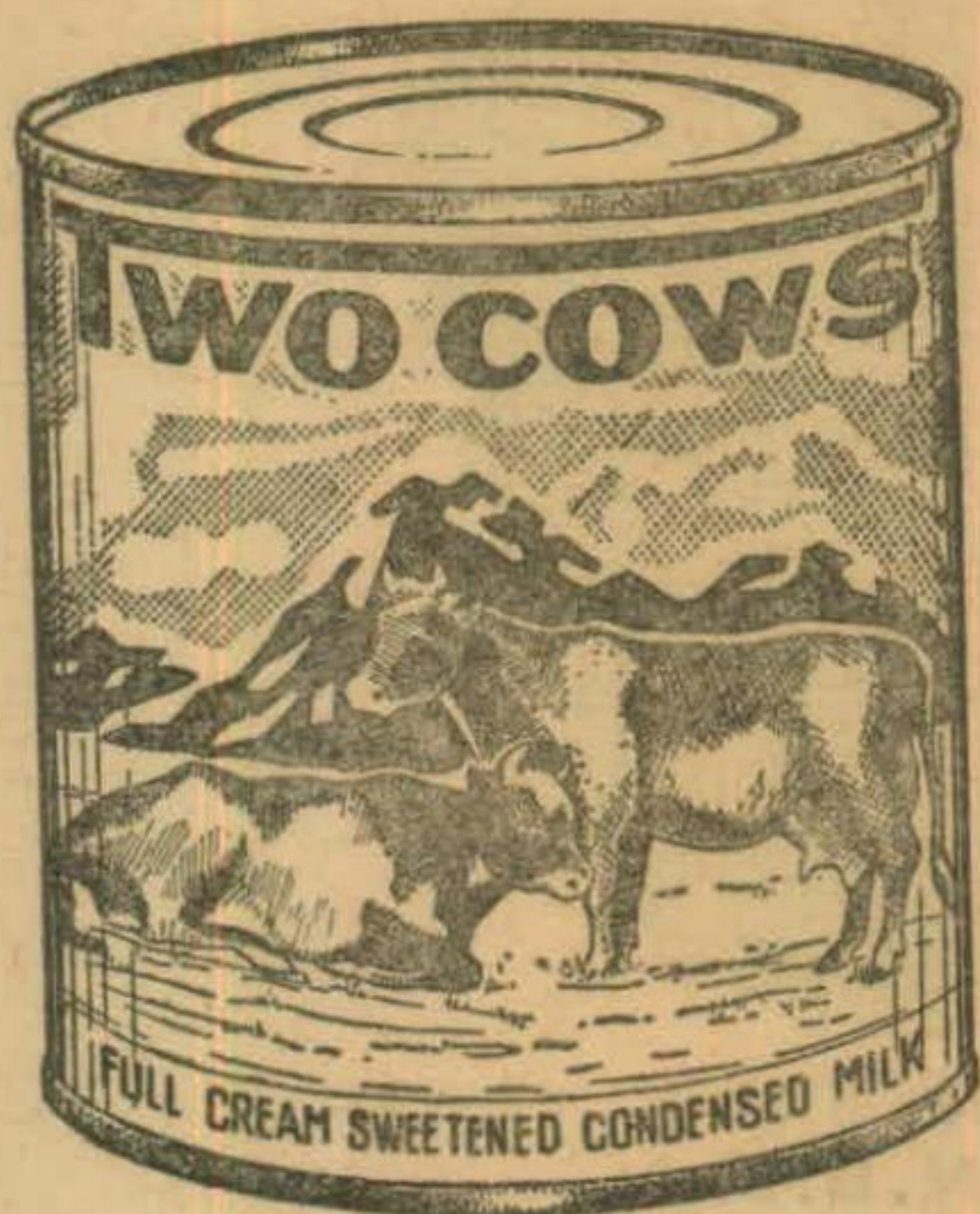


Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.
Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.
Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

SỮA ((HAI CON BÒ))



Được
Viện PASTEUR
SAIGON

chứng nhận là một
thứ sữa có đủ chất
bổ cho trẻ em dùng

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



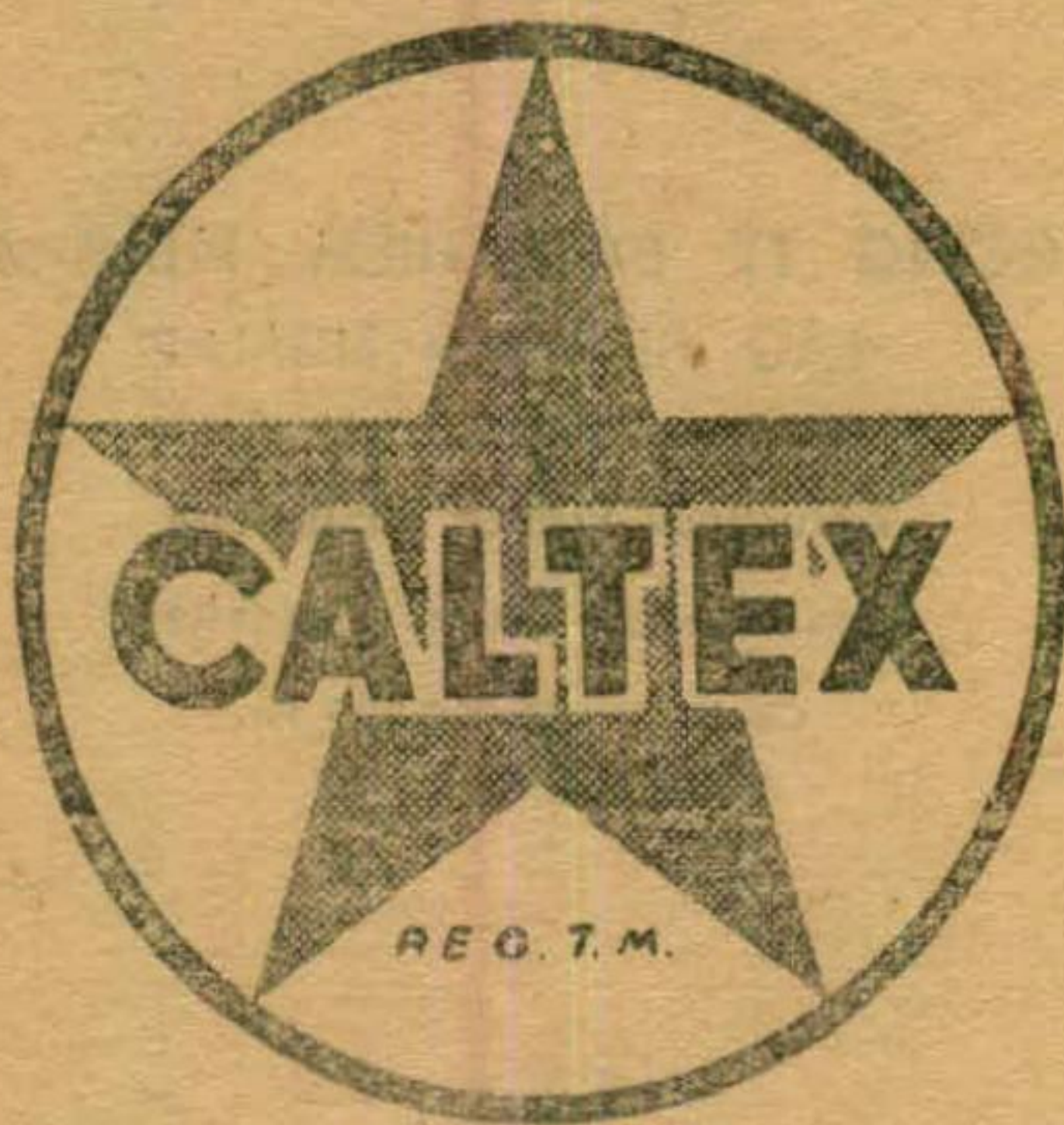
Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LÃNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LÃNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LÃNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy nói : 21.253 — 23.913

Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32, Đường Pasteur
— SAIGON —

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE, GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à Chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perçuses
		BERNADOU	

MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Rhum NEGRITA
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whiskk V.O. (Canadian)
NOILLY PRAT	Vermouth	FOUR ROSES	Bourbon



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «les Deux Béliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVENIR ETOILE

J. THIRIEZ PÈRE & FILS & CARTIER BRESSON:
Fil à Coudre, à Broder et à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

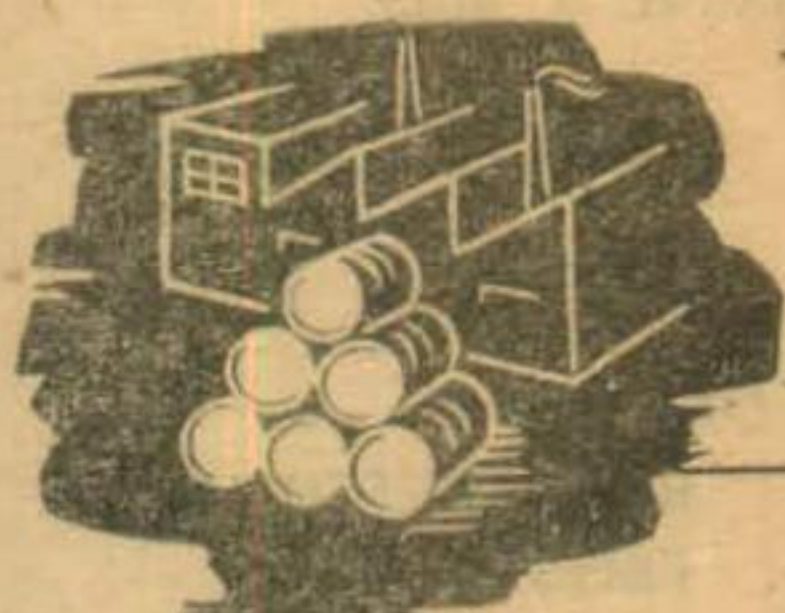
de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)
« MÉLIA »



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



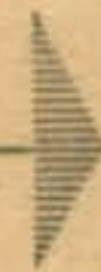
Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



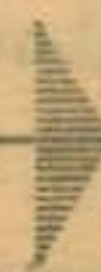
Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieltrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
để ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

ВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОА
ВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОА
ВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОА

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ

GIÁ : 10\$00

<http://tieulun.hopto.org>